

TÀI LIỆU ÔN THI HỌC SINH GIỎI NGỮ VĂN LỚP 8**PHƯƠNG PHÁP VIẾT MỞ BÀI KẾT BÀI HAY****(ÔN THI HỌC SINH GIỎI)**

Có nhiều yếu tố để làm nên một bài văn hay, và người ta thường chú trọng phần nội dung (thân bài) mà quên đi rằng mở bài và kết bài cũng quan trọng không kém. Mở bài đánh dấu bước khởi đầu trong quá trình trình bày vấn đề nghị luận, và kết bài cho ta biết việc trình bày vấn đề đã kết thúc để lại ấn tượng trong lòng người đọc. Để viết được một mở bài và kết bài hay, lôi cuốn cũng là một kỹ năng rất quan trọng.

I. PHƯƠNG PHÁP VIẾT MỞ BÀI**1. Tầm quan trọng của một mở bài hay:**

Nhà văn M.Gorki đã từng nói: “Khó hơn cả là phần mở đầu, cụ thể là câu đầu, cũng như trong âm nhạc, nó chi phối giọng điệu của tác phẩm và người ta thường tìm nó rất lâu”. Thật vậy, nhiều bạn trẻ thường gặp khó khăn trong việc mở đầu bài văn của mình. Một mở đầu hay sẽ giúp các bạn có thêm cảm hứng cho bài viết của mình, giúp bài viết được trôi chảy hơn. Mở bài hay còn tạo ấn tượng cho giám khảo. Và người đọc thấy được sự thích thú khi cảm nhận bài văn ngay từ phần mở đầu thì có thể khẳng định được chất lượng bài văn đạt giá trị cao. Một bài văn cần nhiều kỹ năng và mở bài là một kỹ năng quan trọng cho thấy người viết đã xác định đúng hướng và đi sâu vào vấn đề cần thể hiện.

2. Các yếu tố của một mở bài hay:

Để có một mở bài hay cho một bài viết không hề dễ dàng, hay ở đây không chỉ là nội dung thể hiện đủ đúng ý mà mở bài hay còn được thể hiện qua việc sử dụng ngôn từ viết hay, ngôn ngữ của mỗi người là khác nhau vì cách cảm nhận văn học trong mỗi người là khác nhau nên trau dồi về kiến thức văn học cũng quan trọng. Có hai nguyên tắc để viết mở bài hay: thứ nhất là nêu đúng vấn đề đặt ra trong đề bài hay còn gọi là làm “trúng đề”; thứ hai là chỉ được phép nêu những ý khái quát về vấn đề hay là tóm tắt nội dung thể hiện trong bài viết một cách súc tích nhưng vẫn thể hiện ý rõ diễn đạt.

Một mở bài hay cần có các yếu tố:

- Ngắn gọn: ở đây được hiểu mở bài hay ngắn gọn là ngắn về số lượng câu và nội dung thể hiện, số lượng câu chỉ cần khoảng 4 - 6 câu, nội dung chỉ cần sự tóm tắt ngắn gọn. Phần mở bài quá dài dòng không những khiến bạn mất thời gian mà còn khiến bạn bị cạn kiệt ý tưởng cho phần thân bài, đôi khi mở bài dài quá khiến sai lệch ý trong cách thể hiện. Hãy viết mở bài là sự tóm tắt, khơi nguồn nội dung ít để

người đọc cảm nhận được sự tò mò và đi chinh phục nội dung tiếp theo ở phần thân bài

- **Đầy đủ:** Một mở bài hay đầy đủ là phải nêu được vấn đề nghị luận, câu nói dẫn dắt, ngắn nhưng đầy đủ ý mới quan trọng, vấn đề chính cũng như nội dung quan trọng bắt buộc phải nhắc đến phần mở bài.

- **Độc đáo:** Độc đáo trong một mở bài hay là gây được sự chú ý cho người đọc về vấn đề cần viết bằng những liên tưởng khác lạ, tưởng tượng phong phú trong các bài văn miêu tả, kể tạo sự thu hút bất ngờ cho người đọc. Sự độc đáo trong mở bài khiến bài viết của các bạn trở nên nổi bật và nhận được sự chú ý và theo dõi của mọi người về chất lượng bài văn.

- **Tự nhiên:** Dùng ngôn từ giản dị, mộc mạc trong cách viết bài, đặc biệt thể hiện ở phần mở bài là cần thiết để có một mở bài hay.

Phần mở bài có ảnh hưởng đến cảm xúc, tâm lý người chấm nên sự đầu tư kỹ càng về kiến thức và kỹ năng cho phần mở bài để tránh lạc đề, sơ sài hay dài dòng, tuân thủ những nguyên tắc hay những yếu tố cơ bản là cần thiết trong việc tạo một mở bài hay và ý nghĩa.

3. Cách viết mở bài hay

Thông thường có hai cách mở bài:

a) Trực tiếp (cách này thường dành cho các bạn học sinh trung bình): Là cách đi thẳng vào vấn đề cần nghị luận. Nghĩa là sau khi đã tìm hiểu đề và tìm được vấn đề trọng tâm của bài nghị luận, ta nêu thẳng vấn đề đó ra bằng một luận điểm rõ ràng. Tuy nhiên khi mở bài trực tiếp, ta cũng phải trình bày cho đủ ý, không nói thiếu nhưng cũng không nên nói hết nội dung, phải đáp ứng đủ các yêu cầu của một phần mở bài đúng mực trong nhà trường. Đặt vấn đề theo cách trực tiếp dễ làm, nhanh gọn, tự nhiên, dễ tiếp nhận, tuy nhiên thường khô khan, cứng nhắc, thiếu hấp dẫn cho bài viết.

Nếu đề bài yêu cầu nghị luận về tác phẩm thì mở bài phải giới thiệu được tên tác giả, phong cách thơ tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, trích dẫn khổ thơ, hoặc giới thiệu vấn đề nghị luận.

b) Gián tiếp (dành cho các bạn khá – giỏi): Với cách này người viết phải dẫn dắt vào đề bằng cách nêu lên những ý có liên quan đến luận đề (vấn đề cần nghị luận) để gây sự chú ý cho người đọc sau đó mới bắt sang luận đề. Người viết xuất phát từ một ý kiến, một câu chuyện, một đoạn thơ, đoạn văn, một phát ngôn của nhân vật nổi tiếng nào đó,...

dẫn dắt người đọc đến vấn đề sẽ bàn luận trong bài viết. Mở bài theo cách này tạo được sự uyển chuyển, linh hoạt cho bài viết, hấp dẫn người đọc.

Các cách mở bài gián tiếp:

So sánh: So sánh là cách đối chiếu hai hoặc nhiều đối tượng với nhau ở phương diện giống nhau, khác nhau hoặc cả hai. Cách mở bài so sánh gây thích thú cho người đọc vì nó chứng tỏ người viết có kiến thức văn học phong phú. Có nhiều cách làm phần mở bài theo dạng so sánh. Tác phẩm thì có tác giả, đề tài, chủ đề, nội dung, cảm hứng, thể loại, giai đoạn, giá trị, nhân vật... nên người viết có thể đối chiếu điểm giống nhau, khác nhau hoặc vừa giống vừa khác của một trong các vấn đề đó.

Đi từ đề tài: Bất kì tác phẩm văn học nào cũng thuộc một đề tài nào đó. Hiểu điều này, cùng với kiến thức lí luận văn học “Đề tài là phạm vi hiện thực được phản ánh trong tác phẩm”, người viết nghị luận văn học sẽ dễ dàng giới thiệu vấn đề một cách rành mạch. Các nhà văn viết về mùa thu thì đề tài là mùa thu; viết về tình bạn, tình yêu, tình cảm gia đình thì đó cũng là đề tài.

Đi từ giai đoạn: Mỗi thời kì lịch sử, giai đoạn lịch sử lại có những bối cảnh xã hội khác nhau ảnh hưởng ít nhiều trực tiếp hoặc gián tiếp đến giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Đi từ giai đoạn, thời kì văn học sẽ gắn hiện thực đời sống với nhà văn - tác phẩm - bạn đọc. Cách mở bài này dành cho những học sinh kiểu “triết học gia” ham tìm tòi, ưa lí luận nhờ đó dễ tạo điểm nhấn cho bài văn.

Đi từ thể loại: Không có tác phẩm nào không thuộc một thể loại chính nào đó. Mỗi thể loại văn học lại có những đặc trưng riêng. Người viết dựa vào đặc trưng thể loại để giải mã nghệ thuật trong tác phẩm.

Trích dẫn một câu nói, một câu thơ hoặc từ một triết lí cuộc sống

II. PHƯƠNG PHÁP VIẾT KẾT BÀI

1. Tầm quan trọng của kết bài:

Kết bài trong văn nghị luận là một phần khá quan trọng bởi đây là phần sẽ tạo dư âm cho bài viết. Nếu kết bài có sức nặng sẽ tạo nên những cảm xúc rất tốt cho người đọc. Kết bài là phần kết thúc bài viết, vì vậy, nó tổng kết, thu tóm lại vấn đề đã được đặt ra ở mở bài và phát triển ở thân bài, đồng thời mở ra hướng suy nghĩ mới, tình cảm mới cho người đọc. Phần kết bài có nhiệm vụ tổng kết, đánh giá vấn đề đặt ra ở mở bài và đã giải quyết ở thân bài. Phần này góp phần tạo tính hoàn chỉnh, trọn vẹn cho bài văn.

2. Các yêu cầu viết kết bài hay:

Giống như phần mở bài, phần này chỉ nêu lên những ý khái quát, không trình bày lan man, dài dòng hoặc lặp lại sự giảng giải, minh họa, nhận xét một cách chi tiết như ở phần thân bài. Một kết bài thành công không chỉ là nhiệm vụ "gói lại" mà còn phải "mở ra" - khơi lại suy nghĩ, tình cảm của người đọc. Thâu tóm lại nội dung bài viết không có nghĩa là nhắc lại, lặp lại mà phải dùng một hình thức khác để khái quát ngắn gọn; khơi gợi suy nghĩ hay tạo dư ba trong lòng người đọc; là câu văn khi đã khép lại vẫn khiến cho người đọc day dứt, trăn trở, hướng về nó.

3. Cách viết mở bài hay:

- **Kết bài bằng cách bình luận mở rộng và nâng cao:** Là kiểu kết bài trên cơ sở quan điểm chính của bài viết, bằng liên tưởng, vận dụng, người viết phát triển, mở rộng nâng cao vấn đề.

CÁC CÁCH MỞ BÀI HIỆU QUẢ GV CẦN NẮM KHI ÔN HSG KHỐI 789, ÔN CHUYÊN.

1. Mở bài cho dạng đề phân tích nhân vật.

2. Mở bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

3. Mở bài dạng so sánh tác phẩm.

4. CÁCH MỞ BÀI CHO DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

a. Đề tài kháng chiến

b. Mở bài về hình ảnh người nông dân, bất hạnh

4.1. Mở bài bằng nhận định tác giả và quan niệm sáng tác

4.2. Mở bài bằng chủ đề hay hình tượng trung tâm

4.3. Bình luận mối quan hệ giữa văn học nghệ thuật và hiện thực cuộc sống. Chứng minh bằng một số tác phẩm.

4.4.ở bài nghị luận xuất phát từ lý luận văn học

4.5. Mở bài về thơ ca

4.6. Mở bài văn xuôi

5. Mở bài giới thiệu sự trường tồn của tác phẩm trong lòng người đọc.

5.1. Đi từ tác phẩm/tác giả

5.2. Đi từ tác phẩm/tác giả

5.3. Đi từ một nhận định

5.4. Sử dụng châm ngôn, ca dao, tục ngữ để bắt đầu

5.5. Đi từ hoàn cảnh sáng tác

5.6. Đi từ chủ đề

5.7. So sánh

5.8. Phản đề

6. Mở bài theo lối đồng điệu cùng chủ đề.

7. Mở bài thông thường

8. Mở bài cho một chi tiết truyện

CẤU TRÚC MỘT BÀI NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT Ý KIẾN, NHẬN ĐỊNH

Dàn ý của dạng bài giải quyết một vấn đề lí luận văn học:

Dàn ý chung phần thân bài như sau:

Thao tác Nội dung Mức độ tư duy:

1. Mở bài: Tùy theo yêu cầu của đề để có những hướng tiếp cận mở bài khác nhau.

2. Thân bài:

2.1. Giải thích:

- Giải thích các thuật ngữ, các từ ngữ, hình ảnh khó hiểu trong nhận định.
- Chốt vấn đề nghị luận: Như vậy, vấn đề cần bàn ở đây là gì? (Đọc – Hiểu)

2.2. Bàn luận:

- Sử dụng các kiến thức lí luận văn học để lí giải vấn đề nghị luận.
- Trả lời cho câu hỏi “vì sao?” (Vận dụng Tổng hợp)

2.3. Chứng minh:

- Chọn chi tiết trong tác phẩm để làm rõ các biểu hiện của vấn đề nghị luận. (Phân tích)

+Luận điểm 1:

+Luận điểm 2:

+Luận điểm 3:

.....

2.4. Đánh giá:

- Đánh giá tính đúng đắn của vấn đề nghị luận.

– Bổ sung, phản biện lại vấn đề (Nếu có) (Đánh giá)

2.5. Liên hệ:

3. Kết bài.

Rút ra bài học cho nhà văn trong quá trình vận dụng sáng tác và bạn đọc trong quá trình tiếp nhận.

Khi làm bài, cần vận dụng linh hoạt các bước trên nhưng nhất thiết phải có đầy đủ các thao tác này để bài viết không bị mất điểm.

ĐỀ ÔN LUYỆN

Chuyên đề 2: ĐỀ TỔNG HỢP, ĐỀ MỞ (46 ĐỀ 187 TRANG)- 1 TRONG 14 CHUYÊN ĐỀ CỦA BỘ ĐỀ.

Đề 27

ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 HUYỆN NĂM HỌC: Thời gian: 150 phút

ĐỀ BÀI

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm).

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

(1) “Thế giới cần nâng niu quá đổi. Ta sống đời lại thô tháp làm sao. Ta làm tổn thương những dòng sông. Ta làm tổn thương những mặt đầm. Ta làm tổn thương những mảnh vườn. Ta làm tổn thương những mùa hoa trái. Ta làm tổn thương những bình minh yên ả. Ta làm tổn thương những canh khuya trong vắng. Ta làm đau những niềm người quá đổi mong manh...”

(2) Mặt đất ngàn đời quen tha thứ. Đại dương bao la quen độ lượng. Cánh rừng mệnh mông quen trầm mặc. Những dòng sông quen chảy xuôi. Những hồ đầm quen nín lặng. Những nẻo đường quen nhẩn nhin. Những góc vườn quen che giấu. Những thảm rêu vốn không biết đổi hờn. Những đoá hoa không bao giờ chì chiết. Những giấc mơ chỉ một mực bao dung. Những yêu thương không bao giờ trả đũa... Và ta cứ yên chí đi qua thế giới này với bước chân quen xéo lên cỏ hoa. Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu”.

(Chu Văn Sơn, *Nên bị gai đâm*)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Em hãy cho biết chủ đề của đoạn văn (1).

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn văn (2).

Câu 4. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng: “*Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu.*”?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14 điểm).

Câu 1. Từ nội dung ở phần đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ, tương đương 20 – 25 dòng) nêu suy nghĩ của em về ***lòng vị tha***.

Câu 2. Giáo sư, nhà giáo, nhà lý luận - phê bình văn học Lê Ngọc Trà có nhận định cho rằng: ***“Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư.”***

Em hiểu nhận định trên như thế nào? Phân tích bài thơ **“Khi con tu hú”** (Tố Hữu) để làm sáng tỏ nhận định trên. Liên hệ với bài thơ **“Tiếng gà trưa”** (Xuân Quỳnh, Ngữ văn 7, tập 2) để làm rõ sự ***“tự giải bày và gửi gắm tâm tư”*** của nhà thơ.

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN CHẤM

Hướng dẫn cụ thể:

Câu	Yêu cầu	Điểm
Phần I ĐỌC - HIỂU		
1.	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.	
2.	Chủ đề đoạn văn: Con người ta quá vô tình trước những tội lỗi, tổn thương do chính mình gây nên đối với thế giới tự nhiên và người khác.	
3.	- Biện pháp nghệ thuật nổi bật: Điệp từ (<i>quen</i>), điệp cấu trúc câu (<i>Những ... quen ...</i>). - Tác dụng: + Nhấn mạnh sự vô tư, bao dung, rộng lượng, tha thứ và sẻ chia của tự nhiên đối với con người. + Tạo cho đoạn văn giàu tính nhạc.	
4.	- Vì con người ta quá vô tư trước những tổn thương mà mình gây ra cho kẻ khác vì vậy mà bản thân chúng ta cũng nên bị “thương” để hiểu được tổn thương người khác cũng chính là làm đau chính mình và mọi người, tổn thương chính là rỉ máu. - Lúc ấy ta sẽ biết yêu thương, chia sẻ; ta sẽ hòa vào thế giới này bằng trái tim độ lượng, bao dung, sẽ biết thấu hiểu, trân trọng, nâng niu thiên nhiên, đồng loại, dẹp bỏ đi thói vị kỉ, vô tâm, thờ ơ vô cảm để quan tâm nhiều hơn đến mọi người.	
Phần II. LÀM VĂN		
1.	Nghị luận xã hội	
	a. Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận: Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân đoạn làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được luận điểm; Kết đoạn khái quát được nội dung nghị luận.	
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	
	c. HS triển khai vấn đề nghị luận cụ thể, rõ ràng. Có thể trình bày theo định hướng sau: - Giải thích khái niệm: Vị tha là biết quan tâm, chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hi sinh lợi ích của cá nhân mình. Lòng vị tha ở con người chứng tỏ một tinh thần vô cùng bao dung, nhân ái. - Biểu hiện của lòng vị tha: thể hiện ở thái độ vô tư, không mưu toan tính toán khi giúp đỡ người khác làm một việc gì đó. Sẵn sàng giúp đỡ bạn bè,	

	<p>biết cảm thông giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của người khác, biết quan tâm đến những người xung quanh, sống hoà mình với mọi người, biết yêu thương đồng bào, đồng loại....</p> <p>- Vai trò của lòng vị tha: đối với bản thân, con người sẽ cảm thấy thanh thản trước cuộc đời bởi thấy rằng mình có ích, được mọi người mến yêu, quý trọng. Đối với mọi người: lòng vị tha giúp người khác thấy cuộc có ý nghĩa, góp phần làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.</p> <p>- Mở rộng: Phê phán thái độ sống ích kỉ, chỉ biết quan tâm đến lợi ích bản thân, có khi vì mình mà làm hại cho tập thể, cho dân, cho nước.</p> <p>- Bài học: Lòng vị tha là đức tính quý báu cần có của mỗi con người. Sống vị tha mỗi người sẽ cảm thấy thêm yêu cuộc sống, có động lực để sống tốt hơn trong cuộc đời này.</p>	
	d. Sáng tạo: có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.	
2.	Nghị luận văn học	
	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm; kết bài khái quát được nội dung nghị luận.	
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:</p> <p>* Giới thiệu chung về vấn đề nghị luận.</p> <p>- Dẫn dắt vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến của Lê Anh Trà.</p> <p>- Khẳng định vấn đề trong tác phẩm <i>Khi con tu hú</i> của Tố Hữu, liên hệ tác phẩm <i>Tiếng gà trưa</i> của Xuân Quỳnh: cả hai văn bản đều là “sự giải bày và gửi gắm tâm tư”, thể hiện những tình cảm cao đẹp của con người.</p> <p>* Triển khai làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.</p> <p>1. Giải thích ý kiến:</p> <p>- Tiếng nói tình cảm trong văn học được bày tỏ rất đa dạng: “sự giải bày” là thể hiện tình cảm một cách trực tiếp, chân thành; “gửi gắm tâm tư” là bộc lộ tình cảm âm thầm kín đáo, mong chờ tiếng nói đồng vọng tri âm tri kỉ.</p> <p>- Văn học phải thể hiện được mọi khía cạnh trong đời sống con người: số phận, tư tưởng, trí tuệ, và đặc biệt là tình cảm. Văn học phải chuyên chở mọi cung bậc tình cảm của con người, là cầu nối giữa biết bao tâm hồn, biết bao cảm xúc.</p> <p>- Cảm xúc trong văn học không phải là thứ cảm xúc vu vơ hời hợt, mà bao giờ nó cũng phải là một cảm xúc mãnh liệt. Nó không phải cái mãnh liệt ầm ào bên ngoài, mà nó là sự cô đặc về chất của cảm xúc.</p> <p>- Cảm xúc của văn học phải được soi chiếu dưới lý tưởng của thời đại,</p>	

phải được dẫn dắt bởi một tư tưởng.

➔ Nhận định của giáo sư Lê Ngọc Trà đã đề cập đến đặc trưng quan trọng trong nội dung của tác phẩm văn học: tính cảm xúc. Từ sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư, văn học cất lên tiếng nói chung, tạo ra tiếng vọng kêu gọi những tấm lòng đồng cảm, để biết bao người đọc tìm thấy mình trong từng con chữ của người nghệ sĩ.

2. Chứng minh nhận định qua bài thơ “Khi con tu hú”:

Khái quát về bài thơ: Tố Hữu sáng tác bài thơ Khi con tu hú tại nhà lao Thừa Phủ (Huế) vào mùa hè năm 1939, sau khi bị thực dân Pháp bắt giam vì “tội” yêu nước và làm cách mạng. Bài thơ thể hiện tâm trạng xôn xang, bức bối của người thanh niên cộng sản đang bị cầm tù, khi nghe thấy tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè đến đã muốn phá tung xiềng xích để trở về với đồng bào, đồng chí yêu thương.

*** Luận điểm 1. Tiếng chim tu hú là yếu tố gợi mở để mạch cảm xúc trào dâng mãnh liệt, là sự “tự giải bày” của người tù cộng sản:**

- Tiếng chim tu hú gợi bày gợi cho nhà thơ nghĩ đến khung trời lồng lộng ở bên ngoài và càng cảm thấy ngột ngạt trong xà lim chật chội, càng khao khát cháy bỏng cuộc sống tự do (dẫn chứng).

- Đó là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, của sự sống tung bừng sinh sôi nảy nở. Tiếng chim vô tình tác động đến tâm hồn người tù trẻ tuổi. Nằm trong xà lim chật hẹp, tối tăm, cách biệt với thế giới bên ngoài, nhà thơ lắng nghe tiếng chim rộn rã, lắng nghe mọi âm thanh cuộc đời bằng tâm hồn và trái tim nhạy cảm của người nghệ sĩ. Một tiếng chim thôi cũng gợi trong tâm tưởng nhà thơ cả một trời thương nhớ về những mùa hè nồng nàn của quê hương (dẫn chứng, phân tích).

- Sáu câu thơ lục bát uyển chuyển mở ra cả một thế giới rộn ràng, tràn trề nhựa sống. Nhiều âm thanh, hình ảnh tiêu biểu của mùa hè được đưa vào bài thơ: tiếng ve ngân trong vườn cây, lúa chiêm chín vàng trên cánh đồng, bầu trời cao rộng với cánh diều chao lượn, trái cây chín mọng ngọt lành... Tiếng chim tu hú khởi đầu và bắt nhịp cho mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ màu sắc, ngọt ngào hương vị... trong cảm nhận của người tù. Đoạn thơ thể hiện khả năng cảm nhận tinh tế và khát vọng tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ trung, yêu đời nhưng đang bị quân thù tước mất tự do.

- Sức sống mãnh liệt của mùa hè chính là sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ khát khao lí tưởng cách mạng, khát khao hoạt động, cống hiến cho dân, cho nước. Tiếng chim tu hú là tiếng gọi thôi thúc của cuộc sống đối với người chiến sĩ cách mạng đang bị giam cầm. Bên ngoài là tự do, phóng khoáng, đối lập với sự tù túng, bức bối trong nhà giam (dẫn chứng).

*** Luận điểm 2. Tiếng chim tu hú không chỉ gợi nhớ yêu thương, mà còn là lời giục giã người chiến sĩ nhanh chóng trở về với cách mạng, cũng là sự “gửi gắm tâm tư” của người tù cộng sản.**

- Tâm trạng đau khổ, uất ức bật thốt thành lời thơ thống thiết. Cách ngắt nhịp bất thường kết hợp với các từ ngữ có khả năng đặc tả và những từ cảm thán như truyền đến độc giả cái cảm giác uất hận cao độ và niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh tù ngục, trở về với cuộc sống tự do bên ngoài của người thanh niên yêu nước đang bị giam cầm trong lao tù đế quốc (dẫn chứng).

- Những câu thơ chứa đựng nỗi khắc khoải, vật vã, day dứt khôn nguôi cả về thể xác lẫn tâm hồn của nhà thơ trẻ. Trong hoàn cảnh ấy, thời khắc ấy, người cộng sản phải tự đấu tranh với bản thân để làm chủ mình, vượt lên những đắng cay nghiệt ngã của lao tù đế quốc, nuôi dưỡng ý chí, giữ vững khí tiết và tinh thần đấu tranh cách mạng.

- Tiếng chim tu hú cứ kêu hoài như nhắc nhở tới nghịch cảnh của nhà thơ, giục giã nhà thơ phá tung tù ngục để giành lại tự do. Bốn câu thơ sau căng thẳng như chứa đựng một sức mạnh bị dồn nén chỉ chờ bật tung ra. Đó là tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi hoạt động chưa được bao lâu đã lâm vào cảnh tù ngục, lúc nào cũng khao khát tự do, muốn thoát khỏi bốn bức tường xà lim lạnh lẽo để trở về với đồng bào, đồng chí thân yêu.

- Tiếng chim tu hú chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi đã làm dậy lên tất cả cảnh và tình mùa hè trong tâm tưởng nhà thơ. Người tù thấu hiểu được cảnh ngộ trớ trêu của mình trong chốn lao tù ngột ngạt, giữa lúc cuộc sống bên ngoài đang nảy nở, sinh sôi. Phải bút tung xiềng xích, phá tan những nhà ngục hữu hình và vô hình đang giam hãm cả dân tộc trong vòng nô lệ.

- Bài thơ hay ở những hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi cảm, ở nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát uyển chuyển, tự nhiên và cả ở những cảm xúc thiết tha, sâu lắng, thể hiện được nguồn sống sôi của người cộng sản.

Luận điểm 3. Bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) là sự bộc lộ tình cảm yêu quê hương, đất nước chân thành, sâu lắng của nhà thơ qua hình tượng tiếng gà trưa, cũng là sự “tự giải bày và gửi gắm tâm tư” của nhà thơ.

- Khái quát về bài thơ: Bài thơ Tiếng gà trưa được viết trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ trên phạm vi cả nước. Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng ấy, hàng triệu thanh niên đã lên đường với khí thế “xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mỹ, Máu lòng phơi phới dậy tương lai”. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người chiến sĩ trẻ đang cùng đồng đội trên đường hành quân vào Nam chiến đấu. Tiếng gà trưa đã gợi nhớ về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình, quê hương đã làm sâu sắc thêm tình yêu đất nước.

- Bao trùm bài thơ là nỗi nhớ còn cào, da diết. Chỉ một tiếng gà trưa bất chợt nghe thấy khi dừng chân bên xóm nhỏ là đã gợi dậy cả một trời thương nhớ, thể hiện sự rung cảm cao độ trong tâm hồn chiến sĩ (dẫn chứng)

- Quê nhà hiện lên rõ nét trong tâm tưởng và những kỉ niệm tuổi thơ lần lượt sống dậy qua những hình ảnh thân thương. Tiếng gà trưa khiến người cháu xa nhà nhớ đến người bà kính yêu một đời tần tảo (dẫn chứng).

- Nổi bật qua gần suốt bài thơ là hình ảnh người bà chất chiu, giành giụa yêu thương cháu. Bà đã luôn ân cần, hi sinh và mệt nhọc. Hình ảnh người bà được miêu tả gắn bó thân thuộc với quê hương làng xóm, hơn thế nó còn là những kỉ niệm không bao giờ phai nhạt (dẫn chứng).

- Tâm trạng người chiến sĩ trẻ từ những kỉ niệm về tuổi thơ của mình mà khi quay về thực tại với con đường hành quân trở nên giàu lòng hăng hái với giọng thơ tràn trề sinh khí. Xuân Quỳnh đã khẳng định mục đích chiến đấu hôm nay đó là vì tổ quốc, vì bà, vì kỉ niệm tuổi thơ êm đềm của mình. Và nhà thơ khẳng định mình chiến đấu hôm nay chính là vì muốn bảo vệ quê hương, bảo vệ sự yên bình của mọi mái nhà trên tổ quốc (dẫn chứng).

	<p>➔ Tiếng gà trưa gợi những nỗi nhớ về người bà, về những kỉ niệm tuổi thơ, về quê hương làng xóm và mục đích chiến đấu của người chiến sĩ chính là “sự giải bày” tình cảm của người chiến sĩ trẻ.</p> <p>- Tiếng gà cũng là tiếng gọi thân yêu của bà, của mẹ, của quê hương. Tiếng gọi thân yêu ấy như là niềm tin cho người chiến sĩ trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương yêu dấu, là tình cảm tiên tuyến - hậu phương của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến, gian khổ có thể làm mệt mỏi, bom đạn có thể hủy diệt mọi thứ nhưng những tình cảm về bà, về những kỉ niệm ấu thơ cùng tiếng gà trưa không bao giờ chết mà vẫn còn nguyên lửa, vẫn cứ trào dâng trong lòng. Đó là tình cảm, cảm xúc được gửi gắm kín đáo trong bài thơ.</p> <p>- Bài thơ “Tiếng gà trưa” của nhà thơ Xuân Quỳnh là một bài thơ hay, những câu từ trong bài thơ bắt nguồn từ những thứ giản dị, gần gũi và mộc mạc nhưng lại có giá trị lớn lao và cao đẹp.</p> <p>* Đánh giá chung.</p> <p>- Hai bài thơ “Khi con tu hú” (Tố Hữu) và “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) tuy sáng tác ở hai thời kỳ khác nhau, có những nét khác biệt về nội dung và nghệ thuật song đều là những bài thơ hay của dòng văn học cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Cả hai bài thơ đều hướng tới ngợi ca những tình cảm cao đẹp của người Việt Nam: tình yêu thiên nhiên, tình cảm gia đình, tình yêu đất nước... Những tình cảm đó chính là “sự giải bày và gửi gắm tâm tư” của nhà thơ đến với bạn đọc thông qua sáng tác của mình.</p> <p>- Khẳng định nhận định của giáo sư, nhà giáo, nhà phê bình văn học Lê Ngọc Trà là hoàn toàn chính xác bởi đặc trưng quan trọng trong nội dung của tác phẩm văn học chính là tính cảm xúc.</p>	
	d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25

Đề 3:

ĐỀ THI CHỌN H.S.G LỚP 8 NĂM HỌC : 2018-2019 MÔN : NGỮ VĂN

PHẦN I – ĐỌC HIỂU

I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu:

Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ. Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa. Và khi không còn có nhu cầu đó nữa thì đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi và cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng. Đây là một câu chuyện nghiêm túc, lâu dài và cần được trao đổi, thảo luận một cách cũng rất nghiêm túc, lâu dài. Tôi chỉ muốn thử nêu lên ở đây một đề nghị: Tôi đề nghị các tổ chức thanh niên của chúng ta, bên cạnh những sinh hoạt thường thấy hiện nay, nên có một cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình. Gần đây có một nước đã phát động phong trào trong toàn quốc, mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách. Chúng ta cũng có thể làm như thế, hoặc vận động mỗi người trong một năm đọc lấy một cuốn sách. Cứ bắt đầu bằng việc rất nhỏ, không quá khó. Việc nhỏ đấy, nhưng rất có thể là việc nhỏ khởi đầu một công việc lớn.

(Theo Nguyên Ngọc, Một đề nghị, Tạp chí điện tử tiasang.com.vn, ngày 19-7-2007)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 2: Vì sao tác giả cho rằng: “Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa”?

Câu 3: Theo em việc nhỏ và công cuộc lớn mà tác giả đề cập đến trong đoạn văn là gì?

Câu 4: Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua đoạn trích?

PHẦN II – LÀM VĂN

Câu 1 (6 điểm) Người thành công luôn tìm thấy cơ hội trong khó khăn. Kẻ thất bại luôn thấy khó khăn trong mọi cơ hội.

Câu 2. (10 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “*Dù được sáng tác theo trào lưu lãng mạn hay hiện thực, những trang viết của những nhà văn tài năng và tâm huyết đều thấm đượm tinh thần nhân đạo sâu sắc*”

Qua các văn bản “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố và văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Đọc hiểu (4 đ)

Câu	Nội dung
1	Phương thức biểu đạt chính: phương thức nghị luận/ nghị luận -
2	“Công cuộc lớn” đọc sách trở thành ý thức, thành nhu cầu của mỗi người, mỗi gia

	đình trong xã hội, phần đầu đưa việc đọc sách trở thành văn hóa của quốc gia, dân tộc. “Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ”. Lí do: vì không đọc sách thì đời sống tinh thần con người\ nghèo đi, mòn mỏi đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng.
3	- “Việc nhỏ” là vận động đọc sách và gây dựng tủ sách trong mỗi gia đình, mỗi người có thể đọc từ vài chục dòng mỗi ngày đến một cuốn sách trong năm.
4	Thông điệp: từ việc khẳng định đọc sách là biểu hiện của con người có cuộc sống trí tuệ, không đọc sách sẽ có nhiều tác hại, tác giả đưa ra lời đề nghị về phong trào đọc sách và nâng cao ý thức đọc sách ở mọi người.

Câu 1 (6đ)

1. Giải thích:

Người thành công là người đạt được mục đích mà mình đặt ra sau một quá trình nỗ lực, cố gắng.

Kẻ thất bại là người không thực hiện được những mong muốn, dự định đã đặt ra.

Cơ hội: hoàn cảnh thuận tiện gặp được để làm việc gì mình mong ước.

Về thực chất, câu nói khẳng định sự thành bại của mỗi người phụ thuộc vào cách người ấy đón nhận và xử thế trước những vấn đề của đời sống.

2. Bình luận

- *Thành* và *bại* luôn song hành như một thực thể khách quan. Không ai không từng gặp thất bại, ngay cả những người thành công. (dẫn chứng)

- Sự thành bại của mỗi người không chỉ phụ thuộc vào tài năng hay cơ hội mà còn ở thái độ của người đó trước những khó khăn trong cuộc sống:

+ Với những người giàu nghị lực, mỗi khó khăn là cơ hội để tích lũy kinh nghiệm, kiểm chứng năng lực của bản thân. Và như thế, họ sẽ luôn tìm thấy cơ hội trong mỗi khó khăn để thành công.

+ Với những người bi quan, lười biếng khi gặp khó khăn thử thách vội chán nản, tự tìm thấy lí do để thoái thác công việc, từ bỏ ước mơ. Không vượt qua khó khăn càng khiến họ mất hết niềm tin để rồi chỉ thấy khó khăn trong mọi cơ hội. Và chắc chắn họ sẽ luôn thất bại.

Cuộc sống rất khắc nghiệt nhưng luôn ẩn giấu nhiều cơ hội mà mọi người cần nắm bắt.

Sự thành bại ở một giai đoạn không có ý nghĩa trong suốt cả cuộc đời. Mọi người cần có cách ứng xử trước mọi thành bại để đạt được những điều mình mong ước.

Thành công chỉ có được sau quá trình học tập, tích lũy, nỗ lực, rèn luyện lâu dài

Phê phán thái độ sống hèn nhát, lười biếng, dễ gục ngã, mất niềm tin sau những lần thất bại.

3. Bài học nhận thức và hành động

- Cần phải có niềm tin, nghị lực lớn để vượt qua những thử thách khó khăn trong cuộc sống, để luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn.
- Không ngại đối mặt với khó khăn. Coi khó khăn, thử thách như một phần tất yếu của cuộc sống.
- Luôn hành động mạnh mẽ, quyết đoán để khắc phục khó khăn...

Câu 2. (10 điểm)

I. Yêu cầu chung

- Về nội dung: Hiểu yêu cầu đề bài, nắm vững tác phẩm, biết phân tích theo định hướng, văn viết mạch lạc, có cảm xúc.
- Về hình thức: Trình bày ý rõ ràng, biết cân đối với hai câu trên.

II. Yêu cầu cụ thể

Chấp nhận trình tự, cách thức khai triển khác nhau, miễn là thí sinh có ý thức bám sát và làm sáng rõ định hướng sau:

1. Mở bài: Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn và giới hạn vấn đề

2. Thân bài

2.1. Giải thích ý kiến

* Học sinh cần giải thích được ý của nhận định

- Trào lưu lãng mạn? Trào lưu hiện thực?

Tinh thần nhân văn nhân đạo: là nói đến mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, những gì vì con người cho con người cho những điều tốt đẹp của bản thân mỗi người. Thường thể hiện ở tiếng nói yêu thương, trân trọng con người, ca ngợi vẻ đẹp của tình người và sự cảm thông với những số phận khổ đau bất hạnh đồng thời lên án phê phán tố cáo cái xấu, cái ác, ngọn nguồn của những đau khổ bất hạnh..

- Ý kiến muốn khẳng định: Trong sáng tác văn học các trào lưu lãng mạn và hiện thực chủ nghĩa có cách thức và nội dung phản ánh hiện thực khác nhau nhưng trên những trang viết các nhà văn tài năng đều thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc....

2. 2. Chứng minh:

a. Giới thiệu ngắn gọn chung về Nam Cao và Ngô Tất Tố cùng hai văn bản để thấy đây là hai nhà văn tài năng và tâm huyết và khẳng định với những cách khác nhau hai văn bản đều tỏa sáng tinh thần nhân văn nhân đạo

- Nam Cao và Ngô Tất Tố đều là những nhà văn tài năng và tâm huyết của văn học hiện thực của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

+ Nam Cao được bạn đọc yêu mến bởi những trang viết chân thực và sâu sắc về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức cùng phần phải sống mòn, bế tắc trong xã hội cũ...Truyện ngắn “Lão Hạc” là truyện tiêu biểu...

+ Ngô Tất Tố được coi là “nhà văn của nông dân” là một nhà văn am tường trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu, học thuật sáng tác. Văn bản “ Tức nước vỡ bờ” là trang viết sinh động trong Tiểu thuyết “Tắt đèn” nổi tiếng của ông....

- Bằng hai cách viết khác nhau nhưng cùng theo trào lưu hiện thực văn bản “Lão hạc” của Nam Cao và “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố đều là những trang viết thấm đẫm tinh thần nhân đạo của những nhà văn tài năng và tâm huyết: Đó là tiếng nói đồng cảm với nỗi khổ đau của người nông dân trong xã hội cũ, trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của người nông dân và lên án tố cáo các thế lực tàn ác đẩy người nông dân vào bần cùng, khổ đau bất hạnh...

b. Phân tích, chứng minh tinh thần nhân đạo trong hai văn bản “Lão Hạc” và “Tức nước vỡ bờ”

b.1. Thứ nhất tinh thần nhân đạo thể hiện tiếng nói cảm thông với những khổ đau

bất hạnh của con người:*** Truyện “ Lão Hạc”**

+ Nam Cao cảm thương cho Lão Hạc một lão nông dân nghèo khổ bất hạnh, đáng thương sống trong thời kì thực dân phong kiến (HS đưa dẫn chứng về nỗi khổ vật chất, tinh thần của Lão Hạc)

+ Cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực yêu thương con luôn vun đắp dành dụm những gì có thể có để con có cuộc sống hạnh phúc...

*** Văn bản “ Tức nước vỡ bờ”**

- Ngô Tất Tố đã thấu hiểu, cảm thông sâu sắc về tình cảnh cơ cực, bế tắc của người nông dân qua tình cảnh thê thảm đáng thương của gia đình chị Dậu trong buổi sáng lúc bọn tay sai ập đến (HS đưa dẫn chứng về tình thế, hoàn cảnh của gia đình chị Dậu)

b.2. Tinh thần nhân đạo ấy còn được thể hiện qua lời ngợi ca trân trọng, tin tưởng những phẩm chất tốt đẹp của con người..

+ Với “Lão Hạc” Nam Cao đã trân trọng ngợi ca lão Hạc lão nông dân nghèo khổ nhưng có phẩm chất vô cùng cao đẹp: tấm lòng đôn hậu, trái tim giàu tình yêu thương, lối sống tự trọng (HS đưa dẫn chứng phân tích làm rõ lời ngợi ca của tác giả với Lão Hạc)

+ Trong “Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố với tinh thần nhân đạo của nhà văn đầy tâm huyết đã phát hiện và ngợi ca tâm hồn cao đẹp của chị Dậu người phụ nữ nông dân Việt Nam hiền lành chất phác nhưng giàu tình yêu thương chồng con với tinh thần phản kháng mãnh liệt (HS đưa dẫn chứng về sự ngợi ca về tình yêu thương chồng con của chị Dậu và sự phản kháng của chị Dậu..)

B3. Qua tác phẩm LH và đoạn trích TNVB, nhà văn thể hiện thái độ phản kháng, lên án XH thực dân PK tàn bạo, thói nát đã đẩy người nông dân vào bước đường cùng

- Văn bản “Lão Hạc” gián tiếp tố cáo xã hội phong kiến với hủ tục, với chính sách thuế khóa nặng nề khiến con trai Lão Hạc vì nhà nghèo mà không lấy được vợ phải phần chí bỏ đi làm đồn điền cao su để Lão Hạc phải sống trong cảnh tuổi già cô đơn không người chăm sóc.(HS đưa dẫn chứng)

- Với “Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố đã lên án bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực

dân nửa phong kiến đương thời qua việc miêu tả lối hành xử của các nhân vật thuộc bộ máy chính quyền thực dân nửa phong kiến, đại diện cho giai cấp thống trị (HS đưa dẫn về sự lên án tố cáo thái độ hống hách, táng tận lương tâm của nhà văn với tên cai lệ và người nhà lí trưởng)

c. Nghệ thuật thể hiện tinh thần nhân văn nhân đạo trong hai tác phẩm.

- Với Nam Cao qua văn bản “Lão Hạc” bằng nghệ thuật kể chuyện đặc sắc: kết hợp tự sự, trữ tình lập luận thể hiện nhân vật qua chiều sâu tâm lí với diễn biến tâm trạng phức tạp cùng việc lựa chọn ngôi kể hợp lí, sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, lối kể chuyện khách quan...

- Còn Ngô Tất Tố qua đoạn tiểu thuyết “Tức nước vỡ bờ” đầy kịch tính, lối kể chuyện, miêu tả nhân vật chân thực sinh động (từ ngoại hình ngôn ngữ, hành động tâm lí...)

Hai nhà văn tài năng, tâm huyết Nam Cao và Ngô Tất Tố đã thể hiện tinh thần nhân đạo theo cách của riêng mình như để khẳng định trong xã hội thực dân phong kiến dù bị đẩy đến tận cùng những người nông dân luôn giữ cho mình phẩm giá cao đẹp không thể bị hoen ố dù phải sống trong cảnh khốn cùng. Họ là những bông sen thơm chốn “bùn lầy nước đọng”

3. Kết bài

Ý kiến nhận định cho thấy tinh thần nhân đạo như sợi chỉ xuyên suốt trong sáng tác của những nhà văn có tài năng và tâm huyết. Nó luôn chi phối các nhà văn cầm bút sáng tác để họ hướng ngòi bút của mình về con người, vì con người. Tinh thần nhân đạo trong các tác phẩm thơ ca chính là tiếng lòng của những nhà văn tài năng tâm huyết góp phần tạo nên sức mạnh của văn chương chân chính của “Nghệ thuật vì nhân sinh”.

ĐỀ 26.

KỶ THI HỌC SINH GIỎI MÔN VĂN 8
LỚP 8 CẤP HUYỆN NĂM HỌC
Thời gian: 150 phút (Không kể thời gian giao đề)

ĐỀ BÀI**Phần I: Đọc - hiểu (6.0 điểm):****Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

“Tuổi thiếu niên là tuổi của ước mơ và hoài bão. Nó gắn liền với khát vọng chinh phục thử thách và giải được mật mã cuộc đời. Khát vọng luôn xanh và cuộc sống luôn đẹp, nhưng trong một thời khắc nào đó, có thể nhiều bạn trẻ đã thấy cuộc đời như một mớ bòng bong của những điều bỡ ngỡ với bao trăn trở không dễ tỏ bày. Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai. Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rớm máu. Và những giọt máu đó, hoặc sẽ thấm xuống con đường bạn đang đi và lưu lại đó dấu son của một vị anh hùng, hoặc sẽ trở thành dấu chấm hết cho những khát vọng đoản mệnh của một kẻ nhụt tâm, chùn bước. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, bạn hãy nhớ rằng: để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết”.

(Theo *Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen, tập 2*
 NXB Tổng hợp TP HCM, 2012)

Câu 1. (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

Câu 2. (1.5 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: “*Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai*”.

Câu 3. (2.0 điểm): Tại sao có thể nói: “*Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rớm máu*”.

Câu 4. (2.0 điểm): Thông điệp mà em rút ra từ câu nói: “*Và những giọt máu đó, hoặc sẽ thấm xuống con đường bạn đang đi và lưu lại đó dấu son của một vị anh hùng, hoặc sẽ trở thành dấu chấm hết cho những khát vọng đoản mệnh của một kẻ nhụt tâm, chùn bước*”?

II. Phần II: Tập làm văn (14.0 điểm)**Câu 1. (4.0 điểm):**

Hãy viết một đoạn văn (*khoảng 200 chữ*) trình bày suy nghĩ của em về câu nói trong phần đọc - hiểu: “*Để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết*”.

Câu 2. (10 điểm):

Bàn về truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu cho rằng: “**Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn**”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao (Ngữ văn 8- tập 1), có liên hệ với truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri (Ngữ văn 8- tập 1).

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM**I. Hướng dẫn chung:**

- Giám khảo vận dụng hướng dẫn chấm chủ động, linh hoạt, tránh cứng nhắc, máy móc và phải biết cân nhắc trong từng trường hợp cụ thể để ngoài kiểm tra kiến

thức cơ bản, giám khảo cần trân trọng những bài làm thể hiện được tố chất của một học sinh giỏi (kiến thức vững chắc, có năng lực cảm thụ văn học sâu sắc, tinh tế, kỹ năng làm bài tốt, diễn đạt có cảm xúc, có giọng điệu riêng...) đặc biệt khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng.

- Giám khảo cần đánh giá bài làm của học sinh một cách tổng thể ở từng câu và cả bài, không đếm ý cho cho điểm nhằm đánh giá bài làm của học sinh trên cả hai phương diện: kiến thức và kỹ năng.

- Hướng dẫn chấm thi chỉ nêu ý chính và thang điểm cơ bản, trên cơ sở đó, giám khảo có thể thống nhất để định ra ý chi tiết và thang điểm cụ thể hơn.

- Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản, hợp lý, có sức thuyết phục, giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để cho điểm một cách chính xác, khoa học, khách quan, công bằng.

- Tổng điểm toàn bài là 20 điểm.

II. Hướng dẫn cụ thể:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
ĐỌC HIỂU	1	PTB Đ Chính : Nghị luận	0,5
	2	Câu văn: “ <i>Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai</i> ”. - Biện pháp tu từ : Ẩn dụ :“ <i>Đi qua</i> ” (sống , trải qua) ; “ <i>Hoa hồng</i> ” (niềm vui, niềm hạnh phúc, thuận lợi ,thành công...); Chông gai: (nỗi buồn, khó khăn, thất bại ...) -Tác dụng: Ẩn dụ giúp cho sự diễn đạt giàu hình ảnh, gợi cảm. Mượn hình ảnh cụ thể để diễn tả về giá trị cuộc đời: Để có được niềm vui , niềm hạnh phúc thành công trong tương lai, chúng ta phải trải qua, phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách...	0,5
	3	-Có thể nói: <i>Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rớm máu.</i> - Bởi vì: Cuộc sống luôn phong phú và đa dạng, vì vậy bản thân nó luôn chứa đựng những khó khăn ,thử thách . Vượt qua được những thử thách đó chúng ta phải chấp nhận đau đớn,thậm chí phải trả giá bằng nhiều thứ, không phải chỉ một lần mà là nhiều lần. Mỗi lần như thế sẽ giúp ta trưởng thành hơn trong cuộc đời.	1,0
	4	- Điều quan trọng là mỗi người cần phải có dũng khí để đương đầu với nghịch cảnh, khó khăn và biết đứng lên sau vấp ngã.	2,0
		- Thể thức : viết đúng quy ước của đoạn văn - Nội dung: HS có thể viết theo gợi ý sau: + Khó khăn thử thách là môi trường để con người rèn luyện ý chí và nghị lực. + Sự nỗ lực, cố gắng, sự trải nghiệm của bản thân mỗi người sẽ đem đến thành công, vinh quang cho bạn và ngược lại : nếu nhụt tâm, chùn bước bạn sẽ chỉ nhận thất bại...	2,0
TẬP LÀM	1 (4 đ)	- Xác định đúng vấn đề nghị luận; Đảm bảo thể thức của một đoạn văn. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. - Có thể viết đoạn văn theo hướng sau :	0,25

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
VĂN		1. Giải thích: - Thử thách là những yếu tố gây khó khăn, cản trở đến việc thực hiện một công việc, một kế hoạch, mục tiêu ... nào đó buộc con người phải vượt qua. - Thất bại là trạng thái không đáp ứng được mục tiêu, mong muốn hoặc dự định. Thất bại có thể để lại hậu quả không mong muốn, gây thiệt hại về vật chất và tinh thần từ nhỏ đến lớn. => Trong cuộc sống, thử thách và thất bại luôn tồn tại như một quy luật tất yếu trong sự vận động và phát triển của mỗi cá nhân cũng như toàn xã hội :	1,0
		2. Bàn luận vấn đề: - Con người luôn phải đối diện với những thử thách, thất bại trong cuộc sống, lao động, học tập và trong cả những mối quan hệ xã hội. Không có ai sống mà không phải đối diện với khó khăn, thử thách và không từng nếm trải một lần thất bại trong cuộc đời - Những thử thách, thất bại có thể do khách quan hoặc chủ quan đem lại, có thể hữu hình, cũng có thể vô hình. Thử thách và thất bại có mặt ở khắp mọi mặt đời sống, tồn tại dưới mọi hình thức - Con người cần phải có những khó khăn, thử thách, thất bại để phát triển. Đây cũng là động lực để con người phấn đấu vươn lên trong cuộc sống. Chỉ có dũng cảm đương đầu với thách thức, thất bại, mới có thể có cơ hội tồn tại, phát triển và thành công. (dẫn chứng)	2,0
		3. Mở rộng: - Trong thực tế vẫn tồn tại số ít những con người đã đầu hàng trước thử thách (dù là thử thách nhỏ) và chấp nhận thất bại. Thậm chí còn ảnh hưởng xấu đến cộng đồng, xã hội.	0,25
		4. Bài học nhận thức và hành động. - Thử thách, thất bại luôn là môi trường để rèn luyện con người. tuổi trẻ cần học tập, rèn luyện để vượt qua thử thách, không run sợ trước thất bại để vươn lên.	0,5
	2 (10 đ)	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận có đầy đủ 3 phần:</i> Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu về vấn đề nghị luận; Thân bài triển khai các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận. <i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Triển khai vấn đề thành các luận điểm, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng các thao tác lập luận, có sự kết hợp giữa các lí lẽ và dẫn chứng.</i> * Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo các hướng sau: 1. Giải thích ý kiến: “Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn”. - Tình huống truyện là sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn xây dựng theo lối “lạ hóa”, là hoàn cảnh có vấn đề mà nhà văn đặt nhân vật vào để nhân vật được thử thách và bộc lộ tính cách, số phận... - Vấn đề sống còn : là vấn đề có ý nghĩa quan trọng, cốt tử, quyết định nên sự thành công của truyện ngắn.	0,5
			1,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<p>=>Đây là nhận định đúng đắn, sâu sắc, đặt ra yêu cầu tất yếu đối với một tác phẩm có giá trị và sức sống lâu dài. Giá trị và sức sống ấy chỉ có được khi tác phẩm có chất lượng nghệ thuật cao, đặc biệt là nghệ thuật xây dựng tình huống .</p> <p>2.Lí giải quan điểm của NMC:</p> <p>- Tại sao NMC lại cho rằng: <i>“Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn”</i>.</p> <p>Vi :- Tình huống truyện là sự việc xảy ra trong bối cảnh đặc biệt; tình huống là "thứ nước rửa ảnh diệu kì" mà nhờ đó nhân vật nổi hình, nổi sắc, tư tưởng và tài năng của nhà văn được bộc lộ một cách rõ nét;</p> <p>- Xây dựng được một tình huống truyện độc đáo là vấn đề sống còn của truyện ngắn, là chiếc chìa khoá để có thể mở được cánh cửa đi vào khám phá giá trị của một tác phẩm văn chương.</p> <p>-Điều này đòi hỏi nhà văn phải có tài năng khám phá , phát hiện những khía cạnh nghịch lý của đời sống , có vốn sống, sự trải nghiệm sâu sắc để sáng tạo được những tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn.</p> <p>3.Chứng minh qua các tác phẩm: (7,5 đ)</p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, song cần bám sát định hướng của đề, cần đạt được những yêu cầu cơ bản sau:</p> <p>* Truyện ngắn “ Lão Hạc” .</p> <p>a. Giới thiệu tác giả Nam Cao.</p> <p>- Giới thiệu truyện ngắn LH, nêu ý kiến của MNC.</p> <p>b. Chứng minh ý kiến:</p> <p>- Truyện Lão Hạc của Nam Cao đã thực sự thành công khi nhà văn xây dựng được các tình huống có giá trị:</p> <p>+ Tình huống 1: Cuộc trò chuyện giữa ông giáo và lão Hạc về chuyện bán con chó Vàng :</p> <p>- Phân tích, lí giải giá trị của tình huống (có dẫn chứng cụ thể)</p> <p>* Gợi ý :</p> <p><i>Nam Cao xây dựng một tình huống truyện bình thường (Ai nuôi chó mà chả giết thịt hay bán đi) nhưng làm nổi bật một nhân cách phi thường</i></p> <p>- Lão Hạc nhà nghèo, vợ chết ,con trai bỏ đi; sống tuổi già cô đơn côi cút, bệnh tật, lay lắt qua ngày...</p> <p>- Lão nuôi con chó vàng để bầu bạn sớm tối (cho nó ăn trong bát..., tắm cho nó, trò chuyện, tâm sự ,mắng yêu....)</p> <p>- Nhiều lần lão nói chuyện : Sẽ bán cậu Vàng với ông giáo, vì lão “ không nuôi nổi”, vì “ Cả tôi và cậu Vàng ngày ăn hết ba hào gạomà vẫn đói deo đói dặt...”</p> <p>-Phải dứt ruột bán đi cậu Vàng, lão Hạc đau đớn, khổ tâm, dằn vặt, ân hận, tự trách móc bản thân: “ tôi già bằng ngần này tuổi còn đi lừa một con chó”</p> <p>- Bán xong cậu Vàng, lão Hạc lấy tiền gửi ông giáo để lo hậu sự cho mình. Từ đó lão sống vật vờ, qua ngày và rơi vào bế tắc cùng quẫn...</p> <p>=> Qua đó khái quát được ý: Lão Hạc, một người nông dân hiền lành, nhân hậu, tốt bụng , có lòng tự trọng. Cuộc đời dù gặp nhiều đau khổ ,bất hạnh nhưng nhân cách vẫn cao đẹp, đáng nể phục.</p>	<p>1,0</p> <p>5,0</p>

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<p>+ Tình huống 2: Lão Hạc xin bả chó và cái chết đầy bất ngờ, dữ dội.</p> <p>- Phân tích, lí giải giá trị của tình huống (có dẫn chứng cụ thể)</p> <p>* gợi ý:</p> <p><i>Nam Cao xây dựng một tình huống truyện bất thường (lão Hạc tự đánh bả chính mình) nhưng làm nổi bật một khát vọng phi thường. (quan niệm sống tự trọng, đòi cho sạch, rách cho thơm ở lão Hạc).</i></p> <p>- Lão Hạc nói dối Binh Tư xin bả để đánh bẫy con chó lạ , nhưng thực chất là lão “ đánh bẫy” chính mình. => Chi tiết lão Hạc xin Binh Tư ít bả chó đã khiến câu chuyện trở nên gay cấn, gợi sự tò mò cho người đọc và sự hiểu nhầm nơi ông giáo.</p> <p>- Lão Hạc chết một cách bất thường : Vật vã, đau đớn, khổ sở (dẫn chứng) suốt hai giờ đồng hồ rồi mới nhắm mắt.</p> <p>- Cái chết dữ dội, tủ nhục nhưng là sự giải thoát cho lão Hạc và có giá trị tố cáo hiện thực xã hội sâu sắc.</p> <p>=> Qua đó khái quát được ý: Nhà văn Nam Cao đã đặt nhân vật vào những hoàn cảnh éo le nhằm giúp nhân vật tự bộc lộ tính cách bản thân. Cũng như làm nổi bật chủ đề của tác phẩm : Phản ánh hiện thực xã hội PK đen tối, bất công; Cảm thông sâu sắc với số phận bất hạnh của người nông dân trong xã hội cũ.</p> <p>* Liên hệ với truyện ngắn : Chiếc lá cuối cùng</p> <p>- Nhà văn O Hen-ri đã rất khéo léo khi xây dựng nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần.</p> <p>+ Lần đảo ngược thứ nhất: Giôn-xi bị bệnh hiểm nghèo, cô tuyệt vọng nằm chờ cái chết , bỗng khỏe lại, yêu đời và chiến thắng bệnh tật.</p> <p>+ Lần đảo ngược thứ hai: cụ Bơ-men từ một người khỏe mạnh đến cuối truyện mắc bệnh và qua đời.</p> <p>=> Một con người đi từ sự sống đến cái chết, một con người người từ cái chết tìm lại sự sống.</p> <p>* HS : Lí giải giá trị của tình huống nêu trên trong việc làm nổi bật nhân vật và chủ đề tư tưởng của t/p (có dẫn chứng cụ thể ,phù hợp)</p> <p>5. Đánh giá nét sáng tạo riêng trong việc xây dựng tình huống truyện của cả hai tác giả:</p> <p>- Vốn sống,vốn trải nghiệm của mỗi nhà văn:</p> <p>+ Nam Cao am hiểu sâu sắc cuộc sống và tâm lí người nông dân , chọn được những tình huống độc đáo góp phần làm nổi bật số phận nhân vật và chủ đề tác phẩm.</p> <p>+ Ô - Hen ri cảm thông sâu sắc trước cảnh ngộ éo le của hai cô họa sĩ nghèo, Đặt nhân vật vào tình huống gay cấn , làm nổi bật cảnh ngộ, tính cách nhân vật và chủ đề của tác phẩm.....</p> <p>4. Bàn luận, khái quát vấn đề:</p> <p>Khẳng định giá trị, vẻ đẹp, sức sống của thể loại truyện ngắn.</p> <p>- Truyện ngắn rất quan trọng tình huống. "Tình huống truyện như một lát cắt trên thân cây cổ thụ mà qua từng đường vân thớ gỗ, ta có thể thấy được trăm năm của một đời thảo mộc".</p> <p>- Đối với người sáng tác: Phải có hiểu biết sâu sắc về đặc trưng thể loại , lao động nghệ thuật sáng tạo, đặc biệt chú trọng cách dựng tình huống</p>	<p>1,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		truyện độc đáo để tác phẩm có ý nghĩa và sức sống lâu dài, vượt tầm thời đại. - Đối với người đọc: trân trọng giá trị của những tác phẩm truyện ngắn ; Cảm nhận về truyện qua phân tích tình huống truyện là một con đường tiếp cận tác phẩm đúng đắn.	

CHUYÊN ĐỀ: QUÊ HƯƠNG

ĐỀ 7

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN

Môn thi: Ngữ văn 8

Thời gian : 150 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I- ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Một chàng trai trẻ đến xin học một ông giáo già với tâm trạng bi quan và chỉ thích phàn nàn. Đối với anh, cuộc sống là một chuỗi ngày buồn chán, không có gì thú vị. Một lần, khi chàng trai than phiền về việc mình học mãi mà không tiến bộ, người thầy im lặng lắng nghe rồi đưa cho anh một thìa muối thật đầy và một cốc nước nhỏ.

- Con cho thìa muối này vào cốc nước và uống thử đi.

Lập tức, chàng trai làm theo.

- Cốc nước mặn chát. Chàng trai trả lời.

Người thầy lại dẫn anh ra một hồ nước gần đó và đổ một thìa muối đầy xuống nước:

- Bây giờ con hãy ném thử nước trong hồ đi.

- Nước trong hồ vẫn vậy thôi, thưa thầy. Nó chẳng hề mặn lên chút nào – Chàng trai nói khi múc một ít nước dưới hồ và ném thử.

Người thầy chậm rãi nói:

-Con của ta, ai cũng có lúc gặp khó khăn trong cuộc sống. Và những khó khăn đó giống như thìa muối này đây, nhưng mỗi người hòa tan nó theo một cách khác nhau. Những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm họ mất đi niềm vui và sự yêu đời. Nhưng với những người tâm hồn chỉ nhỏ như một cốc nước, họ sẽ tự biến cuộc sống của mình trở thành đắng chát và chẳng bao giờ học được điều gì có ích.

(Theo “Câu chuyện về những hạt muối”- vietnamnet.vn, 17/06/2015)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản ?

Câu 2: Em hiểu gì về các chi tiết, hình ảnh “thìa muối”, “ hòa tan” trong văn bản ?

Câu 3: Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu : "*những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm cho họ mất đi niềm vui và sự yêu đời*"?

Câu 4: Em rút ra bài học gì có ý nghĩa cho bản thân từ văn bản trên?

PHẦN II-TẬP LÀM VĂN (14.0 điểm)

Câu 1 (4.0 điểm) : Từ nội dung câu chuyện ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống.

Câu 2 (10.0 điểm)

Trong cuốn "*Từ điển văn học*", Nguyễn Xuân Nam viết : "*Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng*"

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ "*Quê hương*" của Tế Hanh, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU	
1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0.5điểm
2	-Hình ảnh " <i>thìa muối</i> " tượng trưng cho khó khăn, thử thách, những nỗi buồn đau, phiền muộn mà con người gặp phải trong cuộc đời - Chi tiết " <i>hòa tan</i> " là thái độ sống, cách giải quyết những khó khăn, thách thức, những buồn đau, phiền muộn của mỗi người	1.5 điểm
3	2- Chỉ ra: - Biện pháp tu từ so sánh: " <i>những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước</i> " - Hiệu quả: + Khẳng định những con người có thái độ sống tích cực, luôn lạc quan, yêu đời, mở rộng tấm lòng, biết chia sẻ với mọi người xung quanh, luôn có niềm tin vào bản thân và mọi người dù cuộc sống gặp chông gai, trắc trở + Tạo ra cách diễn đạt giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm, tăng sức thuyết phục cho lời văn.	2.0 điểm <i>0.5 điểm</i> <i>1.5 điểm</i>
4	<i>Bài học rút ra:</i> Cuộc sống luôn có những khó khăn và thử thách, thành	2.0 điểm

[illegible]

	<p>+ Thái độ sống lạc quan giúp mỗi người luôn nhận ra mặt tích cực của mọi vấn đề, nhận ra những cơ hội mà người sống bi quan không thể nhận ra, từ đó gặt hái được những thành công trong cuộc sống.</p> <p>+ Lạc quan là biểu hiện của thái độ sống đẹp, được mọi người yêu quý, trân trọng.</p> <p>- Trong cuộc sống có biết bao người phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách nhưng họ luôn lạc quan, kiên cường vượt lên và chiến thắng (HS lấy dẫn chứng để chứng minh cho mỗi ý của vấn đề nghị luận)</p> <p>- Mở rộng vấn đề: Cần lên án những người sống bi quan, gặp khó khăn là chán nản, buông xuôi, họ sẽ thất bại trong cuộc sống. Tuy nhiên, lạc quan không phải là luôn nhìn cuộc đời bằng lăng kính màu hồng, thậm chí mù quáng trước những vấn đề đặt ra trong cuộc sống.</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>+ Cần nuôi dưỡng, phát huy tinh thần lạc quan, thực hiện ước mơ trong cuộc sống, hãy có niềm tin vào bản thân, không gục ngã trước khó khăn, có ý chí nghị lực vươn lên, biết chia sẻ với mọi người và luôn tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc đời.</p> <p>+ Liên hệ bản thân.</p>	<p>0.25 điểm</p> <p>0.25 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p>
	d- <i>Sáng tạo</i> : Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề	0.25 điểm
	e- <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : đảm bảo những qui tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.25 điểm
2	Nghị luận văn học	
	a. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i> : Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được luận điểm; Kết bài khái quát được	0,25 điểm

	nội dung nghị luận	
	b- Xác định đúng vấn đề nghị luận: đặc trưng của thơ ca, lấy bài “Quê hương” của Tế Hanh để chứng minh	0,25 điểm
	<p>c- HS triển khai vấn đề: luận điểm cụ thể, rõ ràng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. HS có thể trình bày theo hướng sau:</p> <p>1- Giải thích nhận định</p> <p>Ý kiến của Nguyễn Xuân Nam khẳng định vẻ đẹp của thơ trên hai phương diện : nội dung và hình thức.</p> <p>* Vẻ đẹp nội dung: “ Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ”:</p> <p>-Thơ ca phản ánh cuộc sống:</p> <p>+ Thơ phản ánh cái đẹp của cuộc sống, thiên nhiên, tạo vật</p> <p>+ Thơ chất lọc vẻ đẹp tinh túy, bình dị cao quý của con người, cuộc đời</p> <p>-Thơ phản ánh tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ:</p> <p>+Thơ là thể loại trữ tình biểu hiện sự rung động mãnh liệt trong tâm hồn của người nghệ sĩ trước cuộc đời</p> <p>+ Thơ là tiếng nói của tình cảm, tình cảm càng chân thành bao nhiêu thì hồn thơ càng thăng hoa bấy nhiêu. Vẻ đẹp muôn màu sắc của cuộc sống hiện ra qua “ những cảm xúc dạt dào, sự tưởng tượng mạnh mẽ” của thi sĩ.</p> <p>* Vẻ đẹp hình thức: Thơ- một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”</p> <p>+Thơ hay phải có ngôn từ đẹp, giàu sức gợi và sắc điệu thẩm mỹ, thơ là hình tượng.</p> <p>+Thơ hay phải có âm điệu, nhạc điệu, nhịp điệu trầm bổng, du dương,</p>	<p>9.0 điểm</p> <p>1,0 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p>

<p>khoan thai, hùng tráng, thiết tha.. thơ là nhạc => Ý kiến trên khẳng định thơ hay phải hay cả nội dung và hình thức “ <i>Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác</i>” (Xuân Diệu)</p>	
<p>2-Chứng minh qua bài thơ “ Quê hương” (Tế Hanh) - Giới thiệu những nét chính về tác giả Tế Hanh và bài thơ “ Quê hương” (Xuất xứ, chủ đề)</p>	<p>5.0 điểm <i>0,5 điểm</i></p>
<p>* <i>Quê hương- sáng tác văn học “phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ”:</i> * Giới thiệu làng chài ven biển Quảng Ngãi. Quê hương của Tế Hanh là một làng nghèo thuộc duyên hải miền Trung “ <i>cách biển nửa ngày sông</i>”. Con sông mà nhà thơ nhắc tới là con sông Trà Bồng chảy qua huyện Bình Sơn, phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Làng như một điểm âm sáng duyên dáng, chơi vơi trong nỗi thương nhớ đến quận lòng của thi nhân</p>	<p>0,5</p>
<p>* Khí thế của người dân chài ra khơi + Một loạt hình ảnh so sánh, ẩn dụ mới mẻ về con thuyền, mái chèo và cánh buồm..<i>”Tuấn mã”</i> là chú ngựa tơ, đẹp, phi nhanh. Ví chiếc thuyền “ <i>nhẹ hững như con tuấn mã</i>”, tác giả đã tạo nên một hình ảnh khỏe, trẻ trung, diễn tả khí thế hăng hái, phấn khởi lên đường, chinh phục biển rộng sông dài + Tính từ “ <i>hững</i>” dùng rất hay liên kết với các từ ngữ “ <i>dân trai tráng</i>” và “ <i>tuấn mã</i>” hợp thành tính hệ thống.. Mái chèo như những lưỡi kiếm không lồ chém xuống nước, động từ “<i>phăng</i>” đầy mạnh mẽ, đưa con thuyền “ <i>vượt trường giang</i>”. + Hình ảnh “ <i>Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng</i>” là so sánh đẹp, sáng tạo biểu tượng cho hình bóng và sức sống quê hương, tượng trưng cho sức mạnh, lao động sáng tạo, ước mơ về ấm no hạnh phúc . Nó còn tiêu biểu cho chí khí và khát vọng chinh phục biển khơi của đoàn trai tráng đang hùng hực khí thế. +Hình ảnh nhân hóa “ <i>rướn thân trắng bao la thâu góp gió</i>” mang</p>	<p>1,25 <i>điểm</i></p>

	<p>đậm cảm hứng lao động và cảm hứng vũ trụ.. Ba chữ “ <i>rướn thân trắng</i>” gợi tả một cuộc đời trải qua nhiều mưa nắng, đồng thời thể hiện tư thế làm chủ thiên nhiên. Người dân chài ra khơi như mang đi một phần máu thịt quê hương, “<i>cánh buồm</i>” gắn với con thuyền như “hồn vía” làng quê chở che, neo giữ họ...Tế Hanh, với trái tim mẫn cảm đã thấy ở cánh buồm tâm hồn lộng gió của quê hương mình</p> <p>* Cảnh dân làng chài đón đoàn thuyền đánh cá trở về</p> <p>+ Cảnh dân làng đón thuyền về đông vui “<i>khắp dân làng tấp nập đón ghe về</i>”, đó là ngày hội lao động đầy ắp niềm vui và sự sống, toát ra từ không khí <i>ồn ào, tấp nập</i>, đông vui...</p> <p>+ Người dân chài cảm tạ trời đất, biển mẹ đã cho những chiếc ghe đầy cá, từ những “<i>con cá tươi ngon thân bạc trắng</i>” - là hình ảnh cụ thể thành quả lao động của chuyến đi biển, đem lại niềm vui và hứa hẹn sự no đủ của làng chài đến “<i>biển lặng</i>” sóng êm để họ trở về an toàn.</p> <p>*Hình ảnh người dân chài và con thuyền trở về sau chuyến ra khơi.</p> <p>+ Hình ảnh dân chài lưới “<i>làn da ngăm rám nắng</i>” là hình ảnh tả thực người dân chài nước da ngăm nhuộm nắng nhuộm gió thân hình vạm vỡ, rắn chắc, khỏe mạnh...</p> <p>+ “<i>Cả thân hình nồng thở vị thở xa xăm</i>” là ẩn dụ sáng tạo độc đáo gợi cảm, thú vị bởi thân hình người dân chài thấm đậm vị mặn mòi, nồng tỏa “<i>vị xa xăm</i>” khoáng đạt, huyền bí của đại dương -> Hình ảnh người dân chài được miêu tả vừa chân thực vừa lãng mạn đã trở nên có tầm vóc phi thường ngang với không gian thời gian...</p> <p>+ Hình ảnh “con thuyền” nằm im nghỉ ngơi trên bến sau khi vật lộn cùng sóng gió trở về. Nhà thơ đã sử dụng kết hợp hai biện pháp tu từ: nhân hóa con thuyền qua các từ ngữ “<i>im, mòi, trở về, nằm...</i>” và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “<i>nghe</i>” đã biến con thuyền vốn là một sự vật vô tri đã trở nên có hồn rất tinh tế. Con thuyền cũng như người dân làng</p>	<p>0.5 điểm</p> <p>1.25 điểm</p>
--	--	----------------------------------

	<p>chài sau chuyển ra khơi về nghỉ ngơi để chiêm nghiệm, thấm đẫm vị mặn mòi của biển khơi, nghĩ đến những vất vả và niềm vui trong cuộc sống của mình.</p> <p>* Nỗi nhớ quê hương của Tế Hanh</p> <p>+ Xa quê nên “<i>tưởng nhớ</i>” khôn nguôi, nhớ “<i>màu nước xanh</i>” “<i>cá bạc</i>”, “<i>chiếc buồm vôi</i>”,... Thấp thoáng trong hoài niệm là hình ảnh con thuyền “<i>rẽ sóng ra khơi</i>” đánh cá. Xa quê nên mới “<i>thấy nhớ</i>” hương vị biển, hương vị làng chài thân yêu “<i>cái mùi nồng mặn quá</i>”. Tình cảm thấm vào câu chữ, màu sắc, vần thơ. Tiếng thơ cũng là tiếng lòng trang trải hồn quê với đầy thương nhớ. Cảm xúc dịu dàng, đắm thắm, menh mang -> Tình yêu quê hương sâu nặng, gắn bó máu thịt....</p>	1.0 điểm
	<p>* Quê hương- sáng tác văn học được diễn đạt bằng “ một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”</p>	2.0 điểm
	<p>-Giàu hình ảnh đẹp: các hình ảnh “<i>nước bao vây</i>”, “<i>con thuyền</i>”, “<i>cánh buồm</i>”, “<i>mảnh hồn làng</i>”, “<i>dân chài lưới</i>”, “<i>chiếc thuyền im bến mỏi</i>”, “<i>thân hình nông thở vị xa xăm</i>”, “<i>màu nước xanh</i>”, “<i>cá bạc</i>”... Hình ảnh thơ chân thực, gần gũi khiến cho bài thơ thêm phần thi vị, bay bổng</p>	0.5 điểm
	<p>-Nhịp điệu : nhẹ nhàng khoan thai, hào hùng, vui tươi, tha thiết theo từng cung bậc cảm xúc..</p>	0.5 điểm
	<p>- Thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc trữ tình, kết hợp khéo léo phương thức biểu cảm và miêu tả, bút pháp hiện thực kết hợp lãng mạn. sự quan sát, cảm nhận vô cùng sắc sảo, tinh tế của nhà thơ.</p>	0.5 điểm
	<p>-Các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và sử dụng các từ láy (ồn ào, tấp nập, xa xăm..) thành công.</p>	0.5 điểm
	<p>3- Đánh giá:</p>	
	<p>-Đoạn thơ là bức tranh đẹp về cảnh vật, con người lúc đoàn thuyền đánh cá trở về bến. Tế Hanh phải là người có tâm hồn tinh tế, tài hoa, nhất là tấm lòng gắn bó sâu nặng, tình yêu máu thịt quê hương thì mới</p>	1.0 điểm

	sáng tạo nên những vần thơ đẹp đến vậy. Bài thơ xứng đáng với lời nhận xét của Nguyễn Xuân Nam về một tác phẩm thơ hay - Để sáng tác được một bài thơ hay, người nghệ sĩ cần đến với cuộc đời bằng trái tim nhiệt huyết, sự sáng tạo, nỗ lực không ngừng. -Người đọc khi tiếp nhận tác phẩm cần mở rộng tâm hồn, trái tim để cảm nhận được cái hay, cái đẹp mà người nghệ sĩ gửi gắm trong thi phẩm	
	d- <i>Sáng tạo</i> : Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề	0.25 điểm
	e- <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.25 điểm

ĐỀ 8:

KỶ THI CHỌN HSG CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2

Môn: Ngữ Văn – Lớp 8

Thời gian: 150 phút, không kể thời gian giao đề
(Đề thi có 01 trang, gồm 03 câu)

Câu 1 (2.0 điểm): Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*"Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc"*

("*Mùa xuân nho nhỏ*" - Thanh Hải, Ngữ văn 9, Tập 2)

Câu 2 (6,0 điểm):

*"Mỗi ngày ta chọn một niềm vui
Chọn những bông hoa và những nụ cười."*

("*Mỗi ngày một niềm vui*" – Trịnh Công Sơn)

Từ nội dung của những ca từ trên, em hãy viết một bài văn bàn luận về niềm vui trong cuộc sống.

Câu 3 (12,0 điểm): Bàn về văn chương, Hoài Thanh viết: “*Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.*”

(Trích “*Ý nghĩa văn chương*” – Ngữ văn 7, Tập 2)

Bằng hiểu biết của em về bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên./.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM NGŨ VĂN 8 (Đề chính thức)

CÂU	Hướng dẫn chấm	ĐIỂM
Câu 1	<p>1. Xác định biện pháp tu từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp tu từ ẩn dụ: <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> - Điệp ngữ: <i>Dù là</i> - Hoán dụ: <i>Tuổi hai mươi, khi tóc bạc</i> <p>2. Giá trị của biện pháp tu từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh “<i>mùa xuân nho nhỏ</i>” chỉ con người cá nhân với lối sống đẹp, với tất cả sức sống tươi trẻ, mạnh mẽ, rực rỡ nhất, đẹp nhất của đời người góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung. - Điệp ngữ: “<i>Dù là</i>” được nhắc lại hai lần nhằm khẳng định sự cống hiến chân thành, vô điều kiện. - Biện pháp hoán dụ: “<i>tuổi hai mươi</i>” chỉ tuổi trẻ mạnh mẽ, đầy sức sống; “<i>khi tóc bạc</i>” chỉ tuổi khi đã xế bóng, cho thấy khát vọng cống hiến, hiến dâng tất cả sức lực của mình cho cuộc đời, cho đất nước. → Các biện pháp tu từ nhằm diễn tả khát vọng cống hiến của nhà thơ - những gì đẹp đẽ, tinh túy nhất của cuộc đời dâng hiến cho non sông đất nước, không một chút toan tính, vụ lợi. 	<p>0,5đ</p> <p>1,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,5đ</p>
Câu 2	<p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí. - Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng và được triển khai tốt <p>Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.</p> <p>* Yêu cầu về kiến thức: (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được nội dung của những ca từ: <ul style="list-style-type: none"> + Câu hát khẳng định: cuộc sống đan xen giữa niềm vui và nỗi buồn, giữa hạnh phúc và đau khổ. Vì vậy, con người nên chọn niềm vui là phương châm sống của mình. + Niềm vui không hẳn là những điều to tát mà có thể chỉ là những điều nhỏ bé, giản dị như ngắm một bông hoa, nở một nụ cười. - Hiểu biết chung về niềm vui: 	<p>1,0đ</p> <p>5,0đ</p> <p>1,5đ</p>

	<p>Niềm vui là những điều mang lại cảm xúc vui vẻ, hạnh phúc, hân hoan cho con người trong cuộc sống.</p> <p>- Chỉ ra được ý nghĩa của niềm vui:</p> <p>+ Niềm vui đem lại cho con người sự sáng khoái về tinh thần, là động lực cho con người tham gia tốt tất cả mọi công việc.</p> <p>+ Có niềm vui, con người thêm lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống.</p> <p>+ Niềm vui nâng cao sức khỏe và trí tuệ cho con người: <i>Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ.</i></p> <p>+ Bên cạnh đó cũng có những người có lối sống bi quan, chán nản, tiêu cực, chúng ta cần phê phán.</p> <p>- Chỉ ra được những biểu hiện của niềm vui:</p> <p>+ Người có niềm vui là người luôn hòa đồng, sống chan hòa, yêu đời, yêu cuộc sống.</p> <p>+ Người có niềm vui luôn biết đồng cảm và tạo ra niềm vui cho những người xung quanh.</p> <p>- Liên hệ:</p> <p>+ Cần rèn luyện cho mình niềm lạc quan, yêu đời, phải biết tìm niềm vui trong những điều giản dị nhất.</p> <p>+ Thái độ của bản thân đối với những người sống bi quan, tiêu cực.</p>	<p>0,5đ</p> <p>1,5đ</p> <p>1,0đ</p> <p>0,5đ</p>
Câu 3	NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	
	<p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.</p> <p>- Hệ thống ý (luyện điểm) rõ ràng và được triển khai tốt</p> <p>Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.</p> <p>* Yêu cầu về kiến thức: (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây).</p> <p>Mở bài:</p> <p>Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, giới thiệu ý kiến của Hoài Thanh gắn với nội dung chính của bài thơ <i>Quê hương</i>: bài thơ thể hiện tình yêu quê hương sâu nặng.</p> <p>Thân bài:</p> <p>1. Giải thích tổng quát:</p> <p>- Hoài Thanh khẳng định: <i>văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có</i>, tức là khẳng định các tác phẩm văn chương có khả năng khơi dậy những tình cảm, rung cảm đẹp để cho mỗi người khi tiếp cận tác</p>	<p>1,0đ</p> <p>11,0đ</p> <p>1,0đ</p> <p>9,0đ</p> <p>1,5đ</p>
12,0		

điểm	<p>phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông còn khẳng định: văn chương <i>luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có</i>, tức là nhấn mạnh khả năng văn chương bồi đắp tâm hồn, tình cảm của mỗi người thêm sâu sắc, thêm đẹp đẽ, bền vững. - Nhận định đã khái quát một cách sâu sắc hai vấn đề: khái quát quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương: đều xuất phát từ tình cảm, cảm xúc của tác giả và bạn đọc; khái quát chức năng giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với con người. - Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ <i>Quê hương</i>: bài thơ được viết năm 1939, khi Tế Hanh 18 tuổi, đang học ở Huế; quê hương hiện lên trong hoài niệm, nỗi nhớ nhung, trong sự bùng cháy mãnh liệt của cảm xúc. Khẳng định: bài thơ khơi dậy, bồi đắp thêm cho tình yêu con người, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi người. Bài thơ là minh chứng cho nhận định của Hoài Thanh. <p>2. Phân tích, chứng minh:</p> <p>a. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua niềm tự hào của tác giả khi giới thiệu về quê hương mình một cách đầy trù mển. (hai câu thơ đầu)</p> <p>Bài thơ mở đầu bằng hai câu thơ giới thiệu về “<i>làng tôi ở</i>” rất giản dị và trù mển. Hai câu thơ gợi lên một vùng quê sông nước mênh mông và công việc chính của người dân nơi đây là nghề chài lưới.</p> <p>b. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua việc ngợi ca vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và cuộc sống của người dân làng chài ven biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh ra khơi đầy hứng khởi giữa thiên nhiên sông nước gần gũi, khoáng đạt, thi vị. (phân tích khổ thơ thứ hai) + Thiên nhiên: sớm mai hồng thơ mộng và trong trẻo. + Con người lao động: những người dân trai tráng tràn trề sức lực. + Đoàn thuyền: nghệ thuật so sánh miêu tả đoàn thuyền ra khơi với khí thế hùng tráng, mang theo ước mơ của những người dân làng chài về một chuyến đi biển bình yên. <p>=> Toàn bộ đoạn thơ gợi lên khung cảnh thiên nhiên vùng biển đẹp thơ mộng, những người con trai tráng của làng chài căng tràn nhựa sống và hình ảnh đoàn thuyền ra khơi đầy tráng khí. Qua đó, Tế Hanh đã thể hiện tình yêu, lòng tự hào về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh trở về tấp nập, no đủ, bình yên. (phân tích khổ thơ thứ ba) + Không khí: tấp nập vui tươi với những người lao động làng chài hồn hậu, yêu lao động và biển cả bao dung cho những khoang thuyền tươi ngon đầy ắp cá. + Vẻ đẹp tràn đầy sinh lực của những người con ưu tú của làng chài: <i>“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng</i> 	<p>6,5đ 1,0đ</p> <p>3,0đ</p> <p>1,5đ</p> <p>1,5đ</p>
------	--	--

	<p><i>Cả thân hình nông thở vị xa xăm”.</i></p> <p>+ Hình ảnh con thuyền được nhân hóa, trở về nghỉ ngơi sau một chuyến biển dài. Con thuyền mang trong thớ vỏ dư vị mặn mòi của biển cả bao la. => Các hình ảnh thuyền, biển và con người làng chài gắn bó, hòa quyện cùng nhau trong mối quan hệ linh thiêng. Tế Hanh đã sử dụng những câu thơ đầm thắm, ngọt ngào, những biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ đặc sắc để tái hiện vẻ đẹp của thiên nhiên thơ mộng, hùng tráng, vẻ đẹp tràn trề sinh lực của người lao động làng chài. Ông ca ngợi cuộc sống lao động bình dị mà vui tươi trên quê hương mình với một tình yêu thương tha thiết, chân thành.</p> <p>c. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua tình cảm thiết tha, nỗi nhớ da diết của nhà thơ đối với quê hương được bộc lộ trực tiếp ở khổ thơ cuối: nhớ quê hương là Tế Hanh nhớ về những hình ảnh, những sự vật bình dị, gần gũi, quen thuộc mang vẻ đẹp mộc mạc của làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền, mùi nồng mặn,...</p> <p>(Khi trình bày, HS phải phân tích được các hình ảnh vừa chân thực, vừa bay bổng lãng mạn, bất ngờ; từ ngữ chọn lọc; biện pháp tu từ độc đáo; nhịp thơ tha thiết, lời thơ giản dị, đầm thắm,...)</p> <p>3. Đánh giá:</p> <p>Tâm hồn trong sáng, tình cảm thiết tha của nhà thơ Tế Hanh đối với quê hương đã khơi dậy, bồi đắp thêm cho mỗi bạn đọc tình yêu con người, tình yêu quê hương, đất nước. Đây chính là chức năng giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với con người, là yếu tố quyết định cho sức sống bền vững của một tác phẩm văn học trong lòng độc giả.</p> <p>Kết bài:</p> <p>Khẳng định lại giá trị của bài thơ <i>Quê hương</i> và bộc lộ suy nghĩ riêng.</p>	<p>2,5 đ</p> <p>1,0đ</p> <p>1,0đ</p>
--	--	---

ĐỀ 9:**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI HUYỆN**Môn: **Ngữ văn 8**

Thời gian làm bài: 150 phút

*(Không kể thời gian giao đề)***Câu 1 (4.0 điểm) :****TẤT CẢ SỨC MẠNH**

Có một cậu bé đang chơi ở đồng cát trước sân. Khi đào một đường hầm trong đồng cát, cậu bé đụng phải một tảng đá lớn. Cậu bé liền tìm cách đẩy nó ra khỏi đồng cát.

Cậu bé dùng đủ mọi cách, cố hết sức lực nhưng rốt cuộc vẫn không thể đẩy được tảng đá ra khỏi đồng cát. Đã vậy bàn tay cậu còn bị trầy xước, rướm máu. Cậu bật khóc rầm rức trong thất vọng.

Người bố ngồi trong nhà lặng lẽ theo dõi mọi chuyện. Và khi cậu bé bật khóc, người bố bước tới: *“Con trai, tại sao con không dùng hết sức mạnh của mình?”*.

Cậu bé thỏn thức đáp: *“Có mà! Con đã dùng hết sức rồi mà bố!”*.

“Không con trai – người bố nhẹ nhàng nói – con đã không dùng đến tất cả sức mạnh của con. Con đã không nhờ bố giúp”.

Nói rồi người bố cúi xuống bới tảng đá ra, nhấc lên và vứt đi chỗ khác.

(Theo báo Tuổi trẻ - Bùi Xuân Lộc *phỏng dịch* từ “Faith to Move Mountains”).

Suy nghĩ của anh/chị về bài học rút ra từ câu chuyện trên.

Câu 2 (6.0 điểm):

Nhận xét về bài thơ **Quê hương** của Tế Hanh, có ý kiến cho rằng: *“Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kỳ vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây”*.

Bằng hiểu biết về bài thơ **Quê hương** , em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên !

--- Hết ---

HUONG DÂN CHÂM

I. Hướng dẫn chung

- Giáo viên cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm thi để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh trường hợp đếm ý cho điểm hoặc bỏ sót ý trong bài làm của học sinh.
- Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giáo viên cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có sáng tạo, có ý tưởng riêng và giàu chất văn.
- Giáo viên cần vận dụng đầy đủ các thang điểm. Điểm toàn bài tính đến 0,25 điểm (không làm tròn).

II. Đáp án và thang điểm

Câu 1 (4.0 điểm) :

NỘI DUNG	ĐIỂM
1. Yêu cầu về kĩ năng Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí đặt ra trong tác phẩm văn học. Bài viết thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức xã hội; dẫn chứng thực tế, phong phú, có sức thuyết phục; bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt tốt; không mắc lỗi đặt câu, dùng từ, chính tả,...	
2. Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, chấp nhận cả các ý ngoài đáp án, miễn là phù hợp với đề bài và có kiến giải hợp lí, có sức thuyết phục. Sau đây là những yêu cầu cơ bản:	
a. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận	0.5
b. Giải thích nội dung, ý nghĩa câu chuyện và rút ra bài học - Cậu bé đối diện với khó khăn, dù cố gắng hết sức vẫn thất bại, khóc và tuyệt vọng vì nghĩ rằng sức mạnh của con người nằm trong chính bản thân mình. - Người cha với lời nói và hành động mang đến một thông điệp: sức mạnh của mỗi người là sức mạnh của bản thân và sự giúp đỡ từ người khác. => Bài học: Tự lực là cần thiết nhưng nếu không biết dựa vào sự giúp đỡ từ người khác khi cần thiết cũng khó thành công hơn.	0.5
c. Bàn luận - Tại sao mỗi người nên nhận sự giúp đỡ của người khác? + Thực tế cuộc sống đặt ra nhiều vấn đề phức tạp, bất ngờ vượt khỏi khả năng của mỗi cá nhân; có những vấn đề phải nhiều người mới giải quyết được. + Mỗi người luôn có khát vọng được thành công trên nhiều lĩnh vực. - Ý nghĩa của sự giúp đỡ từ người khác: + Sự thành công sẽ nhanh và bền vững hơn. + Người nhận sự giúp đỡ có thêm sức mạnh và niềm tin, hạn chế được những rủi	2.0

ro và thất bại. + Tạo lập mối quan hệ tốt đẹp, gắn kết giữa người với người, nhất là trong xu thế hội nhập hiện nay. - Giúp đỡ không phải là làm thay; giúp đỡ phải vô tư, chân thành, tự nguyện. - Phê phán những người tự cao không cần đến sự giúp đỡ của người khác, những người ỷ lại, dựa dẫm vào người khác.	
d. Bài học nhận thức và hành động - Phải nhận thấy sức mạnh của cá nhân là sức mạnh tổng hợp. - Chủ động tìm sự giúp đỡ và chỉ nhận sự giúp đỡ khi bản thân thực sự cần. - Có thói quen giúp đỡ mọi người.	0.5
e. Khái quát vấn đề	0.5

Câu 2 (6.0 điểm) :

<i>Nội dung</i>	Điểm
Về kĩ năng: - Biết cách viết một bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết sáng rõ, các luận điểm liên kết mạch lạc, liên kết chặt chẽ; văn phong trong sáng, có cảm xúc,... - Biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức lí luận và năng lực cảm thụ văn học.	
Về kiến thức: Thí sinh có thể sắp xếp các luận điểm trong bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những nội dung sau:	
a. Mở bài: - Dẫn dắt để giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Trích dẫn ý kiến.	0.5
b. Thân bài : Chứng minh qua tác phẩm:	5.0
*Khái quát được ý kiến: - Ý kiến trên muốn khẳng định sức hấp dẫn của bài thơ Quê hương với người đọc không chỉ bởi cảnh vật vùng biển quê ông được miêu tả rất đẹp bằng ngòi bút tinh tế mà còn hấp dẫn bởi tình yêu chân thành, tha thiết mà Tế Hanh dành trọn cho con người quê hương.	0.5
* Luận điểm 1: Bài thơ hấp dẫn người đọc trước hết bởi cảnh vật vùng biển quê hương hiện lên thật tự nhiên mà cũng thật đẹp.	2.0
- Ngay ở lời thơ mở đầu nhà thơ đã giới thiệu với người đọc về quê hương yêu dấu của mình với nghề nghiệp và vị trí cụ thể -> với niềm tự hào về một vùng quê chài lưới thanh bình. - Vùng quê đó càng đẹp hơn khi tác giả đặc tả cảnh dân chài ra khơi vào buổi sớm mai hồng: + Đó là khung cảnh thời tiết đẹp, lí tưởng, cho một chuyến ra khơi. + Nổi bật lên giữa thiên nhiên hùng vĩ là hình ảnh con thuyền ra khơi căng tràn sự sống. (chú ý vào hình ảnh so sánh tinh tế, độc đáo của nhà thơ khi miêu tả con thuyền và cánh buồm..)	

=> Bức tranh thiên nhiên vùng biển hiện lên thật tinh tế và sống động dưới nét vẽ tài tình của nhà thơ.	
* <i>Luận điểm 2:</i> Bài thơ còn hấp dẫn người đọc bởi tình yêu đặc biệt của người con xa quê dành cho người dân vạn chài nơi đây.	2.0
- Ông viết về họ với tất cả niềm tự hào hứng khởi: + Đó là cảnh đoàn thuyền trở về trong sự mong đợi của dân chài... + Đó là hình ảnh những con người khỏe mạnh rắn rỏi (chú ý bút pháp tả thực kết hợp bút pháp lãng mạn). Nhà thơ đã khắc họa vẻ đẹp đặc trưng của con người nơi đây. + Đó còn là hình ảnh con thuyền mệt mỏi say sưa sau một hành trình vất vả.. (NT nhân hóa và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác) - Bài thơ kết thúc trong nỗi nhớ quê hương khôn nguôi của người con xa xứ. (Nếu không có bốn câu thơ cuối bài có lẽ người đọc không thể biết được nhà thơ viết bài thơ khi xa quê.)	
* <i>Đánh giá chung:</i> - Khẳng định ý kiến là đúng - Để đạt được giá trị đó cần có một cách viết giản dị tự nhiên mà sâu sắc qua ngôn ngữ, hình ảnh thơ...	0.5
<i>c. Kết bài:</i> - Khẳng định lại vấn đề chứng minh. - Liên hệ: Thơ Tế Hanh có sức lay động mạnh mẽ tới độc giả. Nó đánh thức trái tim ta trong tình yêu nỗi nhớ quê hương...	0.5

----- Hết -----

ĐỀ 10:

KỶ THI CHỌN HSG CẤP HUYỆN NĂM HỌC

Môn: Ngữ Văn – Lớp 8

Thời gian: 150 phút

Câu 1 (2.0 điểm): Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*"Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc"*

(*Mùa xuân nho nhỏ* - Thanh Hải, Ngữ văn 9, Tập 2)

Câu 2 (6,0 điểm):

"Mỗi ngày ta chọn một niềm vui"

Chọn những bông hoa và những nụ cười.”

(*Mỗi ngày một niềm vui* – Trịnh Công Sơn)

Từ nội dung của những ca từ trên, em hãy viết một bài văn bàn luận về niềm vui trong cuộc sống.

Câu 3 (12,0 điểm): Bàn về văn chương, Hoài Thanh viết: “*Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.*”

(Trích *Ý nghĩa văn chương* – Ngữ văn 7, Tập 2)

Bằng hiểu biết của em về bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên./.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM NGỮ VĂN 8 (Đề chính thức)

CÂU U	Hướng dẫn chấm	ĐIỂM
Câu 1 4,0 điểm	1. Xác định biện pháp tu từ: - Biện pháp tu từ ẩn dụ: <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> - Điệp ngữ: <i>Dù là</i> - Hoán dụ: <i>Tuổi hai mươi, khi tóc bạc</i>	0,5đ
	2. Giá trị của biện pháp tu từ: - Hình ảnh " <i>mùa xuân nho nhỏ</i> " chỉ con người cá nhân với lối sống đẹp, với tất cả sức sống tươi trẻ, mạnh mẽ, rực rỡ nhất, đẹp nhất của đời người góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung.	0,5đ
	- Điệp ngữ: “ <i>Dù là</i> ” được nhắc lại hai lần nhằm khẳng định sự cống hiến chân thành, vô điều kiện.	0,25đ
	- Biện pháp hoán dụ: “ <i>tuổi hai mươi</i> ” chỉ tuổi trẻ mạnh mẽ, đầy sức sống; “ <i>khi tóc bạc</i> ” chỉ tuổi khi đã xế bóng, cho thấy khát vọng cống hiến, hiến dâng tất cả sức lực của mình cho cuộc đời, cho đất nước.	0,25đ
	→ Các biện pháp tu từ nhằm diễn tả khát vọng cống hiến của nhà thơ - những gì đẹp đẽ, tinh túy nhất của cuộc đời dâng hiến cho non sông đất nước, không một chút toan tính, vụ lợi.	0,5đ
	* Yêu cầu về kỹ năng: - Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí. - Hệ thống ý (luyện điểm) rõ ràng và được triển khai tốt Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.	1,0đ
	* Yêu cầu về kiến thức: (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây). - Giải thích được nội dung của những ca từ: + Câu hát khẳng định: cuộc sống đan xen giữa niềm vui và nỗi buồn, giữa hạnh phúc và đau khổ. Vì vậy, con người nên chọn niềm vui là phương	1,5đ

Câu 2	<p>châm sống của mình.</p> <p>+ Niềm vui không hẳn là những điều to tát mà có thể chỉ là những điều nhỏ bé, giản dị như ngắm một bông hoa, nở một nụ cười.</p>	
	<p>- Hiểu biết chung về niềm vui:</p> <p>Niềm vui là những điều mang lại cảm xúc vui vẻ, hạnh phúc, hân hoan cho con người trong cuộc sống.</p>	0,5đ
	<p>- Chỉ ra được ý nghĩa của niềm vui:</p> <p>+ Niềm vui đem lại cho con người sự sáng khoái về tinh thần, là động lực cho con người tham gia tốt tất cả mọi công việc.</p> <p>+ Có niềm vui, con người thêm lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống.</p> <p>+ Niềm vui nâng cao sức khỏe và trí tuệ cho con người: <i>Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ.</i></p> <p>+ Bên cạnh đó cũng có những người có lối sống bi quan, chán nản, tiêu cực, chúng ta cần phê phán.</p>	1,5đ
	<p>- Chỉ ra được những biểu hiện của niềm vui:</p> <p>+ Người có niềm vui là người luôn hòa đồng, sống chan hòa, yêu đời, yêu cuộc sống.</p> <p>+ Người có niềm vui luôn biết đồng cảm và tạo ra niềm vui cho những người xung quanh.</p>	1,0đ
	<p>- Liên hệ:</p> <p>+ Cần rèn luyện cho mình niềm lạc quan, yêu đời, phải biết tìm niềm vui trong những điều giản dị nhất.</p> <p>+ Thái độ của bản thân đối với những người sống bi quan, tiêu cực.</p>	0,5đ
Câu 3	NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	
	<p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.</p> <p>- Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng và được triển khai tốt</p> <p>Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp</p>	1,0đ
	<p>* Yêu cầu về kiến thức: (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây).</p> <p>Mở bài:</p> <p>Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, giới thiệu ý kiến của Hoài Thanh gắn với nội dung chính của bài thơ <i>Quê hương</i>: bài thơ thể hiện tình yêu quê hương sâu nặng.</p>	1,0đ

12,0 điểm	<p>Thân bài:</p> <p>1. Giải thích tổng quát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoài Thanh khẳng định: <i>văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có</i>, tức là khẳng định các tác phẩm văn chương có khả năng khơi dậy những tình cảm, rung cảm đẹp để cho mỗi người khi tiếp cận tác phẩm. - Ông còn khẳng định: <i>văn chương luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có</i>, tức là nhấn mạnh khả năng văn chương bồi đắp tâm hồn, tình cảm của mỗi người thêm sâu sắc, thêm đẹp đẽ, bền vững. - Nhận định đã khái quát một cách sâu sắc hai vấn đề: khái quát quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương: đều xuất phát từ tình cảm, cảm xúc của tác giả và bạn đọc; khái quát chức năng giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với con người. - Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ Quê hương: bài thơ được viết năm 1939, khi Tế Hanh 18 tuổi, đang học ở Huế; quê hương hiện lên trong hoài niệm, nỗi nhớ nhung, trong sự bùng cháy mãnh liệt của cảm xúc. Khẳng định: bài thơ khơi dậy, bồi đắp thêm cho tình yêu con người, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi người. Bài thơ là minh chứng cho nhận định của Hoài Thanh. 	1,5đ
	<p>2. Phân tích, chứng minh:</p> <p>a. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua niềm tự hào của tác giả khi giới thiệu về quê hương mình một cách đầy trù mển. (hai câu thơ đầu)</p> <p>Bài thơ mở đầu bằng hai câu thơ giới thiệu về “<i>làng tôi ở</i>” rất giản dị và trù mển. Hai câu thơ gợi lên một vùng quê sông nước mênh mông và công việc chính của người dân nơi đây là nghề chài lưới.</p>	1,0đ
	<p>b. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua việc ngợi ca vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và cuộc sống của người dân làng chài ven biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh ra khơi đầy hứng khởi giữa thiên nhiên sông nước gần gũi, khoáng đạt, thi vị. (phân tích khổ thơ thứ hai) + Thiên nhiên: sớm mai hồng thơ mộng và trong trẻo. + Con người lao động: những người dân trai tráng tràn trề sức lực. + Đoàn thuyền: nghệ thuật so sánh miêu tả đoàn thuyền ra khơi với khí thế hùng tráng, mang theo ước mơ của những người dân làng chài về một chuyến đi biển bình yên. <p>=> Toàn bộ đoạn thơ gợi lên khung cảnh thiên nhiên vùng biển đẹp thơ mộng, những người con trai tráng của làng chài căng tràn nhựa sống và hình ảnh đoàn thuyền ra khơi đầy tráng khí. Qua đó, Tế Hanh đã thể hiện tình yêu, lòng tự hào về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương.</p>	1,5đ

	<p>- Cảnh trở về tập nập, no đủ, bình yên. (phân tích khổ thơ thứ ba)</p> <p>+ Không khí: tập nập vui tươi với những người lao động làng chài hồn hậu, yêu lao động và biển cả bao dung cho những khoang thuyền tươi ngon đầy ắp cá.</p> <p>+ Vẻ đẹp tràn đầy sinh lực của những người con ưu tú của làng chài: <i>“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”</i>.</p> <p>+ Hình ảnh con thuyền được nhân hóa, trở về nghỉ ngơi sau một chuyến biển dài. Con thuyền mang trong thớ vỏ dư vị mặn mòi của biển cả bao la. => Các hình ảnh thuyền, biển và con người làng chài gắn bó, hòa quyện cùng nhau trong mối quan hệ linh thiêng. Tế Hanh đã sử dụng những câu thơ đầm thắm, ngọt ngào, những biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ đặc sắc để tái hiện vẻ đẹp của thiên nhiên thơ mộng, hùng tráng, vẻ đẹp tràn trề sinh lực của người lao động làng chài. Ông ca ngợi cuộc sống lao động bình dị mà vui tươi trên quê hương mình với một tình yêu thương tha thiết, chân thành.</p> <p>c. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua tình cảm thiết tha, nỗi nhớ da diết của nhà thơ đối với quê hương được bộc lộ trực tiếp ở khổ thơ cuối: nhớ quê hương là Tế Hanh nhớ về những hình ảnh, những sự vật bình dị, gần gũi, quen thuộc mang vẻ đẹp mộc mạc của làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền, mùi nồng mặn,...</p> <p>(Khi trình bày, HS phải phân tích được các hình ảnh vừa chân thực, vừa bay bổng lãng mạn, bất ngờ; từ ngữ chọn lọc; biện pháp tu từ độc đáo; nhịp thơ tha thiết, lời thơ giản dị, đầm thắm,...)</p>	<p>1,5đ</p> <p>2,5 đ</p>
	<p>3. Đánh giá:</p> <p>Tâm hồn trong sáng, tình cảm thiết tha của nhà thơ Tế Hanh đối với quê hương đã khơi dậy, bồi đắp thêm cho mỗi bạn đọc tình yêu con người, tình yêu quê hương, đất nước. Đây chính là chức năng giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với con người, là yếu tố quyết định cho sức sống bền vững của một tác phẩm văn học trong lòng độc giả.</p>	1,0đ
	<p>Kết bài:</p> <p>Khẳng định lại giá trị của bài thơ <i>Quê hương</i> và bộc lộ suy nghĩ riêng.</p>	1,0đ

KÌ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 8 CẤP HUYỆN NĂM HỌC: 2018-2019

Môn thi: Ngữ văn.

Thời gian: 150 phút

I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu:

... Thế là em quẹt những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà em lại! Diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về châu thượng đế.

Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên cao, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt (...). Trong buổi sáng lãnh lẽo ấy, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì đói rét trong đêm giao thừa.

(Ngữ văn 8, tập 1, NXB GD

2010)

Câu 1 (1,0 điểm): Nêu phương thức biểu đạt chính của phần trích?

Câu 2 (2,0 điểm): Vận dụng kiến thức về phép tu từ, chỉ ra sự khác nhau trong cách viết của hai câu văn được gạch chân? Hiệu quả nghệ thuật của các cách viết đó?

Câu 3 (1,0 điểm): Thông điệp sâu sắc từ phần trích trên?

II. LÀM VĂN (16,0 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm):

Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" (Hồ Chí Minh, Văn 8, tập 2, NXB GD 2010) kết thúc bằng câu thơ: "*Cuộc đời cách mạng thật là sang*". Viết đoạn văn cảm nhận về vẻ đẹp của câu thơ trên và nét độc đáo trong "thú lâm tuyền" của Hồ Chí Minh với người xưa?

Câu 2 (12,0 điểm):

Hình tượng quê hương trong bài thơ cùng tên của nhà thơ Tế Hanh (Văn 8, tập 2, NXB GD 2010); từ đó nêu suy nghĩ về giá trị của quê hương trong cuộc sống?

-----*Hết*-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Hướng dẫn chấm này có 03 trang)

I. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần vận dụng hướng dẫn chấm chủ động, linh hoạt, tránh cứng nhắc, máy móc và phải biết cân nhắc trong từng trường hợp cụ thể để ngoài kiểm tra kiến thức cơ bản, giám khảo cần trân trọng những bài làm thể hiện được tố chất của một học sinh giỏi (kiến thức vững chắc, có năng lực cảm thụ văn học sâu sắc,

tinh tế, kỹ năng làm bài tốt, diễn đạt có cảm xúc...) đặc biệt khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng.

- Giám khảo cần đánh giá bài làm của học sinh một cách tổng thể ở từng câu và cả bài, không đếm ý cho cho điểm nhằm đánh giá bài làm của học sinh trên cả hai phương diện: kiến thức và kỹ năng.

- Hướng dẫn chấm thi chỉ nêu ý chính và thang điểm cơ bản, trên cơ sở đó, giám khảo có thể thống nhất để định ra ý chi tiết và thang điểm cụ thể hơn.

- Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản, hợp lý, có sức thuyết phục, giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để cho điểm một cách chính xác, khoa học, khách quan, công bằng.

- Tổng điểm toàn bài là 20 điểm, cho điểm lẻ đến 0,5 điểm.

II. Hướng dẫn cụ thể

Câu	Nội dung	Điểm
I. ĐỌC - HIỂU		
1	- Phương thức biểu đạt chính: tự sự	1,0
2	* Sự khác nhau trong cách viết của 2 câu văn đã cho:	
	- Câu 1: “ <i>Họ đã về châu thượng đế</i> ”: Dùng cách nói giảm nói tránh.	0,5
	- Câu 2: “ <i>Em đã chết vì đói rét trong đêm giao thừa</i> ”: Không dùng cách nói giảm nói tránh.	0,5
	*Hiệu quả của cách viết đó:	
	- Câu 1: Tránh sự nặng nề, tạo cảm giác nhẹ nhàng, phù hợp với tâm lí và khát khao của nhân vật, sự thấu hiểu và tinh tế của nhà văn.	0,5
	- Câu 2: Nổi bật bi kịch, tăng tiếng nói tố cáo, bức thông điệp gửi đến người đọc càng sâu sắc hơn.	0,5
3	- HS rút ra những thông điệp hợp lí, thuyết phục, phù hợp với nội dung phân tích trên.	1,0
II. LÀM VĂN		
1	Bài thơ " Tức cảnh Pác Bó" (Hồ Chí Minh) kết thúc bằng câu thơ: “Cuộc đời cách mạng thật là sang”. Viết đoạn văn cảm nhận về vẻ đẹp của câu thơ trên và nét độc đáo trong "thú lâm tuyền" của Hồ Chí Minh với người xưa?	
	a. Yêu cầu về hình thức, kĩ năng: Viết đúng thể thức của đoạn văn, có kĩ năng cảm thụ thơ. - Diễn đạt trôi chảy, có hình ảnh và cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu.	0,5

	<p>b. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, câu thơ. 	0,5
	<ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp của câu thơ: + Niềm vui thích của nhân vật trữ tình về cuộc đời cách mạng -> Nổi bật vẻ đẹp của niềm lạc quan phong thái ung dung của Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh cách mạng còn nhiều gian khổ, thử thách. + Nghệ thuật điểm nhãn, giọng thơ hóm hỉnh, kết hợp triết lí và trữ tình... 	1,0
	<ul style="list-style-type: none"> - Nét độc đáo trong "thú lâm tuyền" của Hồ Chí Minh: + Thiên nhiên là căn cứ địa, là nơi "hành đạo" của người chiến sĩ cách mạng + "Khách lâm tuyền" có dáng dấp ẩn sĩ nhưng vẫn mang cốt cách chiến sĩ. 	1,0
2	Hình tượng quê hương trong bài thơ cùng tên của nhà thơ Tế Hanh, từ đó nêu suy nghĩ về giá trị của quê hương trong cuộc sống?	
	<p>a. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách tạo lập văn bản nghị luận văn học, từ đó trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề trong đời sống xã hội. - Bố cục bài văn chặt chẽ, mạch lạc. - Diễn đạt trôi chảy, văn có hình ảnh, cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. 	1,0
	<p>b. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận 	1,0
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu ngắn gọn cách hiểu về hình tượng văn học quê hương: Là cội nguồn gần gũi, thiêng liêng, là nơi gửi gắm tình cảm, là điểm tựa tinh thần của cuộc đời mỗi con người... 	1,0
	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận về hình tượng quê hương trong bài thơ: Quê hương hiện lên trong dòng tâm tưởng là một miền quê bình dị, sức sống, trong sáng, tươi sáng và mang đậm đặc trưng của quê hương vùng biển: Qua vẻ đẹp của con người và cảnh sắc quê hương trong cảnh ra khơi, cảnh trở về trong nỗi nhớ tha thiết của nhà thơ... 	6,0
	<ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá, khái quát: hình tượng quê hương, hình tượng cái tôi nhà thơ Tế Hanh, liên hệ, mở rộng... 	1,0

- Giá trị của quê hương:	
+ Giá trị của quê hương: Là cội nguồn sinh dưỡng gần gũi và thiêng liêng, là nơi lưu giữ những buồn vui của mỗi người và những đặc trưng của vùng miền về văn hóa, phong tục...một điểm tựa tinh thần bền bỉ trong cuộc đời mỗi người.	1,0
+ Phản đề, bài học...	1,0

ĐỀ 12:

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2017-2018 MÔN NGỮ VĂN 8

Thời gian làm bài: 120 phút

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:

Tiểu đội giải phóng quân chúng tôi trong Trung đội “kỵ con” đã hoàn thành nhiệm vụ. Chúng tôi mong được ghi nhận rằng chúng tôi đã từng sống, chiến đấu và đã chết trong một mùa Xuân giữa đất trời như trăm ngàn cái chết của người Việt Nam chân chính cho Tổ quốc và dân tộc sống còn.

Còn như chúng tôi được phát hiện muộn hơn sau 5 năm 10 năm – tự do quý giá, thì xin cho chúng tôi gửi đến những người đang sống, sống đúng ý nghĩa của nó, trong một thời đại vinh quang, lời biết ơn sâu sắc vì các bạn đang làm cho cái chết của chúng tôi giữ được đầy đủ ý nghĩa. Các bạn đang lao động quên mình cũng như chúng tôi đã chiến đấu quên mình cho đất nước ta ngày nay tươi đẹp, cho dân ta ngày càng ấm no, hạnh phúc, cho xã hội ta ngày càng dân chủ công bằng.

(Trích *Thư gửi thế hệ mai sau* của 3 liệt sĩ Lê Hoàng Vũ, Nguyễn Chí, Trần Viết Dũng thuộc Tiểu đội 1 - Trung đội Kỵ Con, Trung đoàn Bình Giã, Quân giải phóng miền Nam)

Câu 1. (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt của văn bản

Câu 2. (1,5 điểm): Nêu nội dung chính của văn bản

Câu 3. (2,0 điểm): Suy nghĩ về những lời tâm sự của các anh hùng liệt sĩ trong đoạn trích gửi đến chúng ta – những con người thế hệ hôm nay (trình bày 6 đến 8 dòng)

II. LÀM VĂN (16,0 điểm)

Câu 1. (6,0 điểm)

Nhưng ô kìa ! Sau trận mưa vui dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuộm màu vàng ứa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

(Trích *Chiếc lá cuối cùng*, O Hen-ri, Ngữ văn 8, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.87)

Từ ý nghĩa đoạn trích trên, hãy trình bày suy nghĩ về nghị lực sống của con người.
Câu 2.(10,0 điểm)

Đánh giá về bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, trong phần ghi nhớ, Sách giáo khoa Ngữ văn 8, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam trang 18 viết:

“Với những vần thơ bình dị mà gợi cảm, bài thơ Quê hương của Tế Hanh đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài”

Hãy phân tích bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh để thấy: “một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển” và “hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài”

.....**Hết**.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
ĐỌC HIỂU		4,0
1	Phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm.	0,5
2	Nội dung chính của đoạn trích: - Lời nhắn gửi của những người lính đến thế hệ mai sau: ghi nhận họ đã từng chiến đấu, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc - Mong ước thế hệ mai sau tiếp tục lao động, cống hiến dựng xây đất nước	1,5
3	- Suy nghĩ về những lời tâm sự của các anh hùng liệt sĩ gửi đến chúng ta – những con người của thế hệ hôm nay - Thí sinh bày tỏ suy nghĩ theo những cách riêng miễn là hợp lí, thuyết phục. Dưới đây là một hướng suy nghĩ: + Trân trọng biết ơn những gì mà thế hệ cha anh đi trước đã hi sinh cho Tổ quốc để chúng ta có được cuộc sống hòa bình hôm nay + Từ đó biết sống xứng đáng, cống hiến sức mình để dựng xây quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp	2,0
LÀM VĂN		16,0
1	Từ ý nghĩa đoạn trích, hãy trình bày suy nghĩ về nghị lực sống của con người.	6,0
	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</i>	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Nghị lực sống của con người</i>	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Triển khai luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để làm rõ luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau:	5.0
	* Giới thiệu tác giả và vấn đề nghị luận	0.5

	* Nghị luận về đoạn trích: Đoạn trích làm hiện lên hình ảnh chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân. Trước sự dữ dội của thiên nhiên, chiếc lá vẫn kiên cường treo bám vào cành. Từ sức sống mãnh liệt ta nghĩ về nghị lực của con người trong cuộc sống.	1
	* Nghị luận về nghị lực sống của con người - Nghị lực sống của con người chính là bản lĩnh, ý chí, sự cố gắng để vượt lên tất cả những khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám sống.	0,5
	- Vai trò, ý nghĩa của nghị lực sống: + Tạo cho ta bản lĩnh và lòng dũng cảm, tự tin trong cuộc sống + Ứng phó và cải biến được khó khăn, thử thách + Ngoài trí tuệ và tài năng, tình cảm và nhiệt huyết thì nghị lực sống là một nhân tố quan trọng, là động lực giúp cho con người thành công trong cuộc sống. + Nghị lực sống là thước đo phẩm chất con người	1,5
	- Nêu và phân tích những tấm gương cụ thể trong đời sống trên các mặt: vượt khó để học tập, lập nghiệp, lao động và sáng tạo...	0,5
	- Phê phán những biểu hiện tiêu cực: thiếu nghị lực, bản lĩnh, chỉ biết sống trong sự bao bọc, chở che, không dám đối diện với khó khăn, thử thách	0,5
	- Rút ra bài học: + Rèn luyện nghị lực sống để vượt qua khó khăn, gian khổ và vượt qua chính mình + Kiên định mục đích sống của mình, không chán nản, bi quan, bỏ cuộc	0,5
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ nghĩa, dùng từ, đặt câu.	0,25
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm...; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực xã hội)	0,25
2	Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh để thấy: “một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển” và “hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài”	10,0
	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</i>	0,5
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển và hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài...	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm theo trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để làm rõ luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lý lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động. - Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, miễn là hợp lý, thuyết phục. Sau đây là một định hướng:	8,0

* Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận	0,5
* Giải thích ý kiến: - Ý kiến trên nhằm khẳng định sức hấp dẫn của bài thơ <i>Quê hương</i> khi nhà thơ đã vẽ ra được bức tranh cảnh vật vùng biển tươi sáng bằng ngòi bút tinh tế, sinh động, tình yêu quê hương sâu nặng. - Điểm sáng trong bức tranh ấy là vẻ đẹp khỏe khoắn, tràn đầy sức sống, tinh thần lao động miệt mài của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài	1,0
* Chứng minh: - Vẻ đẹp tươi sáng, sinh động của một làng quê miền biển + Khung cảnh ra khơi trong trẻo, tươi sáng được khắc họa trong buổi sớm mai hồng + Cảnh đoàn thuyền trở về mang hơi thở mặn mòi của địa dương	1
- Nổi bật lên trong bức tranh ấy là hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài: + Khí thế lao động hăng hái được gợi tả qua hình ảnh những chàng trai phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang	1
+ Hình ảnh cánh buồm là một so sánh độc đáo gợi ra linh hồn của làng chài với bao ước mơ, khát vọng của người dân vùng biển	1
+ Cảnh ồn ào tấp nập là một bức tranh sinh hoạt lao động ở làng chài được miêu tả hết sức sinh động, chan chứa niềm vui sướng trước thành quả lao động và thể hiện khát vọng ấm no, hạnh phúc của người dân làng chài. (Chú ý phân tích nhịp thơ, giọng thơ, từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp nghệ thuật để làm rõ)	1,5
* Đánh giá: - Đằng sau hình ảnh bức tranh làng quê mà nổi bật là hình ảnh người dân chài là niềm vui, niềm tự hào, tình yêu của nhà thơ Tế Hanh đối với quê hương. Từ đó làm nên cảm hứng thơ mãnh liệt. - Với cách viết giản dị, tự nhiên mà sâu sắc qua ngôn ngữ mộc mạc, gợi cảm, hình ảnh thơ tươi sáng, giọng điệu nhẹ nhàng, sâu lắng, âm điệu vui tươi, đầm thắm, hồn thơ trẻ trung của một cái nhìn ấm áp về làng quê trong kỉ niệm. - Bài thơ viết về làng quê riêng của chính tác giả nhưng mang theo nét đẹp của cuộc sống và con người ở mọi làng chài, do vậy nó có sức hấp dẫn, đánh thức trái tim con người Việt Nam.	1
d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện cảm nhận sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,5

ĐỀ 13.**PHÒNG GD&ĐT****ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN****ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN 8***(Thời gian làm bài 150 phút)***ĐỀ BÀI****Câu 1 (8,0 điểm)**

Suy nghĩ của em về bài học được rút ra từ câu chuyện sau:

Ngày xưa, bên sườn của một núi lớn có một tổ chim đại bàng. Một trận động đất xảy ra làm rung chuyển ngọn núi, một quả trứng đại bàng lăn xuống và rơi vào trại gà dưới chân núi. Một con gà mái tình nguyện ấp của trứng lớn ấy. Đến ngày kia, trứng nở ra một chú đại bàng con xinh đẹp, nhưng buồn thay chú chim nhỏ được nuôi lớn như một con gà. Chẳng bao lâu sau, đại bàng cũng tin nó chỉ là một con gà không hơn không kém. Đại bàng yêu gia đình và ngôi nhà đang sống, nhưng tâm hồn nó vẫn khao khát một điều gì đó cao xa hơn. Một ngày, trong khi đang chơi đùa trong sân, đại bàng nhìn lên trời và thấy những chú chim đại bàng đang sải cánh bay cao giữa bầu trời. “Ồ- đại bàng kêu lên- Ước gì tôi có thể bay như những con chim đó”. Bầy gà cười ầm lên: “Anh không thể bay với những con chim đó được. Anh là một con gà và gà không biết bay cao”. Đại bàng tiếp tục ngược nhìn gia đình thực sự của nó, mơ ước có thể bay cao cùng họ. Mỗi lần đại bàng nói ra mơ ước của mình, bầy gà lại bảo nó điều không thể xảy ra. Đó là điều đại bàng cuối cùng đã tin là thật. Rồi đại bàng không mơ ước nữa và tiếp tục sống như một con gà. Cuối cùng, sau một thời gian dài sống làm gà, đại bàng chết.

(Theo nguồn internet)

Câu 2 (12,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng “*Quê hương*” của Tế Hanh là bài thơ trữ tình có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự rất hợp lý, nhưng miêu tả và tự sự ở đây chỉ giúp cho yếu tố trữ tình càng thêm nổi bật. Nhờ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố này nên hình ảnh thơ càng chân thực, tinh tế, thể hiện tấm lòng yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.

Bằng những hiểu biết của em về bài thơ “*Quê hương*”, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (8,0 điểm)	Về mặt hình thức: - HS phải viết được văn bản có bố cục rõ ràng, cấu trúc hợp lý; - Diễn đạt trôi chảy, lập luận chặt chẽ. Viết đúng văn phạm; chữ viết rõ ràng, không sai chính tả. Về nội dung:	

1. Giải thích, nêu ý nghĩa câu chuyện	2,0 điểm
- Đại bàng là loại vật biểu trưng cho sức mạnh. Chúng thuộc về trời xanh, thuộc về những điều kỳ vĩ.	0,25
- Nhưng chú đại bàng này lại rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, đó là khi chú phải sống lạc vào bầy gà và nhầm tưởng mình cũng là loài vật nhỏ bé. Đại bàng không nhận thức được bản thân mình là ai và mình có khả năng gì	0,25
- Đáng chú ý ở chỗ đại bàng có ước mơ, đại bàng được khao khát bay lên trời xanh “Ồ- đại bàng kêu lên- Ước gì tôi có thể bay như những con chim đó” nhưng ước mơ đó nhanh chóng bị đè bẹp, đập vỡ bởi những người xung quanh	0,25
- Bởi không nhận thức được bản thân, không tin tưởng vào khả năng và dám thực hiện ước mơ của mình nên con chim cao quý ấy đã phải lãnh nhận một kết cục đau buồn: đại bàng đã sống và chết như loài gà nhỏ bé	0,25
- Chú đại bàng là một ẩn dụ cho một kiểu người trong xã hội- những con người có ước mơ, có hoài bão xong lại không dám tin vào chính mình, dễ dàng bị những lời đánh giá của những người bên cạnh mình làm lung lạc	0,5
- Câu chuyện về chú đại bàng mang lại bài học sâu sắc về sự tự nhận thức bản thân và niềm tin vào chính mình. Mỗi con người đều có khả năng tiềm ẩn và để biến ước mơ thành hiện thực, con người cần có ý chí vững chắc, niềm tin mạnh mẽ vào khả năng của mình. Có như vậy, con người mới phát huy năng lực thực sự của bản thân, trở thành những con đại bàng sải cánh trên trời xanh.	0,5
2. Phân tích, lý giải:	3,0 điểm
- Tin vào chính mình là tin vào khả năng, tin vào lập trường của mình. Niềm tin này xuất phát từ nhận thức về bản thân (mình là ai, đến từ đâu, có vị trí như thế nào trong xã hội, mình có thể làm gì). Nhưng như thế chưa đủ, cần phải trang bị cho mình lòng dũng cảm, vững vàng vượt qua mọi lời nói xung quanh để thực hiện ước mơ của chính mình. Làm được như vậy, con người sẽ bước gần hơn đến ước mơ, hoài bão.	0,75
- Tại sao con người cần phải nhận thức bản thân và tin tưởng vào chính mình?	
+ Là yếu tố quan trọng. Khi biết mình là ai sẽ hiểu mình sẽ cần làm gì cho xứng đáng. Nhận thức đúng đắn về chính mình để không bị nhòa đi giữa thế giới rộng lớn hàng triệu cá thể.	0,5
+ Tự nhận thức phải đi cùng niềm tin vững chắc và quyết tâm cao độ. Khả năng của con người là vô hạn và đôi khi bị ẩn giấu. Cuộc sống đều đều, trầm lặng đôi khi làm cho con người không bộc lộ hết khả năng, phải đặt trong hoàn cảnh đặc biệt, thử thách đặc biệt, con người mới có thể khám phá ra. Thử thách đặc biệt ấy có thể là những ước mơ, những dự định lớn lao, lúc này nhận thức và tin tưởng vào khả năng đóng vai trò quyết định đến sự thành bại. Nếu có niềm tin con người sẽ có sức mạnh vượt qua rào cản, sẽ khó bị đánh gục bởi những rào cản. Nó giúp ta gạt bỏ định kiến, những phủ định của những người xung quanh để dẫn thân	0,5

	<p>vào con đường đã chọn.</p> <p>+ Những giá trị lớn trong cuộc đời chỉ được tạo ra bởi những con người có nhận thức đúng đắn về bản thân và khả năng về chính mình. Dẫn chứng: Phát minh khoa học, thành tựu vĩ đại (Bác Hồ hai bàn tay trắng tìm đường cứu nước, Nguyễn Thế Hoàn vượt qua hoàn cảnh khó khăn đạt huy chương vàng Olympic Toán quốc tế 2014, ...). Nếu mặc cảm về mình thì họ có đạt được không</p> <p>- Phê phán: Trong cuộc sống chúng ta bắt gặp người như chú đại bàng trong câu chuyện, vì không nhận thức bản thân, không dũng cảm tin vào khả năng của mình mà sống cuộc sống tầm thường, vô nghĩa. Bị những định kiến kéo lại, không dám bước trên con đường ước mơ. Dám ước mơ và dũng cảm bước trên con đường chinh phục ước mơ, con người mới có thể làm được những điều vĩ đại.</p>	<p>0,5</p> <p>0,75</p>
	3. Bình luận, liên hệ	3,0 điểm
	<p>- Nhắc nhở vai trò niềm tin trong cuộc sống. Nó lay chuyển những ai đang ngủ quên trong sự bằng lòng với cuộc sống tầm thường của hiện tại, bị những định kiến xã hội làm cho mềm yếu. Hãy biết sống có ước mơ, khẳng định giá trị bản thân qua những hành động cụ thể. Đó là con đường dẫn con người đến thành công, hạnh phúc.</p> <p>- Tin vào chính mình, điều đó không có nghĩa con người trở nên tự cao, bảo thủ, mù quáng. Niềm tin cần gắn liền với nhận thức đúng đắn, ước mơ cao đẹp. Cuộc sống của chúng ta sẽ trôi đi vô nghĩa nếu chúng ta chịu bằng lòng với những gì đang có, nếu chúng ta ngừng ước mơ và cố gắng. Ta sẽ không biết khả năng kỳ diệu của ta nếu dễ dàng từ bỏ ước mơ khi nghe phán xét của những người xung quanh.</p> <p>- Liên hệ bản thân: Câu chuyện có tác động như thế nào đối với cuộc sống hiện tại, tự xem bản thân mình đã nhận thức được bản thân và tin vào chính mình chưa... Khẳng định lại: Tự tin vào những điều mình mơ ước hay chịu sống một cuộc đời bình lặng đều phụ thuộc vào mỗi người, do mỗi người. Sống hết mình với những điều ao ước là con người sống một đời ý nghĩa, cao đẹp.</p>	<p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p>
Câu 2 (12,0 điểm)	<p>Câu 2:</p> <p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Bài làm có bố cục hoàn chỉnh.</p> <p>- HS viết dạng bài nghị luận chứng minh, kết hợp được với giải thích nhận định. Bài viết thể hiện HS có kiến thức về bài thơ “Quê hương”, về tác giả Tế Hanh về những biện pháp nghệ thuật được thể hiện ở hình ảnh thơ chân thực, tinh tế, sự kết hợp giữa 3 phương thức biểu đạt song phương thức chính vẫn là biểu cảm và phải làm <i>nổi bật tình yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.</i></p> <p>- Diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chính xác. Dùng từ, đặt câu chuẩn xác.</p> <p>* Yêu cầu về nội dung</p>	

	1. Giải thích nội dung nhận định và khẳng định nhận định hoàn toàn đúng	3,0 điểm
	<p><i>“Quê hương” của Tế Hanh là bài thơ trữ tình có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự rất hợp lý, nhưng miêu tả và tự sự ở đây chỉ giúp cho yếu tố trữ tình càng thêm nổi bật. Nhờ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố này nên hình ảnh thơ càng chân thực, tinh tế, thể hiện tấm lòng yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.</i></p> <p>- Miêu tả (mô tả đặc điểm tính chất của sự vật, hiện tượng), tự sự (kể về người, việc,...) là yếu tố làm cơ sở bộc lộ cảm xúc, giúp cho yếu tố trữ tình có căn cứ và càng thêm nổi bật.</p> <p>- Trong bài thơ:</p> <p>+ Tự sự: Thể hiện ở việc kể về nghề nghiệp của người dân quê hương, vị trí, công việc hằng ngày ra khơi đánh cá, trở về, về hoàn cảnh của tác giả khi xa quê.</p> <p>+ Miêu tả: Quang cảnh thiên nhiên khi ra khơi đánh cá, nổi bật là hình ảnh người dân chài lưới với con thuyền làm chủ công việc, làm chủ vũ trụ, cảnh tấp nập khi đoàn thuyền trở về đầy cá, người dân chài lưới sau những ngày vất vả với bao thành quả lao động. Và chiếc thuyền sau mỗi lần về bến. Trong trí nhớ của tác giả về màu nước xanh, cánh buồm trắng, mùi vị...</p> <p>Song tất cả sự tự sự và miêu tả trên đều làm cho hình ảnh thơ thêm chân thực, tinh tế, phục vụ xuyên suốt cho một mạch cảm xúc trữ tình: Tình yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.</p> <p>- Điều này hoàn toàn đúng.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
	2. Chứng minh tính đúng đắn của ý kiến	7,0 điểm
	<p>a. Kể, tả khi giới thiệu quê hương với niềm tự hào, sự am hiểu, gần gũi</p> <p>+ Lời kể giản dị, chân thực nhưng tinh tế, lấy những nét riêng, đặc trưng của người miền biển: lấy thời gian để đo chiều dài của không gian.</p> <p>+ Lời thơ tha thiết, bồi hồi, chan chứa niềm tự hào về quê hương.</p> <p>b. Kể, tả về cảnh lao động (ra khơi đánh cá, trở về) của người dân chài lưới cùng với những công cụ gắn bó thân thiết của họ (con thuyền, cánh buồm gắn với con người lao động) để bộc lộ cảm xúc tự hào, tự tin, yêu mến, trân trọng thành quả lao động. Qua đó thể hiện sự tinh tế trong cách miêu tả, chân thực trong cảm xúc và sự am hiểu, gắn bó với con người, cuộc sống lao động và quê hương- những biểu hiện của tình yêu quê hương tha thiết</p> <p>+ Chỉ vài nét chấm phá tinh tế về cảnh “dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá” trong một “sớm mai hồng”, câu thơ đã mở ra bức tranh thiên nhiên tươi sáng, vừa là bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống. Thể hiện cái nhìn lạc quan tin tưởng về một chuyến ra khơi bình yên, mưa thuận gió hòa, niềm mong mỏi của nhà thơ về sự che chở của thiên nhiên đối với người dân.</p> <p>+ Đặc tả về chiếc thuyền khi ra khơi bằng biện pháp so sánh, các động từ</p>	<p>0,75</p> <p>0,75</p> <p>0,75</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

	<p>mạnh “hăng”, “phăng”, “vượt”; cánh buồn được so sánh với mảnh hồn làng vừa tinh tế, vừa giàu sức gợi (cả tâm hồn của làng quê gửi gắm với cánh buồn ra khơi) “rướn” tấm thân đón gió, nắng biển khơi như mang cả làng quê ra khơi đánh cá. Con thuyền được làm vật trung tâm truyền cảm hứng cho nhà thơ đặc tả. Nó chở chính người lao động ra khơi, rồi trở về, chở cả niềm tin, sự sống, thành quả lao động của làng quê.</p> <p>+ Kể và đặc biệt là tả về cảnh đoàn thuyền trở về để bộc lộ sự trân trọng thành quả, niềm tin vào sức mạnh của lao động, sự chinh phục thiên nhiên của con người để xây dựng quê hương đất nước. Các tính từ: “Ồn ào”, “tấp nập” -> toát lên không khí đông vui, hối hả đầy sôi động của cánh buồm đón ghe cá trở về. Người đọc như thực sự được sống trong không khí ấy, được nghe lời cảm tạ chân thành đất trời đã sóng yên, biển lặng để người dân chài trở về an toàn và cá đầy ghe, được nhìn thấy “những con cá tươi ngon thân bạc trắng”. Tế Hanh không miêu tả công việc đánh bắt cá như thế nào nhưng ta có thể tưởng tượng được đó là những giờ phút lao động không mệt mỏi để đạt được thành quả như mong đợi.</p> <p>Đặc tả về người dân chài- nhân vật trung tâm làm nên thành quả lao động với những nét chấm phá tinh tế, tiêu biểu thể hiện tình cảm chân thành và sự am hiểu về vẻ bề ngoài người dân lao động miền biển: làn da ngăm rám nắng. Thân hình nòng thở vị xa xăm là cách nói gợi cảm thể hiện sự liên tưởng từ hình khối sang cảm giác được ngửi thấy, nếm thử. Hình ảnh người dân chài vừa chân thực vừa lãng mạn với tầm vóc phi thường. Ông không những chỉ tả chân thực về họ mà còn thổi cho họ một sức mạnh phi thường với niềm tin tưởng, sự cảm phục về sự cường tráng và sức mạnh chinh phục thiên nhiên, ngang tầm vũ trụ.</p> <p>Chiếc thuyền- người bạn đồng hành được nhân hóa như những con người lao động biết mệt mỏi, nghỉ ngơi để nếm trải những hạnh phúc khi hoàn thành nhiệm vụ lao động.</p> <p>c. Phác kể về hoàn cảnh của bản thân xa quê để thể hiện trực tiếp trong nỗi nhớ khôn nguôi về quê hương của người con khi xa cách</p> <p>+ Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ kể giản dị; cách bộc lộ cảm xúc trực tiếp “Nay xa cách... Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”</p> <p>+ Tả về hương vị lao động làng chài chính là ông đã nhớ đến cháy lòng hương vị riêng đầy quyến rũ của quê hương. Dường như nỗi nhớ quê của ông không những bắt nguồn từ những gì ông nhìn thấy “nước xanh”, “cánh buồm vôi”, những gì ông mô tả, ông kể mà còn là những vị mùi thấm vào hơi thở, thớ thịt của người xa quê, còn là mùi vị xa xăm hắt về của biển cả. Nhà thơ đã cảm nhận được chất thơ trong cuộc sống lao động hàng ngày của người dân nên hình ảnh thơ tươi sáng, khỏe khoắn, mang hơi thở nồng ấm của lao động, của sự sống.</p>	<p>0,5</p> <p>0,75</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p>
	<p>3. Đánh giá về vai trò của 3 phương thức biểu đạt trong bài thơ và khẳng định tính chủ yếu, bao trùm của cảm xúc. Nâng cao, bình luận về tình yêu quê hương của Tế Hanh</p>	<p>2,0 điểm</p>

	<p>- Tế Hanh đã kể, tả không phải để chỉ kể tả, không phải để rườm rà câu chữ mà trong kể, tả đã có nỗi lòng, cảm xúc. Vì vậy ông đã sáng tạo được nhiều hình ảnh thơ chân thực nhưng cũng rất đẹp, bay bổng lãng mạn. Nhà thơ đã thổi linh hồn vào cách miêu tả, cách kể sự việc, sự vật gần gũi, giản dị khiến cho các sự vật mang một vẻ đẹp, một tầm vóc bất ngờ. Từ đó, tình yêu quê hương của Tế Hanh càng trở nên tha thiết, sâu nặng hơn.</p> <p>- Tình yêu quê hương của ông không chỉ là những cảm xúc xáo rỗng mà còn là những việc, người cảnh, những hình ảnh gần bó máu thịt, sự am hiểu về cuộc sống, con người lao động miền biển. Còn bắt nguồn từ những quan sát, trải nghiệm và cả trong hoàn cảnh đặc biệt xa quê.</p> <p>- Tình yêu quê hương ấy còn được biến thành những hành động cụ thể của một người con làng chài: Ông là một trong nhà thơ trong phong trào thơ Mới với những sáng tác mang nặng nỗi buồn và tình yêu quê hương thấm thiết. Sau 1945, những sáng tác của ông vẫn thể hiện sự nhớ thương quê hương miền nam da diết và khát khao, tin tưởng đất nước thống nhất “Tôi sẽ về nơi tôi hằng mong ước....”. Ông đã được tặng giải thưởng HCM về VHNT năm 1996. Chúng ta trân trọng, tự hào về những người con như thế.</p> <p>- HS liên hệ</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

ĐỀ 14

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI NGŨ VĂN 8

NĂM HỌC 2017-2018

Thời gian : 150 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I- ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Một chàng trai trẻ đến xin học một ông giáo già với tâm trạng bi quan và chỉ thích phàn nàn. Đối với anh, cuộc sống là một chuỗi ngày buồn chán, không có gì thú vị. Một lần, khi chàng trai than phiền về việc mình học mãi mà không tiến bộ, người thầy im lặng lắng nghe rồi đưa cho anh một thìa muối thật đầy và một cốc nước nhỏ.

- Con cho thìa muối này vào cốc nước và uống thử đi.

Lập tức, chàng trai làm theo.

- Cốc nước mặn chát. Chàng trai trả lời.

Người thầy lại dẫn anh ra một hồ nước gần đó và đổ một thìa muối đầy xuống nước:

- Bây giờ con hãy ném thử nước trong hồ đi.

- Nước trong hồ vẫn vậy thôi, thưa thầy. Nó chẳng hề mặn lên chút nào – Chàng

trai nói khi mức một ít nước dưới hồ và ném thử.

Người thầy chậm rãi nói:

-Con của ta, ai cũng có lúc gặp khó khăn trong cuộc sống. Và những khó khăn đó giống như thìa muối này đây, nhưng mỗi người hòa tan nó theo một cách khác nhau. Những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm họ mất đi niềm vui và sự yêu đời. Nhưng với những người tâm hồn chỉ nhỏ như một cốc nước, họ sẽ tự biến cuộc sống của mình trở thành đắng chát và chẳng bao giờ học được điều gì có ích.

(Theo “Câu chuyện về những hạt muối” - vietnamnet.vn, 17/06/2015)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản ?

Câu 2: Em hiểu gì về các chi tiết, hình ảnh “*thìa muối*”, “*hòa tan*” trong văn bản ?

Câu 3: Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu : “*những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm cho họ mất đi niềm vui và sự yêu đời*”?

Câu 4: Em rút ra bài học gì có ý nghĩa cho bản thân từ văn bản trên?

PHẦN II-TẬP LÀM VĂN (14.0 điểm)

Câu 1 (4.0 điểm) : Từ nội dung câu chuyện ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống.

Câu 2 (10.0 điểm)

Trong cuốn “*Từ điển văn học*”, Nguyễn Xuân Nam viết : “*Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng*”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ “*Quê hương*” của Tế Hanh, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU	
1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0.5 điểm
2	-Hình ảnh “ <i>thìa muối</i> ” tượng trưng cho khó khăn, thử thách, những nỗi buồn đau, phiền muộn mà con người gặp phải trong cuộc đời - Chi tiết “ <i>hòa tan</i> ” là thái độ sống, cách giải quyết những khó khăn, thách thức, những buồn đau, phiền muộn của mỗi người	1.5 điểm
3	2- Chỉ ra: - Biện pháp tu từ so sánh: “ <i>những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước</i> ” - Hiệu quả: + Khẳng định những con người có thái độ sống tích cực, luôn lạc quan, yêu	2.0 điểm <i>0.5 điểm</i>

	đời, mở rộng tâm lòng, biết chia sẻ với mọi người xung quanh, luôn có niềm tin vào bản thân và mọi người dù cuộc sống gặp chông gai, trắc trở + Tạo ra cách diễn đạt giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm, tăng sức thuyết phục cho lời văn.	1.5 điểm
4	<i>Bài học rút ra:</i> Cuộc sống luôn có những khó khăn và thử thách, thành công phụ thuộc rất lớn vào thái độ sống của mỗi người. Thái độ sống tích cực sẽ giúp chúng ta có được niềm tin, sức mạnh, bản lĩnh, giúp ta khám phá khả năng vô hạn của bản thân. Chúng ta không nên sống bi quan, chán nản mà phải sống lạc quan, yêu đời, hãy mở rộng tâm hồn giống như hồ nước để nỗi buồn sẽ vơi đi và niềm vui được nhân lên khi hoà tan.	2.0
II	TẬP LÀM VĂN	
1	Nghị luận xã hội	
	a- <i>Đảm bảo thể thức của một đoạn văn nghị luận:</i> Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân đoạn làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được luận điểm; Kết đoạn khái quát được nội dung nghị luận	0.25
	b- <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận :</i> ý nghĩa của tinh thần lạc quan	0.25
	c- <i>Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn:</i> vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau: * Giải thích vấn đề: - Lạc quan là một trạng thái cảm xúc tích cực, luôn yêu đời, xem cuộc đời là đáng sống, luôn giữ một niềm tin, hi vọng về những điều tốt đẹp dù cuộc sống gặp nhiều khó khăn, phiền muộn, gian truân. * Bàn luận vấn đề: - Vì sao con người cần phải có tinh thần lạc quan: + Cuộc sống có muôn vàn khó khăn, thử thách, sống lạc quan giúp con người có cái nhìn sáng suốt, trí tuệ minh mẫn, hành động đúng đắn để giải quyết mọi việc một cách tốt đẹp. + Sống lạc quan giúp con người trở nên can đảm, tự tin vào bản thân, tâm hồn phong phú, rộng mở, sống có ích, họ luôn học hỏi được những kinh nghiệm quý giá kể cả trong thành công hay thất bại. + Thái độ sống lạc quan giúp mỗi người luôn nhận ra mặt tích cực của mọi vấn đề, nhận ra những cơ hội mà người sống bi quan không thể nhận ra, từ đó gạt hái được những thành công trong cuộc sống. + Lạc quan là biểu hiện của thái độ sống đẹp, được mọi người yêu quý, trân trọng. - Trong cuộc sống có biết bao người phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách nhưng họ luôn lạc quan, kiên cường vượt lên và chiến thắng (<i>HS lấy dẫn chứng để chứng minh cho mỗi ý của vấn đề nghị luận</i>) - Mở rộng vấn đề: Cần lên án những người sống bi quan, gặp khó khăn là chán nản, buông xuôi, họ sẽ thất bại trong cuộc sống. Tuy nhiên, lạc quan không phải là luôn nhìn cuộc đời bằng lăng kính màu hồng, thậm chí mù quáng trước những vấn đề đặt ra trong cuộc sống.	3. 0.5 0.25 0.25 0.25 0.5 0.5

	<p>- Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>+ Cần nuôi dưỡng, phát huy tinh thần lạc quan, thực hiện ước mơ trong cuộc sống, hãy có niềm tin vào bản thân, không gục ngã trước khó khăn, có ý chí nghị lực vươn lên, biết chia sẻ với mọi người và luôn tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc đời.</p> <p>+ Liên hệ bản thân.</p>	0,5 điểm
	d- <i>Sáng tạo</i> : Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề	0,25
	e- <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : đảm bảo những qui tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
2	Nghị luận văn học	
	a. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i> : Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận	0,25
	b- <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> : đặc trưng của thơ ca, lấy bài “ Quê hương” của Tế Hanh để chứng minh	0,25
	<p>c- <i>HS triển khai vấn đề</i>: luận điểm cụ thể, rõ ràng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. HS có thể trình bày theo hướng sau:</p> <p>1- Giải thích nhận định</p> <p>Ý kiến của Nguyễn Xuân Nam khẳng định vẻ đẹp của thơ trên hai phương diện : nội dung và hình thức.</p> <p>* Vẻ đẹp nội dung: “ Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ”:</p> <p>-Thơ ca phản ánh cuộc sống:</p> <p>+ Thơ phản ánh cái đẹp của cuộc sống, thiên nhiên, tạo vật</p> <p>+ Thơ chất lọc vẻ đẹp tinh túy, bình dị cao quý của con người, cuộc đời</p> <p>-Thơ phản ánh tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ:</p> <p>+Thơ là thể loại trữ tình biểu hiện sự rung động mãnh liệt trong tâm hồn của người nghệ sĩ trước cuộc đời</p> <p>+ Thơ là tiếng nói của tình cảm, tình cảm càng chân thành bao nhiêu thì hồn thơ càng thăng hoa bấy nhiêu. Vẻ đẹp muôn màu sắc của cuộc sống hiện ra qua “ những cảm xúc dạt dào, sự tưởng tượng mạnh mẽ” của thi sĩ.</p> <p>* Vẻ đẹp hình thức: Thơ- một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”</p> <p>+Thơ hay phải có ngôn từ đẹp, giàu sức gợi và sắc điệu thẩm mỹ, thơ là hình tượng.</p> <p>+Thơ hay phải có âm điệu, nhạc điệu, nhịp điệu trầm bổng, du dương, khoan thai, hùng tráng, thiết tha.. thơ là nhạc</p> <p>=> Ý kiến trên khẳng định thơ hay phải hay cả nội dung và hình thức “<i>Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác</i>” (Xuân Diệu)</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5 điểm</p> <p>5.0 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>

<p>2-Chứng minh qua bài thơ “ Quê hương” (Tế Hanh)</p> <p>- Giới thiệu những nét chính về tác giả Tế Hanh và bài thơ “ Quê hương” (Xuất xứ, chủ đề)</p> <p>* Quê hương- sáng tác văn học “phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ”:</p> <p>* Giới thiệu làng chài ven biển Quảng Ngãi. Quê hương của Tế Hanh là một làng nghèo thuộc duyên hải miền Trung “ <i>cách biển nửa ngày sông</i>”. Con sông mà nhà thơ nhắc tới là con sông Trà Bồng chảy qua huyện Bình Sơn, phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Làng như một điểm âm sáng duyên dáng, chơi vơi trong nỗi thương nhớ đến quận lòng của thi nhân</p> <p>* Khí thế của người dân chài ra khơi</p> <p>+ Một loạt hình ảnh so sánh, ẩn dụ mới mẻ về con thuyền, mái chèo và cánh buồm..<i>“Tuần mã”</i> là chú ngựa tơ, đẹp, phi nhanh. Ví chiếc thuyền “<i>nhẹ hăng như con tuần mã</i>”, tác giả đã tạo nên một hình ảnh khỏe, trẻ trung, diễn tả khí thế hăng hái, phấn khởi lên đường, chinh phục biển rộng sông dài</p> <p>+ Tính từ “<i>hăng</i>” dùng rất hay liên kết với các từ ngữ “<i>dân trai tráng</i>” và “<i>tuần mã</i>” hợp thành tính hệ thống.. Mái chèo như những lưỡi kiếm không lồ chém xuống nước, động từ “<i>phăng</i>” đầy mạnh mẽ, đưa con thuyền “<i>vượt trường giang</i>”.</p> <p>+ Hình ảnh “<i>Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng</i>” là so sánh đẹp, sáng tạo biểu tượng cho hình bóng và sức sống quê hương, tượng trưng cho sức mạnh, lao động sáng tạo, ước mơ về ấm no hạnh phúc . Nó còn tiêu biểu cho chí khí và khát vọng chinh phục biển khơi của đoàn trai tráng đang hùng hực khí thế.</p> <p>+Hình ảnh nhân hóa “<i>rướn thân trắng bao la thâu góp gió</i>” mang đậm cảm hứng lao động và cảm hứng vũ trụ.. Ba chữ “<i>rướn thân trắng</i>” gợi tả một cuộc đời trải qua nhiều mưa nắng, đồng thời thể hiện tư thế làm chủ thiên nhiên. Người dân chài ra khơi như mang đi một phần máu thịt quê hương, “<i>cánh buồm</i>” gắn với con thuyền như "hòn vía" làng quê chở che, neo giữ họ...Tế Hanh, với trái tim mẫn cảm đã thấy ở cánh buồm tâm hồn lộng gió của quê hương mình</p> <p>* Cảnh dân làng chài đón đoàn thuyền đánh cá trở về</p> <p>+ Cảnh dân làng đón thuyền về đông vui “<i>khắp dân làng tấp nập đón ghe về</i>”, đó là ngày hội lao động đầy ắp niềm vui và sự sống, toát ra từ không khí <i>ồn ào, tấp nập</i>, đông vui...</p> <p>+ Người dân chài cảm tạ trời đất, biển mẹ đã cho những chiếc ghe đầy cá, từ những “<i>con cá tươi ngon thân bạc trắng</i>” - là hình ảnh cụ thể thành quả lao động của chuyến đi biển, đem lại niềm vui và hứa hẹn sự no đủ của làng chài đến “<i>biển lặng</i>” sóng êm để họ trở về an toàn.</p> <p>*Hình ảnh người dân chài và con thuyền trở về sau chuyến ra khơi.</p> <p>+ Hình ảnh dân chài lưới “<i>làn da ngăm rạm nắng</i>” là hình ảnh tả thực người dân chài nước da ngăm nhuộm nắng nhuộm gió thân hình vạm vỡ, rắn chắc, khỏe mạnh...</p> <p>+ “<i>Cả thân hình nồng thở vị thớ xa xăm</i>” là ẩn dụ sáng tạo độc đáo gợi</p>	<p>0,5</p> <p>1,25 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>1.25 điểm</p>
--	--

	<p>cảm, thú vị bởi thân hình người dân chài thâm đậm vị mặn mòi, nồng tỏa “<i>vị xa xăm</i>” khoáng đạt, huyền bí của đại dương -> Hình ảnh người dân chài được miêu tả vừa chân thực vừa lãng mạn đã trở nên có tầm vóc phi thường ngang với không gian thời gian...</p> <p>+ Hình ảnh “con thuyền” nằm im nghỉ ngơi trên bến sau khi vật lộn cùng sóng gió trở về. Nhà thơ đã sử dụng kết hợp hai biện pháp tu từ: nhân hóa con thuyền qua các từ ngữ “<i>im, mòi, trở về, nằm...</i>” và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “<i>nghe</i>” đã biến con thuyền vốn là một sự vật vô tri đã trở nên có hồn rất tinh tế. Con thuyền cũng như người dân làng chài sau chuyến ra khơi về nghỉ ngơi để chiêm nghiệm, thấm đậm vị mặn mòi của biển khơi, nghĩ đến những vất vả và niềm vui trong cuộc sống của mình.</p> <p>* Nối nhớ quê hương của Tế Hanh</p> <p>+ Xa quê nên “<i>tưởng nhớ</i>” khôn nguôi, nhớ “<i>màu nước xanh</i>” “<i>cá bạc</i>”, “<i>chiếc buồm vôi</i>”,... Thấp thoáng trong hoài niệm là hình ảnh con thuyền “<i>rẽ sóng ra khơi</i>” đánh cá. Xa quê nên mới “<i>thấy nhớ</i>” hương vị biển, hương vị làng chài thân yêu “<i>cái mùi nồng mặn quá</i>”. Tình cảm thấm vào câu chữ, màu sắc, vần thơ. Tiếng thơ cũng là tiếng lòng trang trải hồn quê với đầy thương nhớ. Cảm xúc dịu dàng, đầm thắm, menh mang -> Tình yêu quê hương sâu nặng, gắn bó máu thịt....</p> <p>* Quê hương- sáng tác văn học được diễn đạt bằng “ một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”</p> <p>-Giàu hình ảnh đẹp: các hình ảnh “<i>nước bao vây</i>”, “<i>con thuyền</i>”, “<i>cánh buồm</i>”, “<i>mảnh hồn làng</i>”, “<i>dân chài lưới</i>”, “<i>chiếc thuyền im bến mỏi</i>”, “<i>thân hình nồng thở vị xa xăm</i>”, “<i>màu nước xanh</i>”, “<i>cá bạc</i>”... Hình ảnh thơ chân thực, gần gũi khiến cho bài thơ thêm phần thi vị, bay bổng</p> <p>-Nhịp điệu : nhẹ nhàng khoan thai, hào hùng, vui tươi, tha thiết theo từng cung bậc cảm xúc..</p> <p>- Thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc trữ tình, kết hợp khéo léo phương thức biểu cảm và miêu tả, bút pháp hiện thực kết hợp lãng mạn. sự quan sát, cảm nhận vô cùng sắc sảo, tinh tế của nhà thơ.</p> <p>-Các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và sử dụng các từ láy (ồn ào, tấp nập, xa xăm..) thành công.</p>	<p>1.0 điểm</p> <p>2.0 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>1.0 điểm</p>
	<p>3- Đánh giá:</p> <p>-Đoạn thơ là bức tranh đẹp về cảnh vật, con người lúc đoàn thuyền đánh cá trở về bến. Tế Hanh phải là người có tâm hồn tinh tế, tài hoa, nhất là tấm lòng gắn bó sâu nặng, tình yêu máu thịt quê hương thì mới sáng tạo nên những vần thơ đẹp đến vậy. Bài thơ xứng đáng với lời nhận xét của Nguyễn Xuân Nam về một tác phẩm thơ hay</p> <p>- Đề sáng tác được một bài thơ hay, người nghệ sĩ cần đến với cuộc đời bằng trái tim nhiệt huyết, sự sáng tạo, nỗ lực không ngừng.</p> <p>-Người đọc khi tiếp nhận tác phẩm cần mở rộng tâm hồn, trái tim để cảm nhận được cái hay, cái đẹp mà người nghệ sĩ gửi gắm trong thi phẩm</p>	0.25 điểm
	<p>d- <i>Sáng tạo</i>: Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề</p>	0.25

dùng từ, đặt câu.	điểm
-------------------	------

ĐỀ 15:

ĐỀ KHẢO SÁT NĂNG LỰC HỌC SINH GIỎI

Năm học 2019 – 2020

Môn: Ngữ văn 8

Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1 (4 điểm)

Trên trang Vnexpress.net, Thứ tư, 8/4/2020, trong bài: Cây 'ATM gạo' cho người nghèo có đoạn viết:

Thấy việc phát gạo từ thiện tiềm ẩn nguy cơ lây bệnh, anh Hoàng Tuấn Anh (35 tuổi) sáng chế máy phát gạo tự động được mọi người gọi là cây "ATM gạo".

Sáng 7/4, ông Nguyễn Văn Mạnh (68 tuổi), làm nghề bán vé số ở quận 11, tiến lại gần tấm bảng "Điểm phát gạo tự động cho người nghèo", với tay lấy một túi nilon và rút rờ bấm nút cạnh chiếc bồn inox. Một dòng gạo trắng từ trong chiếc ống nhựa chảy ra, nằm gọn gàng trong túi. Khuôn mặt giãn ra, ông Mạnh xách túi gạo ra về, nhường chỗ cho người tiếp theo đang xếp hàng cách ông 2 mét.

"Trước giờ tôi cũng được người ta cho gạo nhưng lần đầu thấy có cái máy tự động này. Nhân viên ở đây nói, ăn hết thì tới lấy tiếp nên tui không lo thiếu gạo trong mùa dịch này nữa", người đàn ông bán vé số đang thất nghiệp vì Covid-19 nói.

Từ phần tin trên, em hãy viết bài văn nghị luận với chủ đề: *Yêu thương và sáng tạo.*

Câu 2 (6 điểm)

Nhận định về thơ, Diệp Tiến cho rằng: “*Thơ ca là tiếng lòng người nghệ sĩ*”.

Em hãy cảm nhận về *tiếng lòng* mà nhà thơ Tế Hanh gửi gắm trong bài thơ *Quê hương* ?

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. YÊU CẦU CHUNG

- Giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của thí sinh, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt *Hướng dẫn chấm*, sử dụng nhiều mức độ điểm một cách hợp lý, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng nếu đáp ứng những yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

- Điểm bài thi có thể cho lẻ đến 0,25 điểm và không làm tròn.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

Câu 1(4,0 điểm)

1. Về kĩ năng

Biết cách viết bài văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, văn viết mạch lạc, trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

2. Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

Nội dung	Điểm
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát nội dung mẫu tin - Dẫn ra vấn đề nghị luận: Yêu thương và sáng tạo. 	0,5
<p>b. Thân bài:</p> <p><i>* Giải thích vấn đề:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu thương: là một khái niệm chỉ một phẩm chất tình cảm, vẻ đẹp tâm hồn của con người. Đó là tình cảm thương yêu, chia sẻ và đùm bọc một cách thấm thiết. Yêu thương con người là sự quan tâm, giúp đỡ của chúng ta đối với những người xung quanh, là làm những điều tốt đẹp cho người khác và nhất là những người gặp khó khăn hoạn nạn. 	0.25
<ul style="list-style-type: none"> - Sáng tạo: sáng tạo chính là hoạt động của con người khi tìm thấy cũng như làm nên giá trị vật chất hay giá trị tinh thần mới mẻ mà trước đó chưa có. Bên cạnh đó, sáng tạo còn được hiểu là các hoạt động nhằm tạo ra bất cứ cái gì có đồng thời tính mới và tính ích lợi 	0.25
<p>=> Là hai yếu tố vô cùng cần thiết trong cuộc sống của con người, giữa chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau.</p>	0.25
<p><i>* Bàn luận ý nghĩa vấn đề:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò và ý nghĩa của yêu thương và sáng tạo trong cuộc sống: 	0.75
<p>+ Sáng tạo rất cần thiết trong các lĩnh vực của cuộc sống: học tập, lao động, kinh doanh, ... Sáng tạo sẽ đem lại sự khác biệt, giúp con người vượt qua trở ngại cuộc sống, rút ngắn thời gian, tăng hiệu quả công việc,... là yếu tố cần thiết để đem lại sự tiến bộ cho xã hội. (dẫn chứng)</p>	

<p>+ Yêu thương: Sưởi ấm tâm hồn những con người cô đơn, đau khổ, bất hạnh, truyền cho họ sức mạnh, nghị lực để vượt lên hoàn cảnh. Tạo sức mạnh cảm hoá kì diệu đối với những người “lầm đường lạc lối”; mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin và cơ hội để có cuộc sống tốt đẹp hơn; là cơ sở xây dựng một xã hội tốt đẹp, có văn hóa... (dẫn chứng)</p>	0.75
<p>- Mỗi quan hệ giữa yêu thương và sáng tạo:</p> <p>+ Từ yêu thương đến sáng tạo là một quá trình đi từ suy nghĩ, tình cảm đến hành động. Đó chính là biểu hiện của lối sống sẻ chia.</p> <p>+ Yêu thương là cội nguồn sức mạnh của sáng tạo. Có yêu thương, con người sẽ biết vì người khác mà sáng tạo. Ngược lại, sự sáng tạo sẽ nhân rộng, làm tình yêu thương được nở hoa (dẫn chứng qua mẫu tin)</p> <p>+ Nếu sự sáng tạo không xuất phát từ tình yêu thương thì sự sáng tạo ấy sẽ là mối họa (dẫn chứng)</p>	0.75
<p>* <i>Bàn bạc mở rộng:</i></p> <p>- Yêu thương và sáng tạo phải xuất phát từ chính đáy lòng, từ ý thức mà đi đến hành động cụ thể. Không vì toan tính cá nhân, không vì lợi ích trước mắt ... mà làm.</p> <p>- Biết cho đi, bạn sẽ nhận lại hạnh phúc trong tâm hồn.</p> <p>- Xã hội vẫn còn những con người ích kỉ, làm việc, sáng tạo vì toan tính cá nhân, không xuất phát từ tình yêu thương, cần lên án....</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Nêu bài học nhận thức, hành động cho bản thân.</p>	0.5

Câu 2 (6,0 điểm)

1. Về kĩ năng

- + Hiểu đúng yêu cầu của đề, có kĩ năng làm bài nghị luận văn học. Biết kết hợp nhuần nhuyễn các phép lập luận đã học, vận dụng tích hợp liên môn.
- + Có kĩ năng xây dựng luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, dẫn chứng chọn lọc, lí lẽ thuyết phục, không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt.
- + Văn viết trong sáng, có cảm xúc, thể hiện được năng lực cảm nhận sâu sắc.

2. Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

Nội dung	Điểm
a. Mở bài	

Giới thiệu vấn đề cần nghị luận	0,5
b. Thân bài	
<i>* Lí giải và khẳng định vấn đề:</i>	
+ Thơ là hình thức sáng tác nghệ thuật lấy ngôn từ làm chất liệu để diễn tả những xúc cảm trào dâng nơi tâm hồn nhà thơ.	0,5
+ Nói “thơ là tiếng lòng”: chính là những rung động mãnh liệt bật ra trong một phút thăng hoa cảm xúc của nhà thơ.	
=> Thơ được tạo ra từ thực tiễn cuộc sống và cảm xúc tình cảm của nhà thơ. Cũng thông qua thơ, người nghệ sĩ gửi gắm tình cảm của mình.	
+ Bài thơ “Quê hương” là nỗi nhớ tha thiết đậm sâu của người con xa quê, cũng là tình yêu quê hương sâu nặng của tác giả. Đó là tiếng lòng mà Tế Hanh gửi gắm.	0,5
<i>* Chứng minh vấn đề:</i>	
- Làm rõ “tiếng lòng” hay chính là tình cảm, cảm xúc, là tình yêu, nỗi nhớ ... của Tế Hanh được thể hiện trong bài thơ <i>Quê hương</i>	
+ Trước hết tiếng lòng ấy là nỗi nhớ <i>quê hương</i> , ghi khắc hình ảnh quê hương, hình ảnh <i>làng tôi</i> thông qua cách gọi tên làng, cách nói về những nét đặc trưng của làng ...	0,7 5
+ Tiếng lòng, cảm xúc của Tế Hanh còn được thể hiện qua nỗi nhớ về bức tranh lao động, nhịp sống, mưu sinh của người quê mình (phân tích chứng minh qua cảnh đoàn thuyền ra khơi và trở về)	0,7 5
+ Tiếng lòng hay cảm xúc đó còn là nỗi nhớ người: “ Dân chài lưới...”	
+ Đó là nỗi nhớ sâu trở thành tưởng nhớ về những điều vừa bình dị, vừa mang nét đặc trưng nhất của quê nhà: màu nước, vị biển, con thuyền...	0,75
+ Tiếng lòng ấy còn là ước mong, khát vọng được trở về quê hương, khát vọng về đất nước độc lập, Bắc Nam thống nhất...	0,75
<i>* Đánh giá khái quát:</i>	0,5
- Khái quát được: Tiếng lòng của nhà thơ Tế Hanh được bộc lộ qua tình yêu, nỗi nhớ, sự trân trọng quê hương từ những điều bình dị nhất: Nhớ quê, nhớ biển, nhớ cảnh, nhớ người, nhớ màu, nhớ mùi, nhớ vị.... => Quê hương có một vị trí thiêng liêng trang trọng trong trái tim những người con xa xứ.	1,0
- Thơ Tế Hanh có sức lay động mạnh mẽ tới độc giả. Nó đánh thức trái tim ta trong tình yêu, nỗi nhớ quê hương.	
- Để đạt được giá trị đó, cần có một cách viết giản dị, tự nhiên mà sâu sắc qua ngôn ngữ, hình ảnh thơ. (Đánh giá về nghệ thuật)	

- Liên hệ và đánh giá tác phẩm: Đây là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ dạt dào tình cảm của Tế Hanh và cũng là một trong những bài thơ hay nhất viết về tình cảm quê hương.

c. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.

** Lưu ý: Người chấm cần phân biệt rõ bài làm biết xây dựng luận điểm, chứng minh luận điểm để làm sáng tỏ đề bài (dù chứng minh nông hay sâu, đủ ý hay chưa đủ ý... nhưng có ý thức biện luận), với bài phân tích tác phẩm thông thường. Nếu chỉ phân tích tác phẩm thông thường thì chưa có kỹ năng làm nghị luận văn học.*

ĐỀ 16:

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8 CẤP HUYỆN

ĐỀ CHÍNH THỨC

NĂM HỌC 2019-2020
MÔN NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút
(Đề thi có 01 trang)

Câu 1: (8,0 điểm)

Suy nghĩ của em về tình mẫu tử và ý nghĩa của sự sống được gợi ra từ bài báo sau:

Thiếu úy 25 tuổi Đậu Thị Huyền Trâm công tác tại Công an tỉnh Hà Tĩnh, chị mang thai tháng thứ 5 thì phát hiện ra mình bị ung thư phổi giai đoạn cuối. Bác sĩ khuyên chị đình chỉ thai nghén, hóa trị để kéo dài sự sống của mình. Tuy nhiên chị kiên quyết không điều trị để cho con trai chị có cơ hội chào đời.

Với sự cứu chữa tận tình nhất của các bác sĩ Bệnh viện K, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, ngày 10/7/2016, chị được mổ đẻ, không gây mê khi thai nhi tròn 29 tuần tuổi. Con trai chị, bé Gấu hiện tại đang được chăm sóc đặc biệt tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương và có những diễn biến khả quan.

Ngày 21/7/2016, lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng chị được gặp Gấu trong vài phút. Ngày 26/7/2016, sức khỏe diễn biến xấu, chị được đưa về quê nhà Hà Tĩnh. Ngày 27/7/2016, người thiếu úy quả cảm, hy sinh cuộc đời mình vì con trai đã vĩnh viễn ra đi.

(Theo “thanhnien.vn”; ngày 28/7/2016)

Câu 2: (12,0 điểm)

Nhà thơ Ta-gor từng bày tỏ: “Ngọn gió nhà thơ băng qua rừng, băng qua biển để tìm ra tiếng nói của riêng mình”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh để làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN

Câu 1: (8,0 điểm)

Yêu cầu cần đạt	Điểm
<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tạo lập một văn bản nghị luận xã hội hoàn chỉnh, bàn về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. - Bố cục văn bản chặt chẽ, trình bày ít mắc lỗi. <p>2. Yêu cầu cụ thể:</p> <p>2.1. Giới thiệu chung: Khái quát vấn đề nghị luận thông qua đoạn thông tin</p> <p>2.2. Trình bày suy nghĩ, ý kiến</p> <p>a. Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành động từ chối điều trị ung thư để kéo dài sự sống của chị Huyền Trâm nói lên tình mẫu tử thiêng liêng, thể hiện ở sự hi sinh cả mạng sống cho con. - Việc chị Huyền Trâm chọn cái chết để con được sống nói lên quan niệm về sự sống và cái chết: sống là đáng quý, nhưng chết không có nghĩa là hết, không vô nghĩa, có những cái chết đem lại sự sống, gieo mầm cho sự sống bất diệt. <p>=> Câu chuyện về chị Huyền Trâm thể hiện tình mẫu tử cao đẹp, bất tử của người mẹ và thể hiện cách nghĩ dũng cảm, nhân văn, tích cực: chọn cái chết để gieo mầm cho sự sống.</p> <p>b. Bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình mẫu tử có nhiều biểu hiện, mà sự hi sinh cho con là một trong những biểu hiện đẹp đẽ nhất. Sự hi sinh của người mẹ - kể cả mạng sống - cho con là minh chứng cho tình cảm cao đẹp nhất của con người. - Tình mẫu tử đem đến hạnh phúc cho mỗi chúng ta mà không có gì có thể thay thế hay đánh đổi. - Có nhiều người có cách quan niệm về sự sống và cái chết rất tích cực, nên họ không sợ hãi cái chết. Cái chết không nên là vô nghĩa, nhiều khi đó là sự khởi đầu cho những điều tốt đẹp của cuộc sống. - Khi con người có suy nghĩ tích cực về chuyện sống chết thì người ta không sợ hãi, đầu hàng số phận, mà dũng cảm đối mặt số phận để làm những điều có nghĩa - Những người không biết trân trọng tình mẫu tử hay có những người mẹ không thương con, đối xử nhẫn tâm với con đều đáng lên án; người suy nghĩ quá tiêu cực về chuyện sống chết thì rất dễ rơi vào bế tắc, lo âu, sợ hãi. <p>c. Bài học nhận thức và hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần nhận thức đầy đủ về tình mẫu tử; Biết trân trọng tình mẫu tử, sống hiếu thảo với cha mẹ nói chung. - Biết trân trọng cuộc sống và sống có ích. <p>2.3. Kết luận chung: Câu chuyện là một bài học sâu sắc về cuộc sống và thêm một lần ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng.</p>	<p>(0,5)</p> <p>(1,5) 0,5 0,5 0,5</p> <p>(4,5) 1,0 0,5 1,0 1,0 1,0</p> <p>(1,0) 0,5 0,5 (0,5)</p>

Câu 2: (12,0 điểm)

Yêu cầu cần đạt	Điểm
1. Yêu cầu chung - HS biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng các thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận một vấn đề qua các tác phẩm cụ thể. - Bố cục đầy đủ, rõ ràng, chặt chẽ. Diễn đạt trôi chảy, hành văn mạch lạc, lưu loát, văn viết giàu hình ảnh và cảm xúc. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.	
2. Yêu cầu cụ thể	
2.1. Giải thích	1,25
- <i>ngọn gió</i> : cảm xúc,, cảm hứng sáng tạo, tài năng nghệ thuật của nhà thơ. - <i>tiếng nói riêng</i> : cái độc đáo, nét riêng trong cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ và cách thể hiện của nhà thơ, tạo nên sự khác biệt và sức hấp dẫn trong tác phẩm.	0,25 0,5
=> Bằng cách diễn đạt giàu hình ảnh tượng trưng, ý kiến khẳng định: nhà thơ phải có cảm xúc chân thành, rung động từ trái tim, tâm hồn, để tạo nên nét riêng biệt trong sáng tác của mình.	0,5
2.2. Bàn luận: Khẳng định ý kiến hoàn toàn chính xác	1,75
+ Thơ là tiếng nói của trái tim, là những rung cảm mạnh mẽ của người nghệ sĩ thể hiện cá tính sáng tạo rất riêng có sức hấp dẫn trong tác phẩm.	0,5
+ Mỗi tác phẩm thơ luôn thể hiện được mối quan hệ giữa tài năng, tư tưởng, những trải nghiệm cá nhân và phong cách của nhà văn. Cái tài, cái tâm cùng với những rung cảm thẩm mỹ là cơ sở để nhà thơ có được “tiếng nói riêng”, giúp tác phẩm vượt qua những giới hạn, những rào cản để đến với người đọc và tạo lập nên những giá trị độc đáo.	0,75
+ Vì thế nhà thơ cần có cảm xúc chân thành, mãnh liệt (cái tâm) và sự công phu trong sáng tạo (cái tài), giúp người đọc nhận ra những giá trị đích thực, độc đáo của tác phẩm.	0,5
2.3. Phân tích, chứng minh	8,0
a. Khái quát - Giới thiệu bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh. - Gắn tác phẩm với nhận định: Bài thơ là tiếng nói riêng, độc đáo, thể hiện cảm xúc thiết tha chân thành của tác giả về bức tranh thiên nhiên tươi đẹp của làng chài; tình yêu quê hương tha thiết của người con xa quê.	0,5
b. Những rung cảm mãnh liệt, rất riêng được tác giả cảm nhận qua vẻ đẹp trong sáng của thiên nhiên	1,0
- Bức tranh thiên nhiên đầy sức sống trong buổi sáng bình minh. - Vẻ đẹp con thuyền sau ngày lao động mệt mỏi.	0,5 0,5
c. Những rung cảm mãnh liệt, rất riêng được tác giả cảm nhận qua cuộc sống lao động bình dị của ngư dân miền biển	3,5
- Vẻ đẹp căng tràn sức sống khi đoàn thuyền ra khơi. - Thành quả lao động sau những vất vả. - Vẻ đẹp mộc mạc, bình dị, chân chất của con người quê hương miền biển.	1,25 0,5 0,75

- Nỗi nhớ da diết, gắn bó bền chặt với quê hương.	1,0
d. Nét riêng ở hình thức biểu hiện	3,0
- Xây dựng hình ảnh thơ giản dị, chân thực nhưng rất lãng mạn, phóng khoáng đẹp để thổi hồn cho cảm hứng của nhà thơ.	1,0
- Thể thơ tám chữ, kết hợp với giọng thơ tha thiết khi thì trầm lắng khi thì bay bổng gợi cảm xúc miên man.	0,5
- Ngôn ngữ, hình ảnh thơ bình dị mang vẻ đẹp tâm hồn ngư dân làng chài.	0,5
- Giọng điệu thơ trong sáng, thiết tha phù hợp với cảm xúc trong trẻo, nỗi nhớ da diết của người con xa quê.	0,5
- Cách đặt nhan đề, cách sử dụng đại từ tôi giúp bộc lộ cảm xúc trực tiếp của nhà thơ đầy sáng tạo.	0,5
e. Đánh giá	1,0
- Bài thơ đã thể hiện những rung cảm chân thực, bình dị từ tình yêu quê hương tha thiết của tác giả.	0,5
- Với người sáng tác: sáng tạo bằng tài năng và tâm huyết; cần tạo ra tác phẩm độc đáo.	0,25
- Với người đọc: không ngừng trau dồi những kiến thức để hiểu và đồng cảm với chiều sâu cảm xúc của tác giả, cảm thụ được những dấu ấn sáng tạo trong mỗi tác phẩm.	0,25

-----Hết-----

ĐỀ 17:

**ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT NĂNG KHIẾU
HỌC SINH LỚP 8
Môn: Ngữ văn**

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 4:

*Con cò bay lả bay la
Theo câu quan họ bay ra chiến trường
Nghe ai hát giữa núi non
Mà hương đồng cứ rập rờn trong mây*

*Nghìn năm trên dải đất này
Cũ sao được cánh cò bay la đà
Cũ sao được sắc mây xa
Cũ sao được khúc dân ca quê mình!*

(*Khúc dân ca* – Nguyễn Duy, *Cát trắng*, NXB Quân đội nhân dân, 1973)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?
2. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?
3. Tìm biện pháp tu từ nổi bật và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong 4 câu cuối đoạn trích trên.
4. Đoạn thơ trên khơi gợi trong em tình cảm, cảm xúc gì?

II. LÀM VĂN (16,0 điểm)**Câu 1: (6,0 điểm)**

Từ sự hồi sinh kì diệu của nhân vật Giôn-xi trong tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* của nhà văn O Hen-ri, em hãy viết một đoạn văn khoảng 20 dòng bàn về nghị lực sống của mỗi con người.

Câu 2: (10,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Bài thơ Quê hương là bức tranh về quê hương vùng biển, cảnh và người vùng biển, nhất là tình của nhà thơ với quê hương đầy dư vị, ngân nga.* (Vũ Dương Quý - Lê Bảo, *Bình giảng văn học 8*).

Bằng sự hiểu biết của em về bài thơ *Quê hương* của nhà thơ Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- Hết -----
HƯỚNG DẪN CHẤM

***YÊU CẦU CHUNG:**

1. Có kiến thức văn học và xã hội đúng đắn, bước đầu thể hiện chiều sâu; kĩ năng làm văn khá tốt: bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, giàu hình ảnh và sức gợi cảm, ít mắc lỗi về chính tả, ngữ pháp...

2. Hướng dẫn chấm chỉ nêu một số nội dung cơ bản, định tính chứ không định lượng. Giám khảo cần hết sức linh hoạt khi vận dụng hướng dẫn chấm, không chỉ đánh giá kiến thức và kỹ năng mà còn chú ý đến thái độ, cảm xúc, tình cảm của người viết. Cần khuyến khích những tìm tòi, sáng tạo riêng trong nội dung và hình thức bài làm.

3. Tổng điểm của toàn bài là 20,0 điểm, cho lẻ đến 0,25 điểm

B. YÊU CẦU CỤ THỂ:

ĐÁP ÁN		ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU. (4,0 điểm)		4,0
Câu 1.	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: biểu cảm	1,0
Câu 2.	Thể thơ: lục bát	1,0
Câu 3.	<ul style="list-style-type: none"> - BPTT nổi bật: + điệp ngữ: <i>cũ sao</i> - Hiệu quả của BPTT: + Nhấn mạnh những câu hát dân ca không bao giờ lạc hậu, xưa cũ. + Thể hiện niềm tin vào sức sống bền bỉ mãnh liệt của dân ca nói riêng và giá trị văn hóa truyền thống nói chung... 	1,0
Câu 4.	Học sinh có thể tự do phát biểu cảm xúc của mình: tự hào, yêu quý đối với khúc hát dân ca quê hương... tình yêu, sự gắn bó với nguồn cội với quê hương, đất nước...	1,0
II. LÀM VĂN. (16,0 điểm)		
Câu 1:		6,0
a. Đảm bảo cấu trúc viết đoạn văn nghị luận.		0,5
b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.		0,5
c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.		
<p><i>HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vài nét về hoàn cảnh sống, trạng thái tinh thần và nghị lực sống của nhân vật Giôn-xi trong tác phẩm. - Bàn về nghị lực sống: trọng tâm: + Nghị lực sống là không lùi bước trước khó khăn thử thách, luôn lạc quan tin tưởng... + Là phẩm chất cao đẹp, cần thiết: tiếp sức cho con người vượt qua khó khăn, gian khổ... là con đường dẫn đến thành công... (lấy dẫn chứng). + Phản biện: trong cuộc sống có một số người thiếu ý chí nghị lực, thấy khó khăn thì nản chí, buông xuôi... + Nhận thức và hành động bản thân: ý thức được vai trò của nghị lực sống, biết cách rèn luyện và duy trì ý chí tinh thần,... 		4,0
d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ mới mẻ, sâu sắc về vấn đề nghị luận.		0,5
e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu		0,5

Câu 2:	10,0
a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,5
b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.	0,5
c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng	
<p><i>HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận. - Chứng minh ý kiến: <p>Ý 1: Quê hương là bức tranh về quê hương vùng biển, cảnh và người vùng biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về quê hương làng chài. - Cảnh sinh hoạt và lao động của người dân làng chài. <p>+ Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá: <i>con thuyền, cánh buồm...</i>→Bức tranh lao động đầy hứng khởi, khỏe khoắn, tràn đầy sức sống.</p> <p>+ Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về: tấp nập, nhộn nhịp, niềm vui lời cảm tạ chân thành của người đi biển..</p> <p>+ Vẻ đẹp con người vùng biển: vừa chân thực vừa lãng mạn với tâm vóc phi thường...</p> <p>Ý 2: Tình yêu quê hương của nhà thơ đầy dư vị, ngân nga.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự hào về một làng quê miền biển... - Nỗi nhớ da diết, đậm sâu về cảnh và người vùng biển... - Nỗi nhớ bộc lộ trực tiếp: nhớ hương vị riêng của quê hương... <p>Ý 3: Đánh giá: Với những hình ảnh thơ đẹp, lãng mạn, giọng điệu tươi vui, tha thiết nhẹ nhàng, cảm xúc trong trẻo, khỏe khoắn, bút pháp lãng mạn kết hợp với các BPTT đặc sắc: so sánh, nhân hóa... Bài thơ Quê hương được xem là một giọng điệu lạ trong phong trào thơ mới lãng mạn (so sánh cảm xúc trong thơ lãng mạn thường buồn bã, cô đơn, bế tắc..)</p> <p>=> Thơ Tế Hanh không có màu sắc bi lụy buồn thương mà hồn hậu, trong trẻo thể hiện một tình yêu tha thiết nồng thắm về quê hương đất nước.</p>	<p>8,0</p> <p>4,0</p> <p>3,0</p> <p>1,0</p>
d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ mới mẻ, sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,5
e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5

ĐỀ 18:

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI
NĂM HỌC 2019- 2020
MÔN: NGŨ VĂN 8
Thời gian làm bài: 120 phút

(Đề gồm 2 câu, 01 trang)

Câu 1 (4,0 điểm):

Đọc hai đoạn trích sau:

a. “Tôi dắt em ra khỏi lớp. Nhiều thầy cô ngừng giảng bài, ái ngại nhìn theo chúng tôi. Ra khỏi trường, tôi kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật.”

(Khánh Hoài, *Cuộc chia tay của những con búp bê*, Ngữ văn 7, tập một)

b. “Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy có một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.”

(An-đéc-xen, *Cô bé bán diêm*, Ngữ văn 8, tập một)

Bài học cuộc sống mà em rút ra qua hai đoạn trích trên. Em có nhắn gửi gì đến thế hệ trẻ hiện nay.

Câu 2 (6,0 điểm):

Nhà thơ Tố Hữu cho rằng: *Đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tình người trong đó.*

Từ cảm nhận về bài thơ *Quê hương* của nhà thơ Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM**A. YÊU CẦU CHUNG**

- Giám khảo nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá một cách khái quát, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt đáp án, nên sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lý; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo phát triển được năng lực của học sinh.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách riêng nhưng đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

- Lưu ý: Điểm bài thi có thể lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn số.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

Câu	Nội dung đạt được	Điểm
Câu 1	1. Tiêu chí về nội dung các phần bài viết:	3,5
	a. Mở bài: - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận trong hai đoạn trích	0,25
	b. Thân bài: * <i>Khái quát nội dung hai đoạn trích:</i>	3,0 0,5

	<p>- <i>Đoạn trích a:</i> Trích trong văn bản <i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i>, nhà văn Khánh Hoài đã nói về nỗi đau và sự mất mát quá lớn mà hai anh em Thành và Thủy phải chịu đựng khi cha mẹ chia tay. Đặc biệt là Thủy, em không được quyền học tập, vui chơi... Nhưng “mọi người vẫn đi lại bình thường” khiến “tôi kinh ngạc” vì em nhận ra sự lạnh lùng, vô cảm, dửng dưng của người đời với nỗi bất hạnh của em.</p> <p>- <i>Đoạn trích b:</i> Trích trong văn bản <i>Cô bé bán diêm</i>, nhà văn An-đéc-xen đã nói về cái chết thương tâm của em bé bất hạnh. Em chết vì giá rét trong đêm giao thừa, giữa sự lạnh lùng vô cảm của người đời.</p> <p>=> Cả 2 đoạn trích đều cho thấy thái độ vô cảm, lạnh lùng của mọi người đối với những hoàn cảnh bất hạnh, đáng thương.</p> <p>* Giải thích vô cảm là gì?</p> <p>- “vô” là không; “cảm” là tình cảm, cảm xúc. “Vô cảm” là không có tình cảm, không có cảm xúc, sống khép mình, thờ ơ, lạnh nhạt, dửng dưng với tất cả mọi người, mọi việc xung quanh.</p> <p>- Đây là một thói xấu có tác hại cho cả xã hội loài người</p> <p>=> Bài học rút ra qua hai đoạn trích: Đó là biểu hiện của sự vô cảm trong cuộc sống.</p> <p>* Biểu hiện của sự vô cảm:</p> <p>- Trong văn chương sự vô cảm, thờ ơ của mọi người được thể hiện khá nhiều. Tiêu biểu là hai đoạn trích trong hai văn bản trên.</p> <p>- Trong cuộc sống sự vô cảm biểu hiện khá đa dạng:</p> <p>+ Trong gia đình: Con cái ích kỉ chỉ nghĩ đến quyền lợi của mình; không quan tâm, không có trách nhiệm với ông bà, cha mẹ, anh chị em.</p> <p>+ Ở trường lớp: Thờ ơ, dửng dưng trước sự bất hạnh của bạn bè; thấy bạn bè gặp nạn không giúp đỡ, thậm chí còn xúi giục cổ vũ cho những việc làm xấu.</p> <p>+ Ra ngoài xã hội: Thấy người tàn tật, người hành khất không giúp đỡ thậm chí còn cười cợt, dè bêu, xua đuổi. Thấy người gặp nạn bỏ đi không sẵn sàng cứu giúp; có kẻ còn hôi của, cướp của của người gặp nạn...</p> <p>* Nguyên nhân của sự vô cảm:</p> <p>- Do lối sống ích kỉ, ham chơi, chỉ biết hưởng thụ không có trách nhiệm với gia đình, tập thể, xã hội.</p> <p>- Do không chịu tu dưỡng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức tốt đẹp; thờ ơ, dửng dưng với mọi người, với tập thể.</p> <p>- Do cha mẹ nuông chiều con cái, thiếu quan tâm đến hành vi, nhân cách của con.</p> <p>- Do nền kinh tế thị trường phát triển, con người coi trọng vật chất hơn tình cảm.</p> <p>* Tác hại của sự vô cảm:</p> <p>- Làm suy thoái về đạo đức của một bộ phận cá nhân.</p> <p>- Biến con người thành những kẻ vô lương tâm, vô trách nhiệm.</p> <p>- Làm mất lối sống nhân nghĩa; mất đi tinh thần đoàn kết tương trợ; mất đi truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc.</p> <p>* Biện pháp khắc phục:</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi người tự rèn luyện các phẩm chất đạo đức tốt đẹp - Tích cực tham gia các phong trào nhân đạo, phong trào từ thiện. Biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác đặc biệt là những người có hoàn cảnh bất hạnh. <p>*Lời nhắn gửi đến thế hệ trẻ hiện nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy nuôi dưỡng lòng nhân ái, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và yêu thương nhiều hơn. - Tuyên truyền lối sống đúng đắn, biết yêu thương, quan tâm đến mọi người xung quanh. - Tránh xa và phê phán lối sống vô cảm chỉ biết vun vén cho cá nhân, quay lưng lại với cộng đồng; chỉ biết chạy theo vật chất mà quên đi đạo lý <i>Lá lành đùm lá rách</i>. 	0,5
	<p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định, khái quát lại vấn đề. - Xác định thái độ sống đúng đắn cho bản thân trong tập thể, cộng đồng, thể hiện niềm tin vào tương lai tốt đẹp. <p>+ <i>Mức tối đa (3,5 điểm):</i> Đạt các yêu cầu trên.</p> <p>+ <i>Mức chưa tối đa (0,25-> 3,25 điểm):</i> Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lý.</p> <p>+ <i>Mức không đạt (0 điểm):</i> Không làm bài hoặc làm lạc đề.</p>	0,25
	<p>2. Tiêu chí về hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết dưới hình thức nghị luận xã hội. - Bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ. - Luận điểm rõ ràng, mạch lạc; dẫn chứng cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp. <p>+ <i>Mức tối đa (0,5 điểm):</i> Đạt các yêu cầu trên.</p> <p>+ <i>Mức chưa tối đa (0,25 điểm):</i> Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lý.</p> <p>+ <i>Mức không đạt (0 điểm):</i> Bài làm không có bố cục.</p>	0,5
Câu 2	<p>1. Tiêu chí về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Mức tối đa (5,0 điểm):</i> Đáp ứng tốt các yêu cầu. + <i>Mức chưa tối đa (0,25-> 4,75 điểm):</i> Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lý. + <i>Mức không đạt (0 điểm):</i> Không làm bài hoặc làm lạc đề. 	5,0
	<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận. - Trích dẫn ý kiến. 	0,5
	<p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Câu thơ hay:</i> là sản phẩm lao động sáng tạo của nhà thơ, kết tinh những tư tưởng, tình cảm mà nhà thơ muốn gửi gắm qua hình thức phù hợp. - <i>Tình người:</i> là tư tưởng, tình cảm, cảm xúc tạo nên giá trị nội dung của thơ. 	(4,0) 0,5

	<p>=> Quan niệm của Tố Hữu nhấn mạnh giá trị của thơ là những tư tưởng, tình cảm được biểu hiện trong thơ. Tình cảm, cảm xúc càng sâu sắc, mãnh liệt, lớn lao càng khiến thơ lay động lòng người.</p> <p>* Chứng minh</p> <p>a. Tình người trong bài thơ “Quê hương”:</p> <p>Thể hiện qua tình cảm của nhà thơ đối với quê hương: Biểu hiện qua niềm tự hào và nỗi nhớ khôn nguôi về làng chài của mình.</p> <p>+ Vẻ đẹp của cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá vào một buổi sớm bình minh. (Phân tích tám câu thơ đầu)</p> <p>+ Vẻ đẹp của đoàn thuyền đánh cá trở về bến - một bức tranh lao động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống. (Phân tích tám câu thơ tiếp)</p> <p>+ Tình cảm nhớ thương quê hương của tác giả -.nhớ nhất mùi vị nồng mặn đặc trưng của quê hương. (Phân tích bốn câu cuối)</p> <p>=> “<i>Quê hương</i>” đã khắc họa được bức tranh tươi sáng, khoẻ khoắn, đầy sức sống về cuộc sống lao động của một làng quê miền biển, qua đó thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đậm thắm của tác giả.</p> <p>b. Hình thức biểu đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ: tự do, nhịp thơ linh hoạt. - Từ ngữ, hình ảnh: hình ảnh đẹp, tiêu biểu, chọn lọc, ngôn ngữ tự nhiên, trong sáng. - Biện pháp nghệ thuật: so sánh, ví von, nhân hóa sáng tạo và hấp dẫn,... - Giọng thơ: mộc mạc, chân thành, đậm thắm, gợi cảm... <p>* Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Quê hương</i> của Tế Hanh là một bài thơ hay bởi nó được viết lên từ cảm xúc chân thành, tình cảm mãnh liệt. Bài thơ không chỉ là riêng tình cảm của tác giả giành cho quê hương; mà bài thơ này còn nói hộ rất nhiều tâm lòng khác đang ở xa quê hương qua hình thức nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn. - Đọc bài <i>Quê hương</i> ta cảm thấy yêu thơ và tâm hồn thơ của Tế Hanh. Chúng ta càng trân trọng hơn nữa mảnh đất chôn rau cắt rốn, yêu hơn nữa những điều bình dị nhưng thiêng liêng... 	<p>3,5 3,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
	<p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định tình cảm của nhà thơ dành cho quê hương là tình cảm sâu nặng, thiết tha, đậm thắm... - Liên hệ tình cảm, thái độ của bản thân. 	0,5
	<p>2. Tiêu chí về hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết dưới hình thức nghị luận văn học; sử dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, chứng minh, phân tích. - Bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ. 	0,5

	<p>- Luận điểm rõ ràng, mạch lạc; dẫn chứng cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.</p> <p>+ <i>Mức tối đa (05 điểm)</i>: Đạt các yêu cầu trên.</p> <p>+ <i>Mức chưa tối đa (0,25 điểm)</i>: Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lý.</p> <p>+ <i>Mức không đạt (0 điểm)</i>: Bài làm không có bố cục.</p>	
	<p>3. Sáng tạo:</p> <p>+ <i>Mức tối đa (0,5 điểm)</i>: Diễn đạt sinh động, giàu hình ảnh, hấp dẫn, biết sử dụng các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả trong bài nghị luận một cách hợp lý.</p> <p>+ <i>Mức chưa tối đa (0,25 điểm)</i>: Có sáng tạo song chưa đạt các yêu cầu trên.</p> <p>+ <i>Mức không đạt (0 điểm)</i>: Không có sự sáng tạo nào.</p>	0,5

-----Hết-----*****

ĐỀ 19:

PHÒNG GD - ĐT HUYỆN

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: VĂN 8

Câu 1: (2,0 điểm)

Nét độc đáo và tài hoa của Vũ Đình Liên trong hai câu thơ:

Giấy đỏ buồn không thắm;

Mực đọng trong nghiên sầu...

(Ông đồ)

Câu 2 (3,0 điểm)

“Mẹ ru cái lẽ ở đời

Sữa nuôi phần xác, hát nuôi phần hồn

Bà ru mẹ... Mẹ ru con

Liệu mai sau các con còn nhớ chăng”

Từ suy ngẫm của nhà thơ Nguyễn Duy, em hãy viết một bài văn ngắn về tình yêu và lòng biết ơn mẹ.

Câu 3 (5,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng:

Thơ bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ.

Bằng sự hiểu biết về bài thơ *Quê hương* (Tế Hanh) trong chương trình Ngữ văn lớp 8, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM THI HỌC SINH GIỎI

Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
-----	-----------------	------

Câu 1 (2điểm)	<p>* <i>Yêu cầu về kĩ năng</i>: học sinh trình bày thành bài văn ngắn, hành văn trôi chảy không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả.</p> <p>* <i>Yêu cầu về kiến thức</i>: HS cảm nhận được nét độc đáo và tài hoa của Vũ Đình Liên trong câu thơ trên 2 phương diện: nội dung và nghệ thuật.</p> <p>- Ông đồ vẫn xuất hiện vào dịp tết với mực tàu, giấy đỏ nhưng cảnh tượng vắng vẻ đến thê lương. Khi chữ Nho suy tàn, ông đồ bị mọi người lãng quên.</p> <p>- Nghệ thuật nhân hoá (<i>Giấy đỏ - buồn không thắm; mực - đọng trong nghiên sâu...</i>), giọng thơ đượm buồn, hoài cổ. → nỗi sầu như lan ra cả những vật vô tri vô giác. Tờ giấy đỏ cứ phơi ra đấy mà chẳng được đọng đến trở thành bề bâng, màu đỏ của nó trở thành vô duyên, không thắm lên được. Nghiên mực cũng vậy, không hề được chiếc bút lông chấm vào, nên mực như đọng lại bao sâu tủi và trở thành nghiên sâu.</p> <p>- Hai câu thơ thể hiện nỗi niềm thương tiếc khắc khoải của Vũ Đình Liên. Nhà thơ thương tiếc ông đồ cũng là thương tiếc những giá trị tinh thần tốt đẹp bị tàn tạ, lãng quên.</p>	<p>0.25đ</p> <p>1.25đ</p> <p>0.5</p>
Câu 2 (3 điểm)	<p>a. Mục đích: Kiểm tra kĩ năng nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.</p> <p>b. Yêu cầu:</p> <p>- <i>Về kĩ năng</i>: học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội, có đầy đủ bố cục ba phần, biết sử dụng dẫn chứng để bàn luận vấn đề. Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, thuyết phục.</p> <p>- <i>Về nội dung kiến thức</i>:</p> <p>Học sinh cần trình bày các ý sau:</p> <p>1. Giải thích ý thơ của Nguyễn Duy và xác định vấn đề cần bàn luận</p> <p>- Câu thơ ca ngợi công lao to lớn của mẹ với mỗi người :</p> <p>+ Sữa nuôi phần xác: Nuôi dưỡng con về thể chất /</p> <p>+ Hát nuôi phần hồn: Nuôi dưỡng con về tinh thần</p> <p>+ Lễ phải ở đời là: Làm con phải yêu thương và thấm thía công ơn mẹ.</p> <p>=> Vậy vấn đề bàn luận: Đạo làm con là yêu thương và biết ơn mẹ.</p> <p>2. Bàn luận</p> <p>- Đạo làm con phải yêu thương, biết ơn mẹ là hoàn toàn đúng đắn và mang tính nhân văn cao đẹp vì:</p> <p>+ Mẹ là người trao cho con cuộc sống, đưa con đến với thế giới này.</p> <p>+ Mẹ chất lọc sự sống của thể chất mình cho con và chăm lo cho con bằng tất cả tình yêu và đức hi sinh của mình (d/c)</p> <p>+ Tình yêu và sự chăm lo của mẹ cho con bền bỉ, tận tụy và vị tha, vượt mọi khoảng cách thời gian, không gian... không đòi hỏi đền đáp bao giờ....(d/c)</p> <p>3. Những biểu hiện về tình yêu và lòng biết ơn của con với mẹ.</p> <p>+ Cảm nhận và thấm thía những khát vọng mẹ gửi gắm ở con.</p> <p>+ Cố gắng học tập và rèn luyện để thực hiện những khát vọng ấy của mẹ, xứng đáng với tình yêu và sự hi sinh của mẹ.</p> <p>+ Thương yêu và biết ơn mẹ bằng những việc làm cụ thể hàng ngày: giúp đỡ việc gia đình, chăm sóc khi mẹ đau ốm, động viên an ủi mẹ khi mẹ buồn....</p> <p>4: Liên hệ mở rộng :</p> <p>+ Dân tộc ta vốn có truyền thống coi trọng tình yêu và sự biết ơn của con</p>	<p>0,75đ</p> <p>1.25đ</p> <p>0.5đ</p> <p>0,5đ</p>

	<p>với mẹ: nhiều câu ca dao tục ngữ khẳng định điều này: Nghĩa mẹ như nước.... Nghĩa mẹ bằng trời..... Và các nhà thơ nhà văn hiện đại đó tiếp tục nguồn cảm hứng vô tận.</p> <p>+ <i>Phê phán</i>: những thái độ vô ơn, vô cảm trước tình yêu và sự hi sinh của mẹ, có những thái độ việc làm sai trái với mẹ....</p> <p>* Tiêu chuẩn cho điểm câu 2:</p>	
Câu 3 (5điểm)	<p>- Yêu cầu về kĩ năng: HS phải xác định được đây là kiểu bài nghị luận văn học nhằm làm sáng tỏ một nhận định; vận dụng thành thạo các phép lập luận giải thích, chứng minh, bình luận...</p> <p>- Bố cục phải rõ ràng, hệ thống luận điểm minh bạch, luận cứ thuyết phục, lập luận chặt chẽ, văn phong trôi chảy và có chất văn.</p>	
	<p>- Yêu cầu về kiến thức: Hs sinh phải biết vận dụng kiến thức từ một văn bản đã được học trong chương trình Ngữ văn lớp 8 để làm sáng tỏ ý kiến.</p> <p>* Giải thích nhận định</p> <p><i>Thơ ca bắt rễ từ lòng người</i>: thơ ca bắt nguồn sâu xa trong lòng người với những tình cảm, cảm xúc chân thành, mãnh liệt.</p> <p><i>Nở hoa nơi từ ngữ</i>: kết tinh vẻ đẹp cảm xúc ở ngôn từ giàu giá trị, có sức gợi hình, biểu cảm, giàu nhạc tính, làm nên lời diễn đạt độc đáo.</p> <p><i>bắt rễ - nở hoa</i>: hình tượng về mối quan hệ chặt chẽ giữa nội dung cảm xúc và nghệ thuật thể hiện.</p> <p>Bằng cách nói hình ảnh, ý kiến đã khẳng định đặc trưng nổi bật của thơ ca.</p> <p>* Chứng minh:</p> <p>1. Bắt rễ từ tình yêu và lòng tự hào về quê hương, thơ Tế Hanh nở hoa nơi từ ngữ để giới thiệu về quê hương mình một cách tự nhiên, bình dị, mộc mạc, chân thành (phân tích 2 câu đầu, chú ý từ ngữ <i>làng tôi, vốn</i>, hình ảnh quen thuộc: <i>nghe chài lưới, cách biển nửa ngày sông</i>)</p> <p>2. Bắt rễ từ tình cảm gắn bó với quê hương vạn chài, thơ Tế Hanh nở hoa nơi từ ngữ để vẽ lên bức tranh làng chài thơ mộng, tươi sáng với cuộc sống lao động bình dị, vất vả, con người khỏe khoắn, đầy sức sống:</p> <p><u>Khổ 2: Cảnh ra khơi đánh cá</u></p> <p>- Nghệ thuật miêu tả:</p> <p>+ Từ ngữ gợi tả, gợi cảm: dân trai tráng, tính từ (trong, nhẹ, hồng)</p> <p>+ Phép liệt kê: trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng.</p> <p>Thiên nhiên tươi đẹp với không gian khoáng đạt, bao la, nhuộm sắc hồng của bình minh tươi sáng, trong trẻo.</p> <p>- Nghệ thuật so sánh đặc sắc: lấy cái cụ thể so sánh với cái cụ thể (chiếc thuyền với con tuần mã), kết hợp với các động từ mạnh (hăng, phăng, vượt), các tính từ (nhẹ, mạnh mẽ) đã diễn tả khí thế mạnh mẽ của con thuyền khi ra khơi.</p> <p>- Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng</p> <p>Rướn thân trắng bao la thâu góp gió</p> <p>→ So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, động từ mạnh.</p> <p>=> Cánh buồm trở nên gần gũi, lớn lao, thiêng liêng, là biểu tượng cho linh hồn làng chài, ẩn chứa niềm tin, hi vọng của những người dân chài.</p> <p><u>Khổ 3: Cảnh đánh cá trở về bến</u></p> <p>- Hình ảnh: ồn ào, tấp nập, cá đầy ghe, cá tươi ngon thân bạc trắng. → Tính từ gợi tả.</p>	<p>1.0</p> <p>3.0</p>

=> Không khí đông vui, rộn ràng, náo nức, gọi cuộc sống ầm no.

- Người dân chài:
- + Làn da ngăm rạm nắng: da ngăm đen, trải qua nhiều nắng gió biển khơi.
- + Thân hình nồng thở vị xa xăm: mang hơi thở của đại dương, vị mặn mòi của biển cả.

=> Bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn. Những người dân chài mang vẻ đẹp dạn dày, khỏe khoắn, vạm vỡ.

- Chiếc thuyền: - Nghệ thuật nhân hoá (mỏi trở về nằm), ần dụ (nghe).

=> Con thuyền trở nên sinh động, có hồn.

3. Tế Hanh trực tiếp bộc lộ nỗi nhớ quê hương qua khổ thơ cuối.

- Cụm từ luôn tưởng nhớ, nhớ... quá!
- Nhớ tất cả những hình ảnh thân quen: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi, và mùi nồng mặn quá.
- Biện pháp tu từ: điệp ngữ, liệt kê. => Tình yêu quê hương tha thiết, sự gắn bó thủy chung, sâu nặng với quê hương làng chài của nhà thơ Tế Hanh.

*** Đánh giá**

- *Bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ* - đó là đặc trưng và cũng là phẩm chất của thơ.
- Để làm nên phẩm chất đó, gốc rễ lòng người phải sâu sắc, chân thành; từ ngữ phải có giá trị mới có thể nở hoa. Người đọc cũng phải rèn luyện tâm hồn và vốn hiểu biết để cảm hiểu chiều sâu lòng nhà thơ và thưởng thức vẻ đẹp từ ngữ.
- Bài thơ *Quê hương* quả đúng là đã “bắt rễ từ lòng người”, xuất phát từ những tình cảm chân thành của Tế Hanh với quê hương mình, và được “nở hoa nơi từ ngữ” bằng tài năng chính ông.

*** Tiêu chuẩn cho điểm câu 3:**

ĐỀ 21:

KÌ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2017 – 2018

Môn: NGŨ VĂN

Thời gian: **150 phút** (không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4, 0 điểm):

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

MUỐI TO, MUỐI BÉ

Hạt muối Bé nói với hạt muối To:

- Em đến chia tay chị này, em sắp được hòa trong đại dương.

Muối To trở mắt:

- Em dại quá, sao lại để đánh mất mình như thế? Em muốn thì cứ làm, chị không điên!

Muối To thu mình co quắp lại, nhất định không để biển hòa tan. Muối To lên bờ, sống trong vương muối. Nó vẫn ngạo nghễ, to cứng và nhìn chúng bạn bé tí ti đầy khinh khỉnh. Thu hoạch, người ta gặt nó ra ngoài, xếp vào loại phế phẩm, còn những hạt muối tinh trắng kia được đóng vào bao sạch đẹp...

Sau một thời gian lẫn lóc hết xô chợ này đến xô chợ khác, cuối cùng người ta cho muối To vào nồi cám heo. Tủi nhục ê chề, nó thu mình co cứng hơn mặc cho nước sôi trăm độ cũng không lấy được, dù là cái vảy da của nó. Khi rửa máng heo, người ta phát hiện nó, và chẳng cần nghĩ suy, ném nó ra đường. Người người qua lại đạp lên nó.

Trời đổ mưa, muối Bé, bây giờ là hạt mưa, gập lại muối To. Muối Bé hí hửng kể: Tuyệt lắm chị ơi! Khi em hòa tan trong nước biển, em được bay lên trời, sau đó em thành mưa tưới mát cho Trái Đất thêm xanh tươi. Thôi chào chị, em còn đi chu du nhiều nơi trên Trái Đất trước khi về biển, chuẩn bị một hành trình tuyệt vời khác... Nhìn muối Bé hòa mình với dòng chảy, xa dần, xa dần... bỗng dưng muối To thêm khát cuộc sống như muối Bé, muốn hòa tan, hòa tan...

(Theo **Truyện cổ tích chọn lọc**)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2 (1,0 điểm). Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn:

Em đến chia tay chị này, em sắp được hòa trong đại dương.

Câu 3 (1,0 điểm). Trước việc hòa tan vào đại dương, tại sao muối To cho đó là “dại” còn muối Bé lại thấy là “tuyệt lắm” ?

Câu 4 (0,5 điểm). Khi vào mùa thu hoạch, số phận của muối To như thế nào?

Câu 5(1,0 điểm). Nêu ý nghĩa biểu tượng của hạt muối trong câu chuyện trên?

II. PHẦN LÀM VĂN (16, 0 ĐIỂM)

Câu 1 (6,0 điểm). Trình bày suy nghĩ của em về cách sống của muối Bé trong câu chuyện ở phần ĐỌC HIỂU.

Câu 2 (10,0 điểm). Nhận xét về bài thơ **Quê Hương** của Tế Hanh, có ý kiến cho rằng:

Tuy viết về một đề tài không mới nhưng nhà thơ đã tạo lên nhiều điều hấp dẫn, mới mẻ.

Bằng sự hiểu biết của mình, em hãy chứng minh.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0,5
2.	Phân tích được cấu trúc ngữ pháp của câu văn đã cho. Mỗi thành phần được 0,25 điểm. <u>Em đến chia tay chị này, em sắp được hòa trong đại dương.</u> CN VN CN VN	1,0
3.	- Muối To cho rằng việc hòa tan vào đại dương là “dai” vì sẽ đánh mất mình, sẽ bị biến mất, không còn giữ được những cái của riêng mình nữa.	0,5
	- Muối Bé cho là “ <i>tuyệt lắm</i> ” vì khi hòa vào biển, nó được hóa thân, được cống hiến sức mình cho trái Đất...	0,5
4.	Vào mùa thu hoạch, muối <i>To bị gạt ra ngoài, bị xếp vào loại phế phẩm.</i>	0,5
5	Ý nghĩa biểu tượng của mỗi hình ảnh: - Muối To: Hình ảnh của con người sống ích kỉ, chỉ khư khư giữ lấy giá trị riêng của mình. - Muối Bé: Hình ảnh của con người biết cống hiến, biết dâng cho đời những điều đẹp đẽ, tinh túy nhất của cuộc đời mình.	1,0

II. PHẦN LÀM VĂN (16,0 điểm)

Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
	a/ Về hình thức: - Viết được bài văn nghị luận: + Luận cứ chính xác, tiêu biểu + Lập luận chặt chẽ, thuyết phục. - Không mắc các loại lỗi về câu, từ, chính tả.	1,0

1 6.0đ	b/ Về nội dung: Trình bày được suy nghĩ về cách sống của muối Bé được gọi ra từ câu chuyện Phần ĐỌC HIỂU. Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày, miễn sao hợp lí. Dưới đây là một số ý tham khảo:	0,5
	+ Xác định cách sống của muối Bé (sống cống hiến cho cuộc đời)	
	+ Phân tích cụ thể về ý nghĩa, sự cần thiết của cách sống cống hiến.	2,0
	+ Đưa ra và phân tích được các dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục về lối sống cống hiến.	2,0
	+ Rút ra bài học: Mỗi người cần và nên biết sống cống hiến để đem lại lợi ích chung cho cộng đồng, làm cho cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn.	0,5
2 10.0đ	1.Yêu cầu về kĩ năng Biết làm bài văn nghị luận về một ý kiến văn học. Có kiến thức vững chắc về văn bản <i>Quê Hương</i> của Tế Hanh. Văn viết có tính khái quát; có cảm xúc, hình ảnh; bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ; không mắc lỗi về dùng từ, chính tả, diễn đạt, kiến thức và ngữ pháp.	1,0
	2.Yêu cầu về kiến thức và cách cho điểm. <i>- Có thể có nhiều cách trình bày những bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản trong Hướng dẫn chấm.</i> <i>- Những bài làm có hướng đi khác nhưng phù hợp, thuyết phục vẫn chấp nhận.</i>	
	*Giới thiệu tác giả, tác phẩm và trích dẫn được ý kiến đánh giá về bài thơ.	1,0
	*Giải thích về ý kiến đánh giá: - Bài thơ viết về tình yêu quê hương- một đề tài không mới, một tình cảm có tính truyền thống được nhiều nhà thơ khai thác. - Tế Hanh đem đến nhiều điều hấp dẫn, mới mẻ chỉ riêng có bài thơ Quê hương :	1,0

Bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, những hình ảnh khỏe khoắn đầy sức sống của người dân chài; những vần thơ bình dị nhưng gợi cảm, nhiều ý nghĩa sâu xa...	
*Làm sáng tỏ ý kiến đã cho: -Vẽ hấp dẫn, mới mẻ của những bức tranh làng chài: + Khung cảnh ra khơi trong bình minh tươi sáng; con người trẻ trung, khỏe mạnh, hăm hở; những con thuyền đầy khí thế, những cánh buồm bao la mang nét vẽ đẹp riêng không hề lẫn của làng chài.	1,5
+ Cảnh trở về tấp nập, no đủ, bình an; những con người trở về nhuộm nắng gió biển khơi, toát lên vẻ từng trải, gợi niềm khát khao khám phá, chinh phục biển rộng sông dài; những con thuyền mệt nằm thư gian, bằng lòng với một chuyến ra khơi tốt đẹp.	1,5
+ Nổi nhớ nằm sâu da diết, thường trực về những dấu hiệu đặc trưng, thân thiết, của làng chài.	1,0
-Vẽ hấp dẫn, mới mẻ của thể thơ tám chữ; của những biện pháp tu từ đặc sắc(so sánh, ẩn dụ, nhân hóa...), của các từ ngữ giàu sức gợi(phăng phăng, vượt; dân trai tráng; im bến mỏi...)	1,0
*Đánh giá về tính đúng đắn của nhận định.	1,0
*Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, tỏ ra am hiểu sâu sắc về kiểu bài chứng minh văn học cũng như về tác phẩm.	1,0

**RÈN LUYỆN KĨ NĂNG NGỊ LUẬN VỀ MỘT NHÂN VẬT, ĐOẠN TRÍCH...
TRÁNH HS ĐI TÓM TẮT.**

PHÂN TÍCH NHÂN VẬT LÃO HẠC

Mở bài 1:

Viết về đề tài nông dân trước cách mạng, “*Lão Hạc*” là một truyện ngắn độc đáo, đặc sắc của nhà văn Nam Cao. Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô đơn bất hạnh và cái chết đau đớn của một lão nông nghèo khổ. Nhân vật lão Hạc đã để lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận con người, số phận người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ.

Mở bài 2:

Nam Cao là một trong những nhà văn xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong sự nghiệp sáng tác của mình, ông đã để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng. Truyện ngắn *Lão Hạc* viết 1943 là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của ông. Truyện đã thể hiện thành công nhân vật Lão Hạc dù rơi vào hoàn cảnh bi đát nhưng vẫn giữ được tấm lòng lương thiện, trong sáng của mình.

Mở bài 3: Cũng viết về đề tài người nông dân trong xã hội cũ nhưng nếu Tắt đèn nhà văn Ngô Tất Tố đã để cho nhân vật của mình vùng lên đấu tranh chống lại cường quyền thì với tác phẩm *Lão Hạc* Nam Cao lại để cho Lão Hạc phải chết trong đau đớn, quằn quại. Tuy kết thúc khác nhau nhưng lại đều thể hiện cuộc sống bần cùng, bế tắc và vẻ đẹp sáng ngời nhân cách của họ. Lão Hạc chính là một con người như thế.

Luận điểm 1: *Đọc tác phẩm, ta thấy Lão Hạc, một con người nghèo khổ, bất hạnh.* Ba sào vườn vợ lão thất lưng buộc bụng tậu về, một túp lều, một con chó vàng là của con trai lão mua... đó là tài sản, vốn liếng của lão. Thì ra tài sản lão làm ra chẳng có gì, tất cả đều của vợ và con lão. Vợ chết đã lâu, cảnh gà trống nuôi con, lão lần hồi làm thuê kiếm sống. **Nhận xét đánh giá** → Có ai hiểu được gia cảnh lão khi không có bàn tay của người vợ, người mẹ thế mà lão vẫn cố sống để nuôi con. Đó là một sự hi sinh không hề nhỏ. Đó là tất cả cuộc đời của lão khiến lão phải thốt lên rằng: “cuộc đời như thế chỉ “nhỉnh” hơn cái kiếp con chó”! Và cũng chính từ cái nghèo, cái đói mà người cha như lão đành phải chịu khuất phục trước hạnh phúc của đứa con trai “độc đinh”. Thế rồi, con trai lão quyết chí đi đồn điền cao su để có

tiền cho “bổ túc”. Cuộc đời của lão như nhói lên một nỗi đau, một cảnh đời cùng khổ của những người nông dân trước cách mạng Tháng Tám. **Nhận xét đánh giá** → Tuổi già, sống cô quạnh, nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Lão Hạc chỉ còn biết làm bạn với con chó vàng. Không một người thân bên cạnh đỡ đần, săn sóc cho một bát cháo, một chén thuốc! Tình cảnh ấy thật đáng thương! **Nhận xét đánh giá** → Có lẽ khi viết về hoàn cảnh nghèo đói của lão hạc, nhà văn Nam Cao đã không cầm được nước mắt xót thương cho Lão Hạc. **Nhận xét đánh giá** → Có lẽ khi viết về gia cảnh Lão Hạc, nhà văn Nam Cao như ứa từng giọt lệ bởi lẽ ở cái tuổi gần đất xa trời nhưng bên cạnh lão không có người thân để nương tựa mỗi khi trái gió trở trời. Niềm an ủi duy nhất của lão chính là cậu vàng nên lão xem ó như một vật báu. Ngòi bút của Nam Cao như tuôn từng dòng lệ khi viết về cuộc đời của người nông dân trước cách mạng. **Bình, đánh giá=> Qua số phận nhân vật ta nhận ra bóng dáng của thời đại, nhận ra bức tranh hiện thực của xã hội mà nhân vật đang sống.**

Luận điểm 2: . Sống trong nghèo đói nhưng ở con người **Lão Hạc vẫn toát lên một tình yêu thương vô bờ bến. Đó là tình yêu con đến cả quên mình.** Lão rất yêu con, biết con buồn vì không có tiền để cưới vợ “lão thương con lắm...”. Lão đau đớn khi con sắp đi làm phu đồn điền cao su. Lão chỉ biết khóc: “*Thế của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi (...). Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi?*” “*Cao su đi dễ khó về*” (Ca dao). Có nỗi đau nào lớn hơn nỗi đau mất con, có nỗi đau nào khi người cha không lo nỗi hạnh phúc riêng cho đứa con độc nhất của mình. Cho nên mỗi khi nhắc đến con là lão lại rần rần nước mắt với một giọng buồn thương. Con trai lão Hạc đã đi “*bắn bặt*” năm, sáu năm chưa về. Hoa lợi trong vườn, bán được bao nhiêu lão dành dụm cho con, hi vọng khi con trở về “*có chút vốn mà làm ăn*”. Lão tự bảo: “*Manh vườn là của con ta... Của mẹ nó tậu thì nó hưởng...*”. Đói khổ quá, nhưng lão Hạc đã giữ trọn vẹn ba sào vườn cho con. Lão đã tìm đến cái chết, “*thà chết chứ không chịu bán đi một sào*”. Tất cả vì con, một sự hi sinh thầm lặng cực kì to lớn! **Nhận xét đánh giá** → Có thể nói nỗi đau lớn nhất của lão Hạc là nỗi đau thân phận làm cha nhưng cũng có thể nói rằng sự hi sinh của lão đối với con cũng không gì sánh được. Một người cha sẵn sàng hi sinh cả sự sống của mình chỉ để giữ thêm chút tiền cho con thật là chưa từng

có. **Bình** => Cái chết củ lão hạc là cái chết đòi sự sống, sống trong sạch như bông sen giữa bùn nhơ của xã hội thực dân phong kiến cũng đồng thời là tiếng nói tố cáo đã đẩy con người đến bước đường cùng đầy nghiệt ngã. Chi tiết cái chết của lão hạc đã kết thúc một chuỗi dài những bi kịch của cuộc đời lão và trở thành chi tiết điển hình của tác phẩm. Nó chở đc những thông điệp của tác phẩm cũng như nỗi lòng nhân ái của tác giả. **LH, NX** => Đến đây ta nhớ đến tác phẩm một bữa no của nhà văn, cái đói quay quắt để rồi khi no lại chết. Nam Cao đã phải thốt lên- **cuộc đời này không ăn uống sẽ giản dị biết bao**. Lão hạc thì lại khác, ông lựa chọn cái chết để giữ cho mình trong sạch.. thế mới thấy sự hi sinh của tình người cha lớn nhường nào! **Bình, đánh giá**. Phải chăng nhà văn đã đứng trong lao khổ, mở hồn đón lấy mọi vang động của cuộc đời để viết nên những trang văn chân thực, giàu tình người, tình yêu thương đến thế! mỗi trang văn không chỉ là trang đời mà còn là những dẫn vật trần trở suy nghĩ của nhà văn. Đó chính là sự tổng hòa của cái tâm cao cả, cái tài, cái tình của nhà văn Nam Cao. Thật đúng khi nhận xét rằng: không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do cuộc sống viết ra. Lão Hạc chết đi nhưng hình ảnh, tình yêu thương, nhân cách sống của nhân vật vẫn sống mãi trong lòng người đọc.

Luận điểm 3: **Tình yêu thương của lão còn thể hiện sâu sắc đối với cậu Vàng, mà người con trai để lại**. Lão quý nó, đặt tên nó là “*cậu Vàng*”. Cho nó ăn cơm trong bát sứ như nhà giàu. Bắt rận hoặc đem nó ra cầu ao tắm. Lão ăn gì cũng chia cho cậu Vàng cùng ăn. Lão ngồi uống rượu, cậu Vàng ngồi dưới chân, lão nhắm một miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Lão tâm sự với cậu Vàng như tâm sự với một người thân yêu ruột rà. **Nhận xét đánh giá** → Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu; nó là nguồn vui, chỗ dựa tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão Hạc vơi đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã tỏa sáng tâm hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của ông lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng đi, từ túng quẫn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vô cùng thảm thương. **Bình.** => **Tình yêu thương khiến Lão Hạc quên đi mọi khổ đau, hiện thực căm cảnh trước mắt, lão như sống ở một thế giới khác- thế giới êm ái lạ lùng mệnh mang như lơ lửng ở một tầng khác- đó là thế giới của tình yêu thương, tình phụ tử thiêng liêng cao cả.**

Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng. Trong đói khổ cùng cực phải ăn củ chuối, củ ráy..., ông giáo mời lão ăn khoai, uống nước chè, lão cười hớn hậu và khát “ông giáo cho để khi khác”. Ông giáo ngấm ngấm giúp đỡ, lão từ chối “một cách gằn như hách dịch Bất đắc dĩ phải bán con chó; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dần vật: “Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó”. **Nhận xét đánh giá** → Một người đau đớn, dần vật vì bán đi một con chó, một người khổ tâm, buồn bã đến phải tự tử vì mất đi một con chó làm bầu bạn có lẽ chỉ có Lão hạc mà thôi. Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai, như một lời nguyên định ninh: “Cái vườn là của con ta (...). Của mẹ nó tậu thì nó hưởng”. Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con, và gửi lại 30 đồng bạc để “lỡ có chết... gọi là của lão có tí chút...”, vì lão không muốn làm phiền đến hàng xóm. **Nhận xét đánh giá** → Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Binh Tư, một kẻ “làm nghề ăn trộm” ở phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tấm lòng trong sạch, tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng.

Luận điểm: Đoạn trích phản ánh hiện thực xã hội sâu sắc.

.....

 => Đến với đoạn trích “Lão Hạc” Nam Cao như đang cho chúng ta xem một thước phim cận cảnh trở về quá khứ - thời đại nhân vật sống. Nam Cao đã đưa chúng ta đến với những mặt trái của xã hội, những bức xúc nhức nhối của xã hội, của một thời đại được phơi bày một cách không khoan nhượng, để rồi nỗi đau của nhân vật trở thành nỗi đau của con người, nỗi đau của nhân loại.

Luận điểm : Đoạn trích thể hiện tình thần nhân đạo sâu sắc. Đó là nhà văn đã vạch trần bộ mặt tàn ác của xã hội thực dân phong kiến với hàng loạt cái xấu xa. Là lòng trân trọng trước vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân cũng như sự cảm thông, chia sẻ với số phận bất hạnh của người nông dân trong xã hội cũ. Giá trị nhân đạo của đoạn trích còn là sự hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn. **NXĐG=>Thế mới thấy văn học chính là cuộc đời. Mỗi tác phẩm văn học cũng là một mảnh đời, một số phận, tiếng nói lương tri của thời đại. Văn chương không chỉ nói chuyện lòng**

người mà còn nói chuyện cuộc đời. những khoảnh khắc hiện thực đầy biến cố.

Nhận xét đánh giá → Tóm lại, cuộc đời của lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn; chết thì quẩn quại, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, vị tha, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão Hạc là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thông thiết.
